

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP

QUYỀN 01

BẢN CÁO BẠCH CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500313811 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/09/2004, cấp thay đổi lần thứ 22 ngày 10/04/2025)



CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 147/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 12 tháng 6 năm 2025)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày / /2025 tại:

Tổ chức chào bán: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

- Trụ sở chính: Tầng 7 tòa nhà hỗn hợp Sông Đà Hà Đông, số 131 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: (024) 33 545 735
- Website: www.songda11.com.vn

Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN UP (được đổi tên từ Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia)

- Trụ sở chính: Tầng 08, tòa nhà Hapro Building, số 11B Cát Linh, phường Văn Miếu-Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Hà Nội.
- Điện thoại: (024) 3944 6666 Fax: (024) 3944 8071
- Website: <https://upstock.com.vn/>

Phụ trách công bố thông tin:

- **Họ tên: Ông Bùi Quang Chung**
- Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát
- Điện thoại: (024) 33 545 735

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500313811 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/09/2004, cấp thay đổi lần thứ 22 ngày 10/04/2025)



CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số /GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày tháng năm 2025)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày / /2025 tại:

Tổ chức chào bán: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

- Trụ sở chính: Tầng 7 tòa nhà hỗn hợp Sông Đà Hà Đông, số 131 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Điện thoại: (024) 33 545 735
- Website: www.songda11.com.vn

Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN UP (được đổi tên từ Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia)

- Trụ sở chính: Tầng 08, tòa nhà Hapro Building, số 11B Cát Linh, phường Văn Miếu-Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Hà Nội.
- Điện thoại: (024) 3944 6666 Fax: (024) 3944 8071
- Website: <https://upstock.com.vn/>

Phụ trách công bố thông tin:

- **Họ tên: Ông Bùi Quang Chung**
- Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát
- Điện thoại: (024) 33 545 735



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500313811 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/09/2004, cấp thay đổi lần thứ 22 ngày 10/04/2025)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

- **Tên cổ phiếu:** Cổ phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà 11
- **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông
- **Mã cổ phiếu:** SJE
- **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phiếu
- **Giá chào bán:** 13.000 đồng/cổ phiếu
- **Tổng số lượng cổ phiếu chào bán:** 18.126.533 cổ phiếu
- **Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá:** 181.265.330.000 đồng
(Bằng chữ: Một trăm tám mươi một tỷ, hai trăm sáu mươi lăm triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng)

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

❖ **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**

- **Trụ sở chính:** Tầng 12, tòa nhà 167 Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- **Điện thoại:** +84 24 6278 2904
- **Fax:** +84 24 6278 2905
- **Website:** www.anvietcpa.com

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

❖ **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN UP (được đổi tên từ Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia)**

- **Trụ sở chính:** Tầng 08, tòa nhà Hapro Building, số 11B Cát Linh, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, Hà Nội
- **Điện thoại:** (84-24) 3944 6666 **Fax:** (84-24) 3944 8071
- **Website:** <https://upstock.com.vn/>



MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	5
1. Tổ chức phát hành	5
2. Tổ chức tư vấn	5
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1. Rủi ro về kinh tế	5
2. Rủi ro về luật pháp	11
3. Rủi ro đặc thù ngành	11
4. Rủi ro về đợt chào bán	13
5. Rủi ro pha loãng cổ phiếu	13
6. Rủi ro quản trị Công ty	14
7. Rủi ro khác	15
III. CÁC KHÁI NIỆM	16
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	17
1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành	17
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành	19
3. Cơ cấu tổ chức của Công ty	20
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty	22
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại	26
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành	33
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại	
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành	36
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	37
10. Hoạt động kinh doanh	37
11. Chính sách đối với người lao động	66
12. Chính sách cổ tức	68
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất	68
14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành	68
15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp, kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán	68
16. Thông tin về cam kết của Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích	68
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH	69
1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất	69



2. Tình hình tài chính.....	72
3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành.....	85
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức	85
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG.....	88
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN.....	112
1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông, tự do chuyển nhượng	112
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu	112
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 18.126.533 cổ phiếu.....	112
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 181.265.330.000 đồng	112
5. Giá chào bán dự kiến:.....	112
6. Phương pháp tính giá.....	112
7. Phương thức phân phối.....	113
8. Đăng ký mua cổ phiếu.....	114
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu.....	114
10. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu.....	115
11. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu.....	116
12. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành ..	116
Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, vì vậy, đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tăng vốn của Tổ chức phát hành không cần lấy ý kiến của cơ quan có thẩm quyền.	116
13. Hủy bỏ đợt chào bán.....	116
Số tiền thu được từ đợt chào bán không sử dụng cho mục đích thực hiện dự án nên không thuộc trường hợp bị hủy bỏ đợt chào bán khi không đảm bảo tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu 70%.....	116
14. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài	116
15. Các loại thuế có liên quan	116
16. Thông tin về các cam kết.....	117
17. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt:	117
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	117
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	119
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN	130
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	130
XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN.....	131
XIII. PHỤ LỤC:	132



DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng số 1: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 28/02/2025	36
Bảng số 2: Cơ cấu doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	40
Bảng số 3: Cơ cấu Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty (Hợp nhất)	
Bảng số 4: Cơ cấu Lợi nhuận gộp của Công ty mẹ	42
Bảng số 5: Cơ cấu lợi nhuận gộp của công ty (Hợp nhất)	43
Bảng số 6: Tình hình tài sản cố định Công ty mẹ	44
Bảng số 7: Tình hình tài sản cố định Công ty (Hợp nhất).....	44
Bảng số 8: Tình hình tài sản lớn của Công ty tại thời điểm 31/12/2024.....	45
Bảng số 9: Chi tiết doanh thu và lợi nhuận của Công ty theo từng thị trường.....	45
Bảng số 10: Các Hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết năm 2022 và đến thời điểm hiện tại	47
Bảng số 11: Các khách hàng, nhà cung cấp lớn trong năm 2022, 2023 và đến thời điểm hiện tại	56
Bảng số 12: Tình hình hoạt động của các doanh nghiệp cùng ngành	59
Bảng số 13: Cơ cấu lao động của Công ty	66
Bảng số 14: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ	69
Bảng số 15: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty (Hợp nhất).....	69
Bảng số 16: Báo cáo về vốn điều lệ của Công ty	73
Bảng số 17: Báo cáo về nguồn vốn kinh doanh của Công ty mẹ.....	73
Bảng số 18: Báo cáo về nguồn vốn kinh doanh của Công ty (Hợp nhất)	74
Bảng số 19: Tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Công ty mẹ	74
Bảng số 20: Tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Công ty (Hợp nhất).....	74
Bảng số 21: Mức lương bình quân của người lao động SJE qua các năm.....	75
Bảng số 22: Số dư các khoản phải thu Công ty mẹ.....	75
Bảng số 23: Chi tiết các khoản phải thu quá hạn của Công ty tại 31/12/2024(Công ty mẹ)	
Bảng số 24: Số dư các khoản phải thu Công ty (Hợp nhất)	76
Bảng số 25: Chi tiết các khoản phải thu quá hạn của Công ty tại 31/12/2024(Hợp nhất)	
Bảng số 26: Số dư các khoản phải trả Công ty mẹ.....	78
Bảng số 27: Số dư các khoản phải trả Công ty (Hợp nhất)	79
Bảng số 28: Số dư các khoản phải nộp theo luật định của Công ty mẹ	80
Bảng số 29: Số dư các khoản phải nộp theo luật định của Công ty (Hợp nhất)	81
Bảng số 30: Số dư hàng tồn kho của Công ty mẹ	82
Bảng số 31: Số dư hàng tồn kho của Công ty (Hợp nhất).....	82
Bảng số 32: Chỉ tiêu tài chính của Công ty mẹ	83
Bảng số 33: Chỉ tiêu tài chính của Công ty hợp nhất.....	84
Bảng số 34: Các chỉ tiêu kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức của Công ty năm 2024 .87	



NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ông Nguyễn Quang Luân	- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Lê Anh Trình	- Chức vụ: Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Công Huân	- Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện: Ông **Hoàng Văn Bộ** – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Ngân hàng Đầu tư
(Theo giấy Ủy quyền số 10/2024/GUQ-UPS ngày 11/12/2024 của Tổng giám đốc Công ty cổ phần Chứng khoán UP)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm ra công chúng do Công ty Cổ phần Chứng khoán UP tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn số 70/2023/TVPH/IRS-SJE ký với Công ty Cổ phần Sông Đà 11. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Sông Đà 11 cung cấp.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái, v.v..., các yếu tố này tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và Công ty Cổ phần Sông Đà 11 nói riêng. Vì vậy, việc phân tích các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế sẽ làm rõ mức độ tác động của các loại rủi ro này cũng như đưa ra được các biện pháp khắc phục mức độ ảnh hưởng của các rủi ro kinh tế đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo sự vận hành của doanh nghiệp.

1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) là nhân tố quan trọng, ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Kinh tế Việt Nam năm 2023 mặc



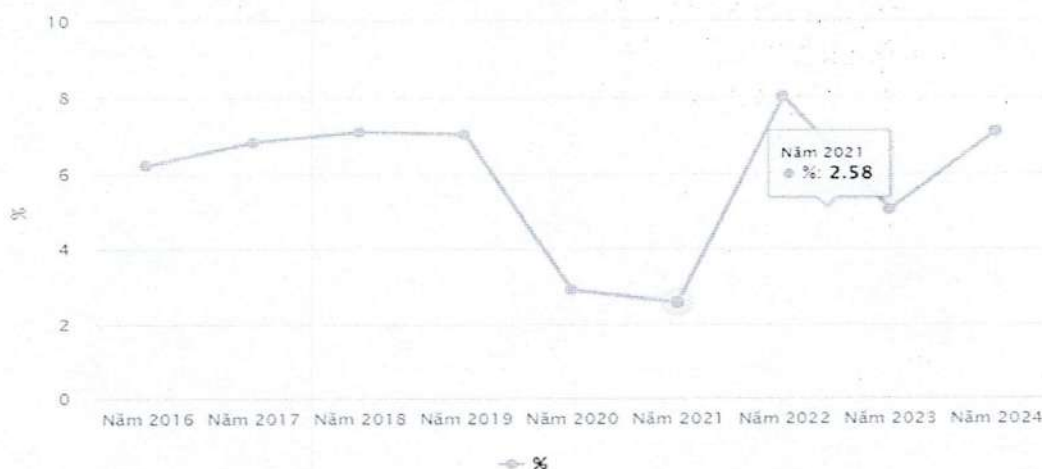
dù vẫn còn nhiều khó khăn, nhưng với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chủ động, linh hoạt, quyết liệt, sát sao chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương cùng với sự đoàn kết, tin tưởng, ủng hộ của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp đã triển khai nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô và các cân đối lớn của nền kinh tế, nhờ đó kinh tế nước ta vẫn đạt được kết quả khả quan cho thấy nền kinh tế tiếp tục có xu hướng phục hồi mới mức tăng trưởng quý sau cao hơn quý trước.

Năm 2023, tăng trưởng kinh tế ước đạt 5,05% (Quý I tăng 3,41%; quý II tăng 4,25%; quý III tăng 5,47%; quý IV tăng 6,72%); trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83% đóng góp 0,46 điểm phần trăm; công nghiệp, xây dựng tăng 3,74% đóng góp 1,51 điểm phần trăm (riêng công nghiệp tăng 3,02%) và dịch vụ tăng cao nhất với 6,82% đóng góp 3,25 điểm phần trăm và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 3,33%.

Năm 2024, tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường với nhiều yếu tố rủi ro, bất định. Xung đột quân sự tiếp tục leo thang, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn diễn ra ngày càng gay gắt, nhiều quốc gia tăng cường chính sách bảo hộ thương mại, nợ công và thâm hụt ngân sách gia tăng, sự tụt dốc của một số nền kinh tế lớn, chuỗi cung ứng toàn cầu đứt gãy cục bộ đã tác động đến hòa bình, ổn định và tăng trưởng kinh tế thế giới. Cùng với đó, thiên tai, thời tiết cực đoan ảnh hưởng nghiêm trọng đến cuộc sống của dân cư và phát triển kinh tế – xã hội tại nhiều quốc gia. Tuy nhiên, kinh tế thế giới đang dần ổn định khi thương mại hàng hóa toàn cầu được cải thiện trở lại, áp lực lạm phát giảm dần, điều kiện thị trường tài chính tiếp tục được nới lỏng, thị trường lao động phục hồi tích cực. Tính đến tháng 12/2024, hầu hết các tổ chức quốc tế đều giữ nguyên hoặc nâng mức tăng trưởng kinh tế toàn cầu từ 0,1 đến 0,3 điểm phần trăm so với các dự báo trước đó, đạt từ 2,7% đến 3,2%, tương đương với mức tăng trưởng năm 2023.

Hình 1: Tốc độ tăng GDP giai đoạn 2016 – 2024

Tốc độ tăng trưởng GDP giai đoạn 2016 – 2024 (nguồn: GSO)





(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý IV/2024 ước tính tăng 7,55% so với cùng kỳ năm trước, chỉ thấp hơn quý IV các năm 2017, 2018 trong giai đoạn 2011-2024, duy trì xu hướng quý sau cao hơn quý trước (quý I tăng 5,98%, quý II tăng 7,25%, quý III tăng 7,43%). Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,99%, đóng góp 4,86% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,35%, đóng góp 44,03%; khu vực dịch vụ tăng 8,21%, đóng góp 51,11%. Về sử dụng GDP quý IV/2024, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,54% so với cùng kỳ năm trước; tích lũy tài sản tăng 7,98%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 11,35%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 13,49%.

GDP năm 2024 ước tính tăng 7,09% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của các năm 2018, 2019 và 2022 trong giai đoạn 2011-2024. Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,27%, đóng góp 5,37%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,24%, đóng góp 45,17%; khu vực dịch vụ tăng 7,38%, đóng góp 49,46%. (Nguồn: Tổng cục thống kê)

Những diễn biến chung của nền kinh tế, cũng như ngành, lĩnh vực hoạt động luôn ảnh hưởng tới sự phát triển của các thành phần kinh tế. Khi nền kinh tế ở chu kỳ tăng trưởng, các yếu tố vĩ mô được kiểm soát tốt, sức cầu tăng mạnh sẽ là động lực để phát triển doanh nghiệp và ngược lại sẽ là lực cản không nhỏ tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Cho nên, Công ty cũng sẽ chịu ảnh hưởng không nhỏ từ việc nền kinh tế trong nước và thế giới biến động. Vì vậy, Trong năm 2025 và những năm tiếp theo Ban lãnh đạo Công ty luôn cập nhật tình hình kinh tế - xã hội vĩ mô, nhằm xây dựng và hoạch định chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp với những thay đổi của tình hình kinh tế trong nước cũng như trên thế giới...

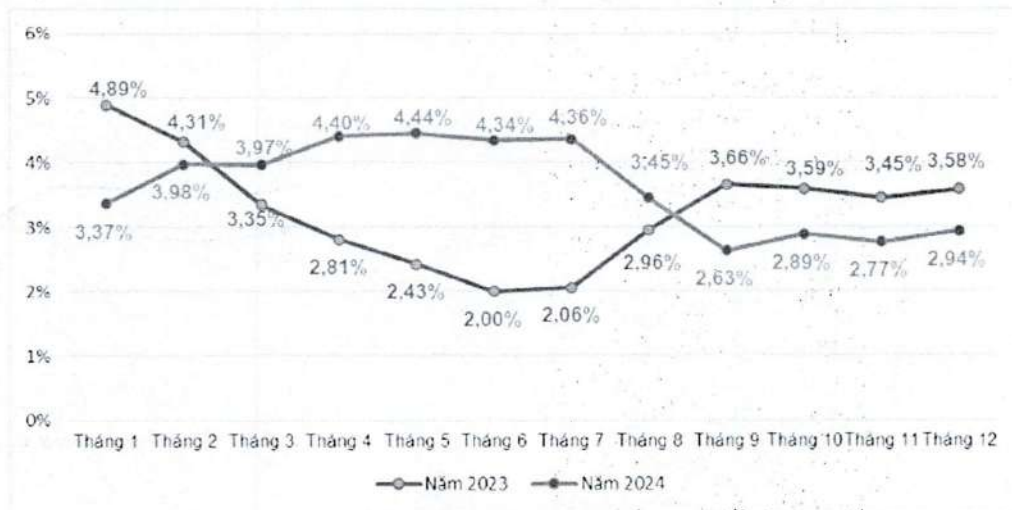
1.2. Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế. Theo số liệu được công bố trong những năm gần đây, tỷ lệ lạm phát của Việt Nam đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao.

Năm 2024, xung đột quân sự, biến động chính trị, bất ổn tiếp tục leo thang tại một số nước; kinh tế, thương mại toàn cầu phục hồi chậm, thiếu vững chắc; tổng cầu, đầu tư sụt giảm; tỷ giá, lãi suất biến động khó lường. Thiên tai, hạn hán, bão lũ, biến đổi khí hậu ngày càng nghiêm trọng, tác động nặng nề tới phát triển kinh tế – xã hội và đời sống của người dân. Xu hướng cắt giảm lãi suất của một số ngân hàng Trung ương lớn trên thế giới tiếp tục mở rộng do lạm phát đang tiến gần đến mục tiêu 2%. Ngày 12/12/2024, Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) lần thứ tư trong năm giảm lãi suất thêm 0,25 điểm phần trăm xuống còn 3%/năm. Ngày 18/12/2024, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) cũng tiếp tục cắt giảm lãi suất 0,25 điểm phần trăm xuống còn 4,25%-4,5%/năm. Trong tháng 11/2024, lạm phát của Mỹ tăng 2,7% so với cùng kỳ năm trước; khu vực sử dụng

đồng tiền chung châu Âu tăng 2,2%, trong đó Tây Ban Nha tăng 2,4%; Đức tăng 2,2%; Pháp tăng 1,3%. Tại châu Á, lạm phát tháng 11/2024 của Ấn Độ tăng 5,5%; Nhật Bản tăng 2,9%; Phi-li-pin tăng 2,5%; In-đô-nê-xi-a tăng 1,6%; Hàn Quốc tăng 1,5%. Lạm phát của Việt Nam được kiểm soát ở mức phù hợp để hỗ trợ cho tăng trưởng kinh tế, CPI tháng 12/2024 tăng 2,94% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 2: Tốc độ tăng CPI các tháng năm 2023 và năm 2024 so với cùng kỳ năm trước



(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Trái ngược với xu hướng các tháng trong năm 2023, CPI 5 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm trước có xu hướng tăng cao dần, từ mức 3,37% của tháng Một lên mức cao nhất 4,44% vào tháng Năm. Từ tháng Bảy đến nay, CPI có xu hướng giảm dần, từ mức tăng 4,36% của tháng 7/2024 xuống 2,94% vào tháng 12/2024.

Tính chung năm 2024, CPI tăng 3,63% so với năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng giá khi giá gạo trong nước tăng theo giá gạo xuất khẩu, thiên tai bão lũ và nhu cầu tiêu dùng tăng trong dịp Lễ, Tết cùng với giá thịt lợn tăng; nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng; giá dịch vụ y tế, bảo hiểm y tế được điều chỉnh tăng theo lương cơ sở.

Kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục phục hồi trong năm 2025 do tác động của các gói hỗ trợ thúc đẩy tăng trưởng cùng với nhu cầu tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ tăng sẽ đẩy giá cả hàng hóa lên cao. Nhận thức rõ điều này, lạm phát luôn là chỉ số được Công ty Cổ phần Sông Đà 11 quan tâm và theo dõi chặt chẽ để đưa ra các điều chỉnh kịp thời đối với hoạt động của mình.

1.3. Lãi suất

Lãi suất là biến số kinh tế nhạy cảm, sự thay đổi của lãi suất sẽ tác động làm thay đổi hành vi sản xuất và tiêu dùng của xã hội. Đối với một doanh nghiệp, rủi ro lãi suất là



rủi ro khi chi phí đi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành tùy theo cơ cấu nợ vay của ngành đó.

Theo Tổng cục Thống kê, tính đến 30/11/2024, mặt bằng lãi suất cho vay tiếp tục giảm 0,44%/năm so với cuối năm 2023. Trước đó, lãi suất cho vay đã giảm khoảng 2,5% trong năm 2023. Lãi suất cho vay bình quân bằng đồng Việt Nam của ngân hàng thương mại đối với các khoản vay mới và cũ còn dư nợ ở mức 6,7-9,0%/năm.

Trong kết quả điều tra xu hướng kinh doanh quý I/2025 đối với toàn bộ các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài do Vụ Dự báo, Thống kê (NHNN) vừa công bố cũng cho thấy xu hướng về mặt bằng lãi suất huy động VNĐ duy trì tương đối ổn định, trong khi mặt bằng lãi suất cho vay giảm so với cuối năm 2024, nhất quán với kỳ vọng của các tổ chức tín dụng tại cuộc điều tra cùng kỳ năm trước và quý trước. Tuy nhiên, các tổ chức tín dụng dự kiến có thể điều chỉnh tăng nhẹ lãi suất huy động và cho vay khoảng 0,2-0,3 điểm phần trăm trong năm 2025.

Theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), thặng dư cán cân thanh toán của Việt Nam năm 2024 ước đạt 3% GDP, giảm so với mức 5,8% GDP của năm 2023 và dự kiến sẽ tiếp tục thu hẹp trong năm 2025. Trong khi đó, bộ đệm để ứng phó với áp lực tỷ giá là dự trữ ngoại hối đã hao hụt đáng kể vào năm 2024. Do đó, sự cạn kiệt này khiến tỷ giá dễ bị biến động hơn trước những biến động của đồng USD. Tuy nhiên, về mặt tích cực, thặng dư thương mại mạnh mẽ của Việt Nam và lượng vốn FDI thực hiện tăng 7,1 % so với cùng kỳ sẽ là những yếu tố hỗ trợ cho VND.

Để giảm thiểu rủi ro lãi suất, Công ty có thể thực hiện thông qua các biện pháp như: Ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp, tối ưu hoá việc sử dụng vốn, tăng vòng quay đồng tiền, ưu tiên thanh toán nợ trước hạn đối với các khoản vay có lãi suất cao, cơ cấu lại các khoản vay từ lãi suất cao xuống lãi suất thấp. Lãi suất là biến số kinh tế nhạy cảm, sự thay đổi của lãi suất sẽ tác động làm thay đổi hành vi sản xuất và tiêu dùng của xã hội. Đối với một doanh nghiệp, rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí đi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành tùy theo cơ cấu nợ vay của ngành đó.

Trong giai đoạn hiện nay, mặt bằng lãi suất đang duy trì ở mức thấp là điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam nói chung và của SJE nói riêng. Vì vậy, các rủi ro tài chính liên quan đến lãi suất trong thời điểm hiện tại nằm trong tầm kiểm soát của Công ty.

1.4. Tỷ giá

Việc điều hành chính sách tỷ giá hối đoái của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng như tỷ giá hối đoái trên thị trường sẽ tác động đến hiệu quả hoạt động của Công ty. Hiện



chính sách điều hành tỷ giá được điều hành theo hướng linh hoạt nhằm đáp ứng những yêu cầu từ bối cảnh thương mại và đầu tư quốc tế, tăng cường ký kết các hiệp định thương mại tự do.

Sự ổn định của tỷ giá hối đoái được duy trì nhờ các yếu tố hỗ trợ như: (i) Cơ chế tỷ giá trung tâm và các công cụ điều tiết thị trường ngoại hối đang dần phát huy được hiệu quả, hạn chế hành vi đầu cơ, găm giữ ngoại tệ; (ii) Nguồn cung ngoại tệ tương đối dồi dào do cán cân thương mại tiếp tục thặng dư, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tăng trưởng khả quan; (iii) Hầu hết các đồng tiền trong rổ tính tỷ giá trung tâm của Ngân hàng Nhà nước đều lên giá so với đồng USD đã giúp giải tỏa sức ép lên tỷ giá USD/VND. Tại bảng thống kê trên, dự trữ ngoại hối của Mỹ đạt 242,68 tỷ USD, đứng thứ 14 trong bảng thống kê, trong đó dự trữ vàng chiếm khoảng 11 tỷ USD, dữ liệu ngày 15/03/2024; dự trữ ngoại hối của Việt Nam đạt trên 93 tỷ USD, dữ liệu ngày 01/03/2024, đứng thứ 31 trong bảng thống kê.

Tại ngày 31/12/2024 Ngân hàng Nhà nước niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 24.335 VND/USD, tăng 8 đồng so với phiên liền trước. Tỷ giá trần lên mức 25.551 VND/USD, cao nhất kể từ đầu năm. Tỷ giá mua giao ngay và tỷ giá bán giao ngay được giữ nguyên niêm yết lần lượt ở mức 23.400 VND/USD và 25.450 VND/USD. Trên thị trường liên ngân hàng, tỷ giá chốt phiên cuối cùng của năm 2024 với mức 25.485 VND/USD, tăng 18 đồng so với phiên 30/12. Các ngân hàng thương mại niêm yết tỷ giá USD/VND mua/bán ở mức 25.221 – 25.551 VND/USD, cao nhất năm 2024. Tỷ giá trên thị trường tự do đi ngang trong phiên cuối cùng của năm 2024 sau khi tăng mạnh 90 đồng ở cả hai chiều mua vào và bán ra vào hôm 30/12, giao dịch tại 25.750 VND/USD và 25.850 VND/USD.

Tại phiên giao dịch ngày 08/04/2025 Ngân hàng Nhà nước công bố tỷ giá trung tâm của đồng Việt Nam với USD tăng 12 đồng mỗi USD so với ngày 04/04/2025, hiện ở mức 24.898 đồng, tỷ giá tham khảo tại Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước mua vào - bán ra giữ nguyên, hiện ở mức: 23.692 đồng - 26.080 đồng.

Trong năm 2024, NHNN cũng công bố chính sách điều hành tỷ giá, ngoại hối với mục tiêu xuyên suốt trong điều hành chính sách tiền tệ, trong đó có điều hành tỷ giá của NHNN là kiểm soát lạm phát, giữ ổn định kinh tế vĩ mô, tạo môi trường thuận lợi để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế bền vững trong trung và dài hạn. NHNN tiếp tục duy trì sự ổn định của tỷ giá để tạo lập khuôn khổ vĩ mô ổn định cho phát triển kinh tế bền vững.

Dự báo trong năm 2025 tỷ giá USD/VND tiếp tục bị tác động bởi các chính sách kinh tế của Tổng thống Mỹ Donald Trump. Cụ thể, chính sách giảm thuế cho các đối tượng thu nhập cao của ông Trump dự kiến sẽ làm gia tăng thâm hụt ngân sách của Mỹ, điều này có thể dẫn đến việc Chính phủ Mỹ phải phát hành trái phiếu với lãi suất cao để ổn định tài chính.



SJE hiện nay không có nghiệp vụ kinh doanh ngoại hối, đồng thời hoạt động kinh doanh của SJE không gắn trực tiếp doanh thu và chi phí với ngoại tệ, do vậy những biến động của tỷ giá giữa Đồng Việt Nam và các đồng ngoại tệ khác không ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của SJE.

2. Rủi ro về luật pháp

Là doanh nghiệp hoạt động theo hình thức công ty cổ phần, hiện đang niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán (HNX), hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các bộ luật về thuế quan, và các quy định pháp luật khác của Việt Nam. Đặc biệt, các quy định về thuế có ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí của Công ty.

Rủi ro luật pháp phát sinh khi Công ty không thực hiện đúng hoặc không kịp thời cập nhật áp dụng những thay đổi của các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Là đơn vị hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh xây lắp hệ thống lưới điện và các trạm biến áp, định hướng phát triển của Chính phủ đối với ngành điện có ý nghĩa hết sức quan trọng với Công ty. Ngày 15/05/2023, Phó Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 500/2023/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (gọi tắt là Quy hoạch điện VIII). Như vậy, trong thời gian tới, Chính phủ vẫn dành những ưu đãi, thuận lợi để phát triển lưới điện và các sản phẩm hỗ trợ cho ngành điện.

Do vậy, để hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, Công ty luôn thường xuyên cập nhật các văn bản pháp lý để kịp thời dự báo và có sự chuẩn bị nhằm thích ứng với những thay đổi của chính sách. Đồng thời, nghiên cứu các quy định, chính sách về các sản phẩm, dịch vụ mà Công ty đang cung cấp để nhằm hạn chế những rủi ro về mặt pháp lý trong hoạt động kinh doanh.

3. Rủi ro đặc thù ngành

Với đặc thù là doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng hệ thống đường dây tải điện, trạm biến áp đến cấp điện áp 500KV, xây dựng hệ thống cấp và thoát nước... hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 11 chịu ảnh hưởng không nhỏ bởi những rủi ro đặc thù của ngành điện và ngành xây dựng.

3.1. Rủi ro cạnh tranh

Hiện nay, trên địa bàn cả nước có nhiều doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp, sản xuất kinh doanh điện. Những doanh nghiệp này đều là đối thủ cạnh tranh trực tiếp của Công ty. Ngoài ra, lĩnh vực mà công ty đang hoạt động trong thời gian tới cũng sẽ thu hút được sự tham gia của nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước. Điều này cũng ít nhiều tạo ra sức ép cạnh tranh đối với công ty.



Tuy nhiên, nhờ mối quan hệ chặt chẽ với Tập đoàn điện lực Việt Nam, Tổng Công ty truyền tải điện Quốc gia,... Công ty vẫn đảm bảo thị trường hoạt động của mình. Song, lĩnh vực mà công ty đang hoạt động triển khai đổi mới, nâng cao công tác quản trị điều hành, công tác nghiên cứu dự báo thị trường, đặc biệt chú trọng đến chất lượng các dự án, khẳng định thương hiệu Sông Đà 11 qua việc đảm bảo đầu ra của mình. Cùng với đó, Công ty cũng có kế hoạch phát triển mạnh hơn các mảng khác ngoài lĩnh vực xây lắp như: Đầu tư vào các Dự án năng lượng; Đầu tư nhà máy sản xuất cột điện (cột thép); Đầu tư các dự án bất động sản khu công nghiệp...

3.2. *Rủi ro biến động giá*

Trong hoạt động xây lắp, chi phí nguyên vật liệu thường chiếm tỷ lệ lớn trong tổng chi phí về giá vốn, chính vì vậy biến động nguyên vật liệu là yếu tố quan trọng, ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là đối với các hợp đồng trọn gói đã ký kết. Khi giá cả nguyên vật liệu tăng quá cao, khiến các nhà thầu phải kéo dài thời gian thi công chờ ổn định giá vật tư hoặc phải chịu các khoản chi phí phát sinh đó để hoàn thành hợp đồng đã ký.

Để hạn chế bất cập này, hiện nay các doanh nghiệp đã cố gắng để tính toán thật chính xác về khối lượng công việc, vật tư, đơn giá... để đảm bảo hiệu quả kinh tế trước khi đàm phán ký hợp đồng. Công ty chủ động xây dựng cho mình những kịch bản phù hợp. Đồng thời, tìm ra những biện pháp thi công giảm thiểu chi phí với việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào thi công, nâng cao trình độ đội ngũ nhân lực để đối phó với rủi ro do biến động giá nguyên vật liệu gây ra. Tuy nhiên, do sự hạn chế của các tài nguyên như cát, đá, nước và một phần phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên nên phần nào, rủi ro này khó có biện pháp khắc phục hiệu quả. Khi rủi ro xảy ra Công ty vẫn sẽ phải chịu những ảnh hưởng tiêu cực mà nó mang đến.

3.3. *Rủi ro về ngành nghề:*

Với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực xây lắp các công trình điện, đường dây tải điện và Trạm biến áp nên thị trường hoạt động của Công ty rộng khắp cả nước. Một số công trình do vướng mắc công tác đền bù giải phóng mặt bằng nên công tác thi công gặp nhiều khó khăn, dẫn đến thời gian thi công bị kéo dài, chi phí dự án tăng, làm giảm lợi nhuận của Công ty. Ngoài ra, một số công trình Công ty thực hiện tại các vùng núi xa xôi, có địa hình, điều kiện tự nhiên phức tạp và hạn chế về nguồn nhân lực khiến công tác thi công các công trình gặp những khó khăn nhất định cho Công ty không chỉ trong công tác đảm bảo việc vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc thiết bị phục vụ thi công kịp thời mà việc đảm bảo nguồn lực thi công để hoàn thiện dự án đúng thời gian và đảm bảo chất lượng.

Thị trường xây lắp các công trình điện, đường dây và Trạm biến áp đang dần hoàn thiện và đi vào ổn định. Trong tương lai, việc xây lắp mới sẽ có xu hướng giảm dần. Đây cũng là rủi ro cho Công ty cổ phần Sông Đà 11 trong việc đảm bảo việc hoạt động kinh



doanh xuyên suốt, có hiệu quả trong lĩnh vực này trong dài hạn.

4. Rủi ro về đợt chào bán

Đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng (chào bán cho cổ đông hiện hữu) tăng vốn điều lệ của Công ty sẽ phụ thuộc vào diễn biến tình hình thị trường chứng khoán tại thời điểm chính thức chào bán, tâm lý của các nhà đầu tư cũng như tính hấp dẫn của cổ phần Công ty Cổ phần Sông Đà 11. Bên cạnh đó, đợt chào bán này không được bảo lãnh bởi tổ chức bảo lãnh phát hành, nên có thể xảy ra rủi ro cổ phiếu chào bán không được cổ đông đăng ký mua hết, các cổ đông ngại rủi ro sẽ không thực hiện quyền mua cổ phiếu, Công ty không huy động đủ số vốn như dự kiến để bổ sung vốn lưu động, nguồn vốn phục vụ hoạt động đầu tư cũng như chi trả các khoản nợ đến hạn, Công ty không đủ nguồn vốn để thực hiện đầu tư góp vốn mua cổ phần của Công ty Cổ phần thủy điện Phúc Long. Trường hợp số cổ phần chào bán còn dư do cổ đông không thực hiện quyền (nếu có), Hội đồng quản trị Công ty thực hiện việc phân phối, chào bán tiếp cho các nhà đầu tư khác với giá phát hành không thấp hơn mức giá phát hành cho các cổ đông hiện hữu để đảm bảo phân phối được hết toàn bộ số cổ phiếu phát hành và theo nguyên tắc tuân thủ quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Trường hợp không huy động đủ số vốn từ đợt chào bán cổ phiếu, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty sẽ cân đối và bổ sung bằng các nguồn vốn khác: vốn vay ngân hàng, nguồn vốn từ kinh doanh, vốn huy động khác để đảm bảo đủ nguồn tài trợ cho việc bổ sung vốn lưu động, công tác đầu tư vào Công ty CP Thủy điện Phúc Long,... Tuy nhiên, phương án này sẽ làm tăng chi phí tài chính và giảm lợi nhuận kinh doanh của Công ty, mặt khác khi không chào bán thành công, không thu được số tiền như phương án đã đề ra sẽ làm công ty chậm tiến độ cũng như không hoàn thành được mục tiêu và kế hoạch kinh doanh trong những năm tiếp theo.

5. Rủi ro pha loãng cổ phiếu

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán trong đợt này là 18.126.533 cổ phiếu, tương đương 75% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty trên thị trường, giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 13.000 đồng/cổ phiếu.

Rủi ro pha loãng cổ phiếu có thể xảy ra khi Công ty thực hiện chào bán thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ với giá bán thấp hơn thị giá của cổ phiếu đang lưu hành, nhà đầu tư nên lưu ý một số vấn đề sau:

a) Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BV):

Công thức tính:

$$BV = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu} - \text{Lợi ích cổ đông không kiểm soát}}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, giá trị sổ sách của mỗi cổ phiếu có thể sẽ bị thay đổi do có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu lưu hành và tốc độ tăng trưởng vốn chủ sở



hữu. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán 31/12/2024, giá trị sổ sách theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 đã được kiểm toán là 32.927 đồng/cổ phiếu.

Giá chào bán cổ phiếu dự kiến đợt này là 13.000 đồng/cổ phiếu. Tại thời điểm kết thúc đợt chào bán, nếu tốc độ tăng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phiếu sau đợt chào bán thì giá trị sổ sách của cổ phiếu sẽ giảm.

b) Điều chỉnh kỹ thuật giá của cổ phiếu SJE trên thị trường

Cổ phiếu của Công ty đang được đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX). Trường hợp giá thị trường thấp hơn giá chào bán, giá giao dịch cổ phiếu sẽ không bị điều chỉnh kỹ thuật theo tỷ lệ chào bán. Trong trường hợp giá thị trường lớn hơn giá chào bán, giá giao dịch của cổ phiếu sẽ bị điều chỉnh kỹ thuật theo tỷ lệ chào bán và giá chào bán tại ngày giao dịch không hưởng quyền đối với quyền mua cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu (“ngày giao dịch không hưởng quyền”). Giá của cổ phiếu Công ty sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$\text{Giá cổ phiếu SJE (điều chỉnh)} = \frac{PR(t-1) + (i \times PR)}{(1 + i)}$$

Trong đó:

$PR(t-1)$: giá giao dịch của cổ phiếu Công ty ngày giao dịch gần nhất trước ngày giao dịch không hưởng quyền

I : Tỷ lệ vốn tăng

PR : Giá chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu

Ví dụ: Giả sử giá giao dịch của cổ phiếu SJE tại ngày trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 20.000 đồng/cổ phiếu. Theo phương án phát hành dự kiến, giá cổ phiếu bán thêm cho cổ đông hiện hữu là 13.000 đồng/cổ phiếu, trong đó, tỷ lệ thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu là 4:3, tương ứng tỷ lệ phát hành thêm là 75%, giá cổ phiếu SJE sẽ bị pha loãng như sau:

Giá tham chiếu điều chỉnh tại ngày giao dịch không hưởng quyền sẽ được tính bằng

$$\text{Giá điều chỉnh} = \frac{20.000 + (75\% \times 13.000)}{1 + 75\%} = 17.000 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

Trường hợp giá cổ phiếu của SJE tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày giao dịch không hưởng quyền thấp hơn giá chào bán sẽ không làm điều chỉnh giá tham chiếu của cổ phiếu đang giao dịch trên thị trường.

d) Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và biểu quyết:

Hiện tại, số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty là 24.168.711 cổ phiếu. Theo phương án chào bán đã được Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, Công ty sẽ phát hành thêm 18.126.533 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cổ đông sẽ được mua theo tỷ lệ sở hữu tại Công ty. Vì vậy, giả định tất cả cổ đông thực hiện quyền mua cổ phiếu được phân phối theo tỷ lệ sở hữu, thì tỷ lệ nắm giữ và biểu quyết sẽ không thay đổi.

6. Rủi ro quản trị Công ty



Rủi ro quản trị Công ty là một rủi ro tiềm ẩn, khó dự báo trước nhưng lại có thể ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, gây thiệt hại cho Công ty, người lao động và cổ đông của Công ty. Rủi ro quản trị Công ty có thể xuất phát từ năng lực quản trị yếu kém, biến động thị trường, thay đổi văn bản luật, ảnh hưởng trực tiếp đến công tác quản trị tài chính, năng suất lao động,... Trường hợp, Hội đồng quản trị Công ty quản lý không hiệu quả, thiếu minh bạch, không kịp thời phát hiện những rủi ro do hành vi sai phạm của Ban điều hành sẽ gây ra rủi ro và ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Bên cạnh đó, những thông tin liên quan đến quản trị Công ty như cơ cấu cổ đông, mối quan hệ sở hữu giữa các nhóm cổ đông Công ty, giữa các thành viên HĐQT, Ban điều hành và các bên liên quan, quan hệ của cổ đông với Công ty,... cũng là yếu tố gây ra rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động Công ty, quyền lợi của cổ đông, người lao động.

Việc Công ty chào bán 18.126.533 cổ phiếu tăng vốn điều lệ với giá chào bán 13.000 đồng/cổ phiếu, số lượng vốn huy động dự kiến từ đợt chào bán khoảng 235,6 tỷ đồng (thực thu từ chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu), trường hợp HĐQT, Ban điều hành Công ty quản lý, sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán không hiệu quả sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, quyền lợi của cổ đông. Việc phát hành cổ phiếu, huy động thêm vốn cũng tạo áp lực về Doanh thu, Lợi nhuận, Cổ tức, hiệu quả sử dụng vốn,... khi quy mô hoạt động kinh doanh, công tác quản lý chưa theo kịp.

Để khắc phục rủi ro về quản trị, Công ty Cổ phần Sông Đà 11 luôn hoàn thiện các thể chế hoạt động, năng lực quản lý, trình độ chuyên môn của HĐQT, Ban điều hành nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành, giám sát trong hoạt động kinh doanh. Thực hiện đúng chủ trương, kế hoạch hoạt động kinh doanh đã trình và được ĐHĐCĐ thông qua. Bên cạnh đó, Công ty không ngừng hoàn thiện website, thực hiện công bố, cập nhật thông tin thường xuyên tới cổ đông, thực hiện tốt công tác quan hệ cổ đông làm cầu nối giữa cổ đông và Công ty. Đồng thời, Công ty cũng ký kết hợp đồng với các đơn vị tư vấn nhằm hỗ trợ Công ty trong công tác quản trị, quan hệ nhà đầu tư (IR), tư vấn tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật.

Đối với đợt chào bán cổ phiếu này, Hội đồng quản trị Công ty đã đề ra phương án tăng vốn khả thi và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Điều này cho thấy sự tin tưởng của cổ đông vào sự khả thi của phương án đối với sự phát triển của Công ty. Vì vậy, có thể thấy rủi ro từ hoạt động quản trị của Công ty là không lớn.

7. Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lũ, hoả hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố,... nếu có gây thiệt hại về tài sản, con người và ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty thường xuyên tham gia mua bảo hiểm cho các tài sản, hàng hóa của Công ty và của khách hàng để hạn chế bớt các rủi ro này.

Năm 2024 xảy ra những hiện tượng thời tiết cực đoan biến đổi khí hậu toàn cầu gây nên. Trái đất nóng lên, hạn hán và lũ lụt thường xuyên xảy ra gây ra những tác động nghiêm trọng đến con người. Trong bối cảnh chung, Công ty cũng đã áp dụng linh hoạt các hình thức làm việc, tổ chức lại hoạt động sản xuất cho phù hợp với các quy định của



Chính phủ cũng như diễn biến khó lường của thiên tai, dịch bệnh.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

BKS	: Ban kiểm soát
CTCP	: Công ty cổ phần
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
DN	: Doanh nghiệp
DNNN	: Doanh nghiệp nhà nước
DTT	: Doanh thu thuần
ĐHĐCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
Điều lệ công ty:	Điều lệ Công ty Cổ phần Sông Đà 11
ĐKDN	: Đăng ký doanh nghiệp
HĐQT	: Hội đồng quản trị
HNX	: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
HĐ	: Hợp đồng
UPS/Tổ chức tư vấn:	Công ty Cổ phần Chứng khoán UP
KH&ĐT	: Kế hoạch và Đầu tư
LNST	: Lợi nhuận sau thuế
MG	: Mệnh giá
NSNN	: Ngân sách nhà nước
SJE/Công ty/Tổ chức phát hành:	Công ty Cổ phần Sông Đà 11
SXKD	: Sản xuất kinh doanh
Thuế TNDN	: Thuế thu nhập doanh nghiệp
Thuế GTGT	: Thuế giá trị gia tăng
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
UBCKNN	: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
USD	: Đô la Mỹ
VSDC	: Tổng công ty lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam
VĐL	: Vốn điều lệ
VND	: Đồng Việt Nam



IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ chức phát hành

- Tên Công ty đầy đủ : **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**
- Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài : **SONG DA NO11 JOINT STOCK COMPANY**
- Tên công ty viết tắt : **SÔNG ĐÀ 11.,JSC**
- Địa chỉ trụ sở chính : **Tầng 7 tòa nhà hỗn hợp Sông Đà Hà Đông, số 131 đường Trần Phú, P. Văn Quán, Q. Hà Đông, TP Hà Nội.**
- Số điện thoại : **(024) 33 545 735**
- Số Fax : **024-3354 2280**

- Logo



- Website : **www.songda11.com.vn**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp : **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500313811 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/09/2004, cấp thay đổi lần thứ 22 ngày 10/04/2025.**
- Vốn điều lệ đăng ký : **241.687.110.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi một tỷ, sáu trăm tám mươi bảy triệu, một trăm mười nghìn đồng).**
- Vốn điều lệ thực góp : **241.687.110.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi một tỷ, sáu trăm tám mươi bảy triệu, một trăm mười nghìn đồng).**
- Mã cổ phiếu : **SJE**
- Sàn niêm yết : **HNX**
- Người đại diện theo pháp luật : **Ông Nguyễn Quang Luân – Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Anh Trình – Tổng Giám Đốc**



– Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

+ Xây dựng công trình thủy (4291)

+ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (4659)

Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy ngành công nghiệp hóa chất, khai khoáng

+ Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (2592)

Chi tiết: Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí;

+ Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (7120)

Chi tiết: Bảo trì, bảo dưỡng định kỳ cho các nhà máy điện, trạm biến áp, xử lý sự cố bất thường cho các công trình điện; tư vấn chuyên ngành thiết kế hệ thống điện- điện tử và tự động hóa;

+ Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (0810)

Chi tiết: Khai thác cát, sỏi, đá làm đường và xây dựng;

+ Vận tải hành khách đường bộ khác (4932)

Chi tiết: Kinh doanh vận tải và dịch vụ du lịch; vận tải hàng hóa đường bộ;

+ Lắp đặt hệ thống điện (4321)

Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cơ điện lạnh, điện chiếu sáng, của các tòa nhà cao tầng, khu đô thị và khu công nghiệp;

+ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (4663)

Chi tiết: Cung cấp, mua bán lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy và hệ thống phòng cháy chữa cháy;

+ Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (4329)

Chi tiết: Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng lắp ráp: Tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và cho các dây chuyền công nghệ có cấp điện áp đến 500KV;

+ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (6810)

Chi tiết: Hoạt động kinh doanh bất động sản; Dịch vụ quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng, khu đô thị và nhà cao tầng;

+ Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí (4322)



Chi tiết: Thiết bị thông gió, làm lạnh hoặc điều hoà không khí; Lắp đặt hệ thống đường ống cấp, thoát nước trong nhà hoặc tại các công trình xây dựng khác, kể cả mở rộng, thay đổi, bảo dưỡng và sửa chữa;

+ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (8299)

Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ mặt hàng Nhà nước cấm) Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, phương tiện vận tải cơ giới, phụ tùng cơ giới phục vụ thi công xây dựng và công nghệ xây dựng;

+ Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia (1103)

Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh bia (bia tươi, bia hơi, bia chai và bia hộp); (Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ hoạt động sản xuất kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)

+ Xây dựng công trình khai khoáng (4292)

+ Xây dựng công trình chế biến, chế tạo (4293)

+ Xây dựng công trình cấp, thoát nước (4222)

+ Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc (4223)

+ Truyền tải và phân phối điện (3512)

Chi tiết: Quản lý vận hành phân phối điện nước cho các công trình; quản lý vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, nhà máy nước khu công nghiệp và đô thị; quản lý vận hành kinh doanh bán điện; Sản xuất, kinh doanh điện thương phẩm

+ Sản xuất điện (3511)

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của Tổ chức phát hành

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tiền thân là đội điện, nước thuộc Công ty Xây dựng Thủy điện Thác Bà từ năm 1961. Đến năm 1973, đội này được nâng cấp thành Công trường Cơ điện. Năm 1976 theo Quyết định của Bộ Xây dựng, chuyển đơn vị về Thị xã Hoà Bình để chuẩn bị cho khởi công Nhà máy Thủy điện Hoà Bình trên Sông Đà và được đổi tên là “Xí nghiệp Lắp máy Điện nước” thuộc Tổng Công ty Xây dựng Thủy điện Sông Đà.

Đến năm 1989, với sự trưởng thành về quy mô và hoạt động sản xuất kinh doanh, đơn vị được nâng cấp thành Công ty Lắp máy Điện nước. Năm 1993, Hội đồng Bộ trưởng ra Nghị định số 388/HĐBT thành lập lại Công ty, đổi tên thành Công ty Xây lắp Năng lượng. Đến năm 2002, với việc phát triển, đa dạng hoá ngành nghề, Công ty được đổi tên thành Công ty Sông Đà 11. Cùng năm này, Công ty vinh dự được nhận chứng chỉ quốc tế ISO 9001:2000 về quản lý chất lượng.

Ngày 17 tháng 8 năm 2004, Công ty nhận Quyết định số 1332/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng chuyển từ Doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần. Ngày 04/12/2006, Công ty chính thức niêm yết và giao dịch cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng



khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là SJE.

Trong năm 2007, Công ty Cổ phần Sông Đà 11 đã thực hiện việc phát hành thêm cổ phiếu huy động vốn nhằm mục đích tăng nguồn vốn kinh doanh phục vụ các dự án mà Công ty đã, đang và sẽ triển khai. Công ty đã thực hiện phát hành 3.000.000 cổ phiếu, tương đương 30 tỷ đồng, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 20 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng.

Trong năm 2010, Công ty thực hiện chia cổ tức năm 2009 bằng cổ phiếu tương ứng với giá trị là 7.991.410.000 đồng. Ngoài ra, trong năm 2010, với mục đích huy động vốn phục vụ cho hoạt động của Công ty như: Góp vốn thành lập Công ty cổ phần thủy điện To Buông, đầu tư dự án NCNL thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2010 và đầu tư thực hiện dự án khu dân cư Vĩnh Thanh – Nhơn Trạch – Đồng Nai, Công ty đã thực hiện chào bán 2.197.756 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tương đương 21.977.560.000 đồng, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 50 tỷ đồng lên 79.968.970.000 đồng.

Năm 2013, thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên, Công ty đã phát hành thêm 3.556.208 cổ phiếu phổ thông để hoán đổi cổ phiếu của Công ty cổ phần Sông Đà 11 – Thăng Long và Công ty cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11. Sau khi sáp nhập, Công ty cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long do Công ty cổ phần Sông Đà 11 sở hữu 100% vốn và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11 trở thành đơn vị trực thuộc với tên gọi Chi nhánh Công ty cổ phần Sông Đà 11 tại Miền Nam. Vốn điều lệ của Công ty sau khi hoàn thành việc phát hành là 115.531.050.000 đồng.

Năm 2018, Công ty thực hiện phát hành thêm cổ phiếu để huy động vốn thực hiện đầu tư xây dựng Dự án “Nhà máy điện mặt trời Phong Phú” tại xã Phong Phú, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận, với công suất 42MWP. Công ty đã thực hiện chào bán 6.756.896 cổ phiếu, tương đương 67.568.960.000 đồng, vốn điều lệ của công ty tăng từ 115.531.050.000 đồng lên 183.100.010.000 đồng.

Năm 2019 và năm 2023, Công ty thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu với tổng số lượng 5.858.710 cổ phiếu, tương ứng với giá trị 58.587.100.000 đồng. Vốn điều lệ của Công ty sau khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức là 241.687.110.000 đồng.

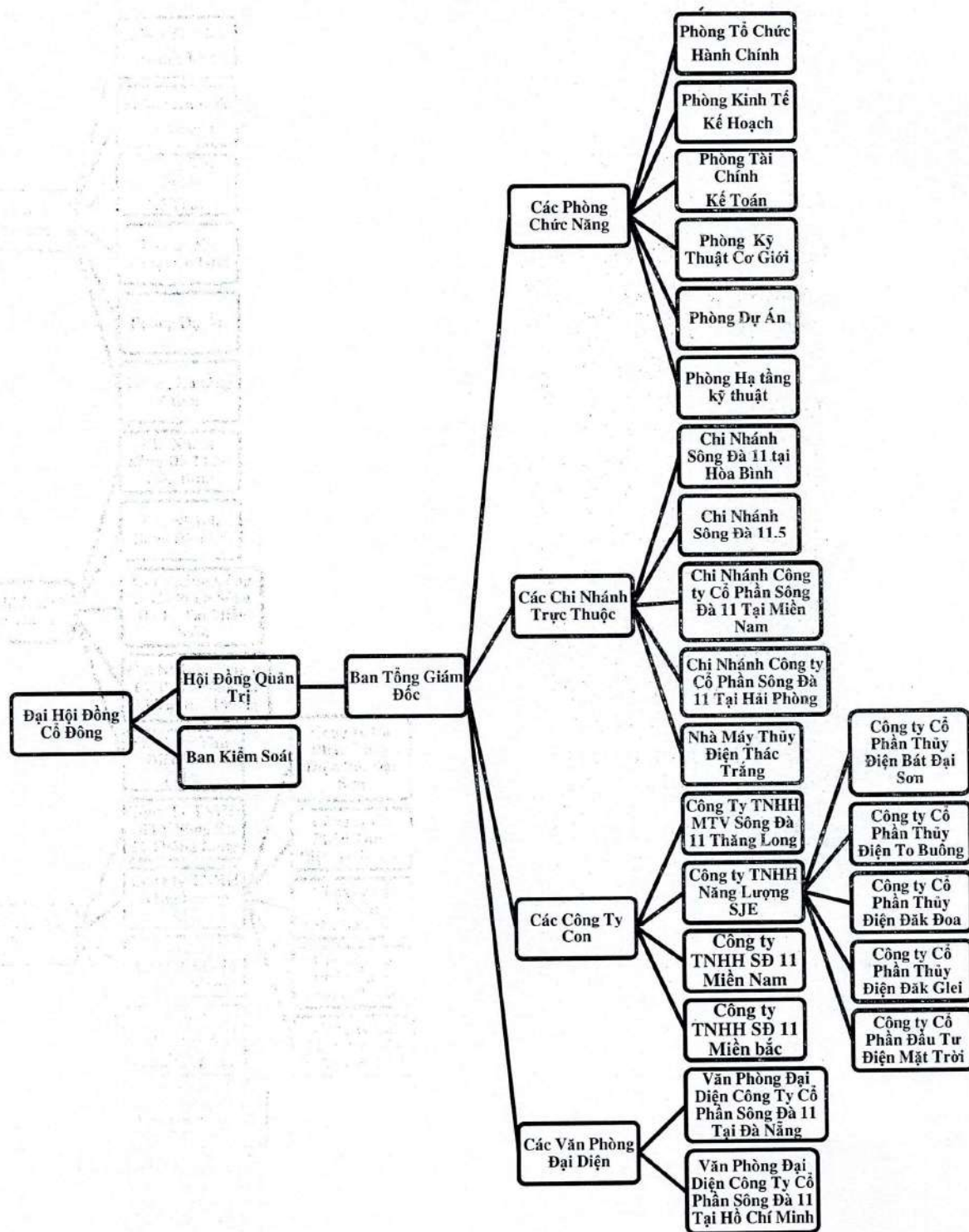
Trải qua hơn 63 năm trưởng thành và phát triển, Công ty không ngừng lớn mạnh về quy mô và tổ chức, đã và đang không ngừng đóng góp sức mình vào sự nghiệp xây dựng tổ quốc. Công ty đảm nhận công tác xây lắp điện nước phục vụ thi công và sinh hoạt cho nhiều công trường xây dựng thủy điện, trải rộng trên khắp vùng miền đất nước. Trong quá trình hoạt động và trưởng thành, phát triển, Công ty cổ phần Sông Đà 11 đã được Đảng và Nhà nước phong tặng nhiều danh hiệu cao quý.

3. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 được tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp năm 2020. Các hoạt động của Công ty và các công ty trong hệ thống tuân thủ Luật Doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.



Sơ đồ số 1: Cơ cấu tổ chức của Công ty



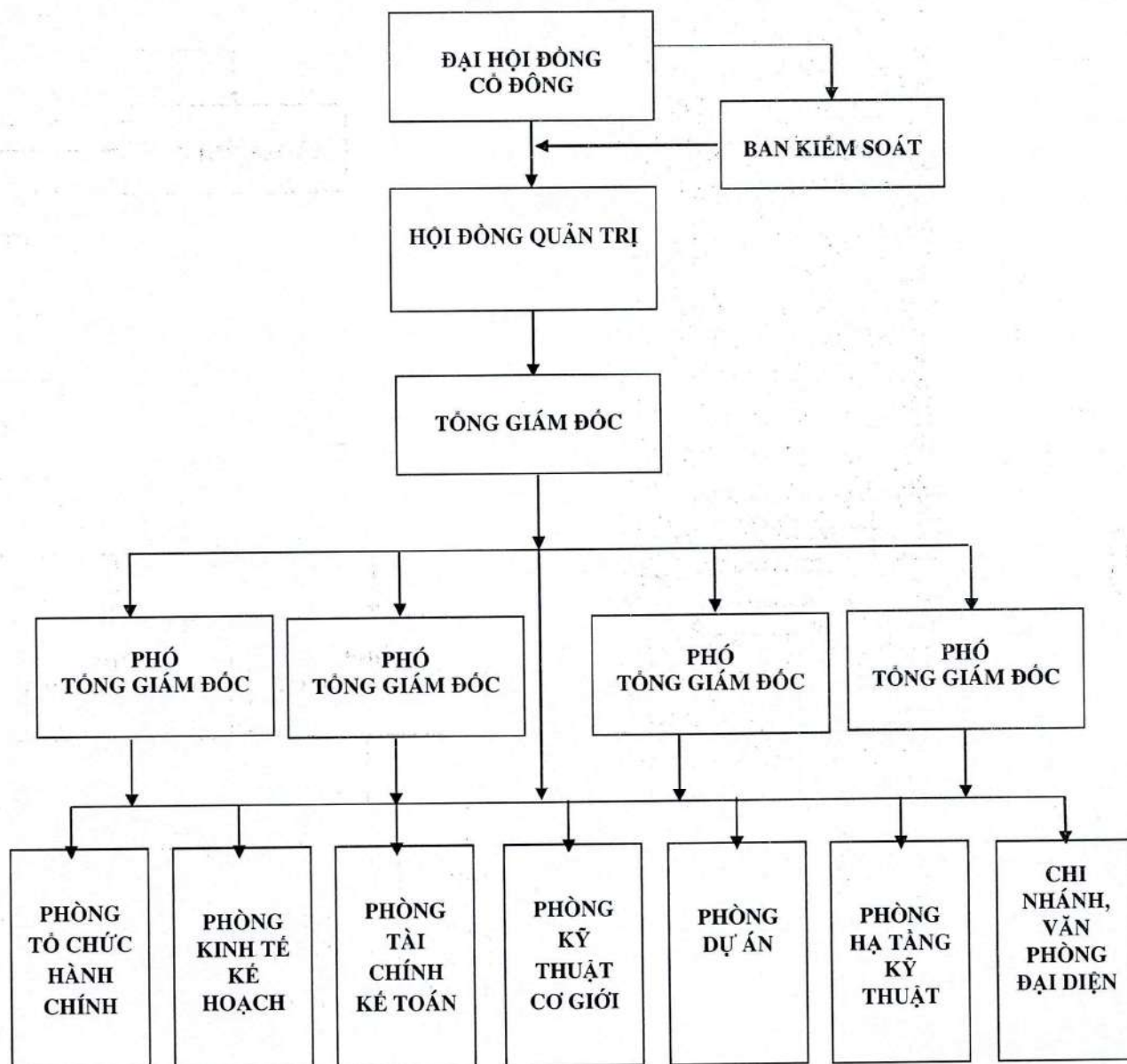
(Nguồn: SJE)



4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 được tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020. Các hoạt động của Công ty tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định khác có liên quan. Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

Sơ đồ số 2: Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Công ty



(Nguồn: Công ty cổ phần Sông Đà 11)



4.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có nhiệm vụ thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư; tiến hành thảo luận thông qua, bổ sung, sửa đổi điều lệ Công ty; thông qua các chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và quyết định bộ máy tổ chức của Công ty và các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty, trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Nhiệm kỳ của các thành viên HĐQT là 05 (năm) năm.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm bổ nhiệm, giao nhiệm vụ, giám sát Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

Hiện nay, Hội đồng quản trị của Công ty gồm 05 thành viên như sau:

- | | |
|-------------------------|----------------------|
| - Ông Nguyễn Quang Luân | - Chủ tịch HĐQT; |
| - Ông Đào Việt Hùng | - Phó Chủ tịch HĐQT; |
| - Ông Lê Anh Trình | - Thành viên HĐQT; |
| - Ông Vũ Trọng Vinh | - Thành viên HĐQT |
| - Ông Nguyễn Văn Hiếu | - Thành viên HĐQT. |

4.3. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty gồm Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám đốc do HĐQT Công ty bổ nhiệm.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trực tiếp và chủ yếu trước HĐQT Công ty về việc tổ chức quản lý, điều hành toàn diện các hoạt động tác nghiệp hàng ngày của Công ty theo Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

Phó Tổng Giám đốc được Tổng Giám đốc phân công, ủy nhiệm quản lý và điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của Công ty. Phó Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và liên đới trách nhiệm với Tổng Giám đốc trước HĐQT Công ty trong phạm vi được phân công ủy nhiệm.

Cơ cấu quản lý theo mô hình: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc.



Hiện nay, Ban Tổng Giám đốc của Công ty bao gồm:

- | | |
|------------------------|----------------------|
| - Ông Lê Anh Trình | - Tổng Giám đốc; |
| - Ông Đỗ Quang Cường | - Phó Tổng Giám đốc; |
| - Ông Nguyễn Văn Hải | - Phó Tổng Giám đốc; |
| - Ông Nguyễn Ngọc Khuê | - Phó Tổng Giám đốc; |
| - Ông Nguyễn Văn Dũng | - Phó Tổng Giám đốc. |

4.4 Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Sông Đà 11 bao gồm 03 (ba) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 05 (năm) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập BCTC; Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán; Kiểm tra, thẩm định các báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng, hàng quý, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị và đệ trình lên Đại Hội đồng cổ đông;

Quyền và nghĩa vụ khác của Ban kiểm soát do pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

4.5. Các Phòng, Ban chức năng

4.5.1 Phòng Tổ chức Hành chính

- Là đầu mối trực tiếp truyền đạt chỉ đạo chung của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tới các phòng ban, đơn vị, đội trực thuộc Công ty, và chiều hướng ngược lại;
- Thực hiện công tác văn thư, lưu trữ công văn, tài liệu, hồ sơ cán bộ công nhân viên và công tác hành chính phục vụ công tác quản lý, sản xuất kinh doanh;
- Thay mặt Tổng Giám đốc Công ty giám sát việc tuân thủ quy tắc, nội quy làm việc tại văn phòng Công ty, các quy chế, quy định liên quan đến các lĩnh vực phòng phụ trách hoặc tham gia phụ trách;
- Quản lý nhà cửa, mua sắm và quản lý trang thiết bị văn phòng, xe con phục vụ trong công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh tại cơ quan Công ty;
- Công tác tổ chức và công tác cán bộ, công tác đào tạo;
- Công tác BHXH và giải quyết chế độ, chính sách cho người lao động, công tác thi đua khen thưởng.

4.5.2 Phòng kinh tế - Kế hoạch

- Tham mưu, thực hiện, giám sát, chịu trách nhiệm và liên đới chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến công tác kinh tế, kế hoạch và công tác cung ứng vật tư cơ giới;
- Kiểm soát giá trị thực hiện, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán, rà soát với chủ đầu tư và các đơn vị liên quan, lưu trữ hồ sơ;



- Xây dựng chiến lược phát triển của Công ty, kế hoạch phát triển các tuyến mới, phát triển các dịch vụ trên cơ sở kinh doanh hiện tại nhằm nâng cao chất lượng phục vụ của Công ty;

- Nghiên cứu, xây dựng, trình duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm, kế hoạch trung hạn, dài hạn;

- Quản lý thực hiện các loại định mức như định mức lao động, định mức đơn giá tiền lương, các chế độ phụ cấp hiện hành; đảm bảo cung ứng kịp thời nhu cầu phụ tùng vật tư, nhiên liệu theo yêu cầu của công tác sản xuất, phục vụ công tác sửa chữa xe máy, thiết bị trên cơ sở kế hoạch được HĐQT, Tổng Giám đốc phê duyệt;

- Tổ chức nghiệm thu thu hồi vốn tại các công trình.

4.5.3 Phòng Tài chính kế toán

Tổ chức bộ máy tài chính, kế toán, tín dụng. Tham mưu giúp Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác Tài chính, công tác Kế toán trên phạm vi toàn Công ty theo các quy định về quản lý tài chính của nhà nước và của công ty.

4.5.4 Phòng Dự án

- Tìm kiếm, phát triển thị trường và tiếp thị đấu thầu các công trình trong phạm vi ngành nghề kinh doanh của Công ty;

- Lập và trình duyệt các dự án đầu tư của Công ty;

- Tham mưu, giúp việc HĐQT và Ban TGD trong công tác đầu tư của toàn công ty, bao gồm cả đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh và đầu tư nâng cao năng lực thi công;

- Tư vấn, giúp việc ban lãnh đạo công ty thực hiện hoạt động đầu tư theo đúng quy định của pháp luật.

4.5.5 Phòng Kỹ thuật cơ giới

- Tham mưu, giám sát, thực hiện, chịu trách nhiệm và liên đới chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến kỹ thuật, tiến độ, an toàn lao động, quản lý tiếp thị các dự án và công tác Quản lý cơ giới;

- Quản lý toàn bộ máy móc thiết bị và tài sản của Công ty, đảm bảo cung ứng kịp thời các nhu cầu vật tư, phụ tùng thiết yếu nhằm đáp ứng yêu cầu công tác sản xuất, công tác phục hồi và sửa chữa xe máy;

- Kiểm soát tiến độ, chất lượng, khối lượng, giá trị thực hiện, nghiệm thu, thanh toán, quyết toán; rà soát, lưu trữ hồ sơ hoàn công các công trình; giúp lãnh đạo Công ty trong việc thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu thị trường, báo cáo cơ hội đầu tư, quản lý các dự án đầu tư đã được HĐQT phê duyệt từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư, thực hiện đầu tư đến khi kết thúc xây dựng đưa dự án vào vận hành, khai thác, sử dụng;

- Quản lý, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện các yêu cầu của công tác an toàn vệ sinh lao động, bảo hộ lao động, phòng chống cháy nổ trong toàn Công ty;

- Tham mưu cho lãnh đạo Công ty thực hiện đúng các quy định của pháp luật về công tác quản lý cơ giới, thiết bị và thanh lý xe máy.



4.5.6 Phòng Hạ tầng Kỹ thuật

Tham mưu giúp Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc thực hiện công tác nghiên cứu, phát triển, đầu tư và quản lý các Dự án Bất động sản công nghiệp, Khu đô thị,

Tham mưu giúp HĐQT và Tổng giám đốc trong công tác tổ chức thi công hạ tầng kỹ thuật các dự án Bất động sản Công nghiệp, Khu đô thị, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao, bao gồm: kết cấu hạ tầng giao thông đô thị; cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, chiếu sáng trong đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, khu công nghệ cao Hạ tầng giao thông

- Kinh doanh mua, bán VTTB, dây truyền, máy móc... trong và ngoài Tập đoàn điện lực Việt nam (EVN).

- Thực hiện công tác phát triển thị trường; xuất nhập khẩu, mua bán vật tư, thiết bị, máy, dây truyền ...

- Khai thác, mở rộng, phát triển thị trường, tìm các đối tác trong và ngoài nước phục vụ việc cung ứng vật tư, thiết bị, các nguyên vật liệu phục vụ sản xuất cho các Đơn vị trong và ngoài EVN.

- Công tác kinh doanh tiêu thụ than.

- Nghiên cứu theo dõi các chủ trương chính sách XNK, thuế và Pháp luật của Nhà nước ban hành để tổ chức triển khai và thực hiện đúng quy định.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại.

5.1 Công ty mẹ, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Tổ chức phát hành trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

BẢN CÁO BẠCH**Tổ chức chào bán: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Tên Công ty	Địa chỉ	Ngày thành lập	Giấy CN ĐKDN	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ BQ của công ty tại SJE	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ BQ của SJE tại Công ty
Công ty TNHH Dầu tư Energy Việt Nam	NQ05-16, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside 2, Phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	19/05/2022	0110002017	360	Sản xuất điện	52,98%	0%

5.2. Danh sách công ty con, những công ty mà Tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

- Trước ngày 30/10/2023:

TT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngày thành lập	Giấy CN ĐKDN	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ BQ của SJE tại các Công ty	Tỷ lệ quyền biểu quyết các công ty tại SJE
1	Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	BT03 – Vị trí 24, KĐT mới Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam	31/12/2013	0106408857	70	Xây dựng công trình điện	100%	0%

Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN UP

BẢN CÁO BẠCH**Tổ chức chào bán: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

TT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngày thành lập	Giấy CN ĐKDN	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ BQ của SJE tại các Công ty	Tỷ lệ quyền biểu quyết các công ty tại SJE
2	Công ty Cổ phần Thủy điện To Bùng	Bản Tin Túc, Xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, Việt Nam	29/12/2015	5500378582	80	Sản xuất điện thương phẩm	70%	0%
3	Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn	Số nhà 182, đường Trần Hưng Đạo, tổ 5, phường Nguyễn Trãi, thành phố Hà Giang, Tỉnh Hà Giang	28/06/2007	5100237354	62,57	Sản xuất điện thương phẩm	57,03%	0%
4	Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa	138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, Việt Nam	05/07/2007	5900419811	83	Sản xuất điện thương phẩm	65,10%	0%
5	Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Glei	Làng Đăk Nhoong, Xã Đăk Nhoong, Huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum, Việt Nam	10/06/2016	6101207604	65	Sản xuất điện thương phẩm	89,90%	0%

Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN UP

BẢN CÁO BẠCH**Tổ chức chào bán: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

TT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngày thành lập	Giấy CN ĐKDN	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ BQ của SJE tại các Công ty	Tỷ lệ quyền biểu quyết các công ty tại SJE
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Điện mặt trời	Thôn Nha Méc, xã Phong Phú, huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận	29/12/2016	0107687931	284,9	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	99,96%	0%

(Nguồn: BCTC Kiểm toán hợp nhất năm 2023 Công ty cổ phần Sông Đà 11)

- Từ ngày 30/10/2023:

Theo Nghị quyết số 83/2023/NQ-HĐQT ngày 18/10/2023, Công ty Cổ phần Sông Đà 11 góp vốn vào Công ty TNHH Năng lượng SJE với số vốn đầu tư tại các công ty con với giá trị là 499.740.431.240 VND và tiền mặt là 259.568.760 VND. Công ty TNHH Năng lượng SJE có trụ sở đặt tại Tầng 7 tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, 131 đường Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0110525401 ngày 30/10/2023, thay đổi lần thứ nhất ngày 08/11/2023 Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Chi tiết các khoản đầu tư chuyển giao như sau:

Đơn vị	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ biểu quyết
CTCP Thủy điện To Bùng	57.250.000.000	70,00%
CTCP Thủy điện Bát Đại Sơn	35.814.689.000	57,03%
CTCP Thủy điện Đăk Đoa	66.942.942.240	65,10%
CTCP Thủy điện Đăk Glei (*)	42.965.000.000	66,10%

Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN UP

BẢN CÁO BẠCH**Tổ chức chào bán: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Đơn vị	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ biểu quyết
CTCP Đầu tư điện mặt trời	296.767.800.000	99,96%

(*) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Glei được chuyển giao từ Công ty Cổ phần Sông Đà 11 cho công ty TNHH Năng lượng SJE với 4.296.500 cổ phiếu tương đương 42.965.000.000 VND, chiếm 66,1% tỷ lệ quyền biểu quyết và Công ty Cổ phần Sông Đà 11 nắm giữ 23,80% tỷ lệ quyền biểu quyết. Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Glei là công ty con cấp 2 của Công ty cổ phần Sông Đà 11 với tỷ lệ quyền biểu quyết là 89,90%.

Cấu trúc doanh nghiệp như sau:

Đơn vị	Địa chỉ	HĐKD chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty con cấp 1					
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	BT3-Vị trí, KĐT Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam	Xây dựng công trình điện	100%	100%	100%
Công ty TNHH Năng lượng SJE	Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà- Hà Đông, 131 Văn quán, Hà Đông, Hà Nội	Sản xuất điện thương phẩm	100%	100%	100%
Công ty con cấp 2					
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bường	Bản Tin Tộc, Xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La, Việt Nam	Sản xuất điện thương phẩm	70%	70%	70%
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa	138 Tôn Đức Thắng, phường Yên Thế, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, Việt Nam	Sản xuất điện thương phẩm	65,10%	65,10%	65,10%

Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN UP

BẢN CÁO BẠCH**Tổ chức chào bán: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Đơn vị	Địa chỉ	HĐKD chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn	Số nhà 182, đường Trần Hưng Đạo, tổ 5, P. Nguyễn Trãi, TP. Hà Giang, Tỉnh Hà Giang	Sản xuất điện thương phẩm	57,03%	57,03%	57,03%
Công ty Cổ phần Thủy điện Đắk Glei	Làng Đắk Nhoong, Xã Đắk Nhoong, Huyện Đắk Glei, tỉnh Kon Tum, Việt Nam	Sản xuất điện thương phẩm	89,90%	89,90%	89,90%
Công ty Cổ phần Dầu tư Điện mặt trời	Thôn Nha Mế, xã Phong Phú, huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận,	Sản xuất truyền tải phân phối điện	99,96%	99,96%	99,96%

Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN UP

**Thời điểm tháng 08/2024:**

Hội đồng quản trị Công ty đã thông qua việc góp vốn thành lập 02 công ty con với thông tin như sau:

✦ **Công ty TNHH Sông Đà 11 Miền Nam**

• Địa chỉ: Lô 74-76, KP3, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

• Vốn điều lệ: 3.000.000.000 đồng

• Điện thoại: 0251.6609133

• Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 3603976407 đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 08 năm 2024

✦ **Công ty TNHH Sông Đà 11 Miền Bắc**

• Địa chỉ: BT 03 Vị trí 24 khu đô thị mới Xa La, phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

• Vốn điều lệ: 3.000.000.000 đồng

• Điện thoại: 04.33547.788

• Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0110796257 đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 08 năm 2024

5.3. Danh sách công ty liên kết của Tổ chức phát hành trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại như sau:

Đơn vị	Địa chỉ	HĐKD chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty liên kết cấp 2 (gián tiếp thông qua Công ty con là Công ty TNHH năng lượng SJE và Công ty cổ phần thủy điện Đắk Đoa, Công ty CP đầu tư điện mặt trời)					
Công ty Cổ phần thủy điện Nậm Ma 1A	Tổ 18, Phường Tân Phong, Thành phố Lai châu, Tỉnh Lai châu, Việt Nam	Sản xuất truyền tải phân phối điện	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty Cổ phần thủy điện Nậm	Số nhà 21, Tổ 18, Phường Tân Phong, Thành phố Lai châu, Tỉnh Lai châu, Việt	Sản xuất truyền tải phân phối	49,00%	49,00%	49,00%



Đơn vị	Địa chỉ	HĐKD chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Ma 3	Nam	điện			
Công ty Cổ phần thủy điện Nậm Ma 2A	Tổ 18, Phường Tân Phong, Thành phố Lai châu, Tỉnh Lai châu, Việt Nam	Sản xuất truyền tải phân phối điện	45,00%	49,00%	49,00%
Công ty Cổ phần KCN Văn Giang	Nhà ở số KĐ6-105 thuộc Dự án Khu đô thị Sinh thái Dream City, Xã Nghĩa Trụ, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	Đầu tư, khai thác hạ tầng KCN	15,00%	15,00%	15,00%

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

Ngày 17/8/2004, Công ty nhận Quyết định số 1332/QĐ-BXD của Bộ trưởng Bộ Xây dựng chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần. Ngày 04/12/2006, Công ty chính thức niêm yết và giao dịch cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) với mã cổ phiếu là SJE. Kể từ khi trở thành công ty cổ phần đến nay, Công ty đã thực hiện các lần tăng vốn điều lệ nhằm mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh, tăng năng lực tài chính, bổ sung nguồn vốn lưu động vốn đầu tư.

Chi tiết quá trình tăng vốn của Công ty như sau:

BẢN CÁO BẠCH**Tổ chức chào bán: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

TT	Thời gian	Giá trị vốn tăng/giảm (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng/giảm (đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
1.	Năm 2004		20.000.000.000		Sở KHĐT thành phố Hà Nội, thành lập CTCP	
2.	Giai đoạn 1/1/2007 đến 23/10/2007	30.000.000.000	50.000.000.000	Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. SLCP chào bán 1.500.000 cổ phiếu với giá 10.000 đồng/cổ phiếu; Phát hành cổ phiếu bán ra công chúng theo hình thức đấu giá tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội. SLCP chào bán 1.500.000 cổ phiếu	UBCKNN	Không có
3.	1/7/2010 đến 10/11/2010	29.968.970.000	79.968.970.000	- Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, SLCP phát hành 2.197.756 cổ phiếu với giá chào bán 10.000 đồng/cổ phiếu - Phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức, SLCP phát hành 799.141 cổ phiếu.	UBCKNN	Không có

Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN UP

BẢN CÁO BẠCH**Tổ chức chào bán: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ II**

TT	Thời gian	Giá trị vốn tăng/giảm (đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng/giảm (đồng)	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
4.	3/9/2013 đến 11/10/2013	35.562.080.000	115.531.050.000	Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo hình thức hoán đổi cổ phiếu để thực hiện sáp nhập Công ty cổ phần Sông Đà II Thăng Long (SEL) và Công ty cổ phần Dầu tư và Xây lắp Sông Đà II (SINCO). Tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu SJE và SEL là 0,9:1 Tỷ lệ hoán đổi cổ phiếu SJE và SINCO là 0,65:1	UBCKNN	Không có
5.	Năm 2019	67.568.960.000	183.100.010.000	Phát hành cho cổ đông hiện hữu, SLCP phát hành 6.756.896 cổ phiếu. Tỷ lệ chào bán: 60% Giá chào bán: 15.000đ/CP	UBCKNN	Không có
6.	Năm 2020	36.618.250.000	219.718.260.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức, tỷ lệ 20%.	UBCKNN	Không có
7.	Năm 2023	21.968.850.000	241.687.110.000	Phát hành cổ phiếu trả cổ tức, tỷ lệ 10%.	UBCKNN	Không có

*(Nguồn: SJE)***Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN UP**



7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại.

Công ty TNHH Năng lượng SJE do Công ty cổ phần Sông Đà 11 góp vốn thành lập, đồng thời nắm giữ 100% vốn điều lệ của Công ty.

Phương thức thực hiện khoản góp vốn: Công ty Cổ phần Sông Đà 11 góp vốn vào Công ty TNHH Năng lượng SJE với số vốn đầu tư tại các công ty con với giá trị là 499.740.431.240 VND và tiền mặt là 259.568.760 VND.

Đơn vị	Giấy CN ĐKDN	Địa chỉ	HĐKD chính	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Năng lượng SJE	0110525401	Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà- Hà Đông, 131 Văn quán, Hà Đông, Hà Nội	Sản xuất điện thương phẩm	500	100%

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Cơ cấu cổ đông của Công ty đến thời điểm 28/02/2025 của Công ty như sau:

Bảng số 1: Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 28/02/2025

STT	Đối tượng	Loại cổ phiếu	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	Phổ thông	1393	24.062.349	99,56
1	Tổ chức	Phổ thông	11	17.262.573	71,43
2	Cá nhân	Phổ thông	1382	6.799.776	28,13
3	Tổ chức nước ngoài, Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	Phổ thông	0	0	0
II	Cổ đông nước ngoài	Phổ thông	15	106.362	0,44
1	Cá nhân	Phổ thông	14	106.336	0,44
2	Tổ chức	Phổ thông	1	26	0
III	Cổ phiếu quỹ	Phổ thông	0	0	0
Tổng cộng			1408	24.168.711	100

(Nguồn: Danh sách cổ đông của Công ty do VSDC chốt)

**8.2. Cổ phiếu ưu đãi:**

Không có

8.3. Các loại chứng khoán khác:

Đến thời điểm hiện tại, Công ty không còn các loại chứng khoán nào khác.

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 không quy định cụ thể giới hạn tỷ lệ sở hữu cổ phiếu đối với cổ đông là người nước ngoài. Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tại Công ty sẽ tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Nghị định số 31/2024/NĐ-CP ngày 26/03/2024 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; thông tư 123/2015/TT-BTC ngày 19/08/2015 của Bộ tài chính về hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam và các Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 06/11/2024, Công ty có 15 cổ đông nước ngoài. Số lượng cổ phần nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ tại Công ty hiện tại là 106.362 cổ phần, tương đương 0,44% vốn điều lệ

Văn bản số 3445/UBCK-PTTT ngày 08/06/2023 về hồ sơ thông báo SHNN tối đa của Công ty Cổ phần Sông Đà 11, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 0%.

10. Hoạt động kinh doanh**10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh****10.1.1. Các sản phẩm, dịch vụ chính của Công ty**

Hoạt động kinh doanh của SJE hiện đang tập trung vào 03 lĩnh vực chính (xây lắp, kinh doanh cột thép, kinh doanh điện), trong đó đóng góp chủ yếu vào tổng doanh thu hiện tại là mảng xây lắp (xây dựng các công trình đường dây và trạm biến áp, xây dựng công hệ thống cấp và thoát nước). Hoạt động này đóng góp khoảng 80% tổng doanh thu cho Công ty. Địa bàn hoạt động của Công ty trải dài khắp 3 miền Bắc, Trung, Nam.

Định hướng trong dài hạn của SJE sẽ tập trung vào 02 mảng kinh doanh chính trong đó xây lắp vẫn giữ vai trò chủ đạo chiếm khoảng 60%, kinh doanh điện thương phẩm 30% và các hoạt động kinh doanh khác chiếm 10%.

- Hoạt động xây lắp:

Xây lắp là hoạt động truyền thống của SJE đóng góp khoảng 70-80% tổng doanh thu. Tiền thân của SJE là Đội điện nước thuộc Công ty xây dựng thủy điện Thác Bà, với hơn 63 năm kinh nghiệm, cùng với đội ngũ cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật lành nghề có trình độ cao. Hiện nay, Công ty cổ phần Sông Đà 11 được đánh giá là một trong những đơn vị có năng lực thi công hàng đầu trong lĩnh vực xây dựng đường dây truyền tải điện, trạm biến áp cấp điện áp 500KV; Xây dựng hệ thống cấp và thoát nước. Công tác đấu thầu, lập dự toán thi công được thực hiện bài bản nên công ty có khả năng cạnh tranh và trúng thầu nhiều công trình trọng điểm và hiệu quả của các Chủ đầu tư như EVN, VNPT, và các đường dây truyền tải điện của các Nhà máy điện,...



Ngoài ra, SJE còn có khả năng đảm nhận vai trò Tổng thầu xây lắp đối với các công trình thủy điện vừa và nhỏ. Các công trình tiêu biểu mà SJE đã và đang tham gia như thi công ĐZ 500KV Long Phú - Ô Môn, ĐZ 220KV Long Phú - Sóc Trăng, ĐZ 110KV Phong Thổ - Thanh Uyên, ĐZ 220KV đầu nối Nhà máy Thủy điện Nho Quế 1, ĐZ 110KV Thường Tín - Thanh Oai, ĐZ 110KV Bến Lức - Long Thành; hoàn thành tiến độ đưa vào đóng điện công trình ĐZ220KV Trục Ninh cắt ĐZ220KV Ninh Bình - Nam Định, ĐZ 110KV Thường Tín - Thanh Oai, ĐZ 110KV Nho Quế 1, ĐZ 500KV Long Phú - Ô Môn, ĐZ 220KV Long Phú - Sóc Trăng, ĐZ 110KV Phong Thổ - Thanh Uyên, ĐZ 110KV Bến Lức - Long Thành. Quyết toán xong công trình ĐZ220KV Trục Ninh cắt ĐZ220KV Ninh Bình - Nam Định, ĐZ 220KV Phan Thiết - Phú Mỹ 2, ĐZ 110KV Thường Tín - Thanh Oai, ĐZ 110KV Nho Quế 1. Năm 2022 SJE đã thi công tại các công trình, hoàn thành đưa vào đóng điện 05 công trình: DZ 500KV Tây Hà Nội - Thường Tín; DZ 220KV Đầu nối số 2 dự án TBA 500KV Đức Hòa và các DZ Đầu nối; DZ 500KV Quảng Trạch - Dốc Sỏi Mạch 3; ĐZ 110KV Hưng Yên - Hòa Mạc và ĐZ 500KV Vân Phong - Vĩnh Tân. Công ty đang vận hành và khai thác tốt một số nhà máy điện với tổng công suất gần 90MW.

Trong năm 2023, ngay từ đầu năm Ban lãnh đạo Công ty đã tìm mọi biện pháp để đẩy nhanh tiến độ thi công tại các công trình, hoàn thành đưa vào đóng điện 02 công trình: DZ 220KV Bắc Quang ngày 30/07/2023 và DZ 110KV Bắc Quang ngày 22/10/2023; Quyết toán xong các công trình DZ 500KV Quảng Trạch - Dốc Sỏi; DZ 110KV Hưng Yên - Hòa Mạc; DZ 220KV đầu nối số 2; DZ 500KV Vân Phong - Vĩnh Tân.

Trong năm 2024 Công ty đã tập trung thi công 12 Gói thầu xây lắp thuộc dự án đường dây 500kV mạch 3 Quảng Trạch - Phố Nối bao gồm các dự án: Dự án DZ 500 kV NMNĐ Nam Định 1 - Phố Nối, DZ 500 kV NMNĐ Nam Định 1 - Thanh Hóa, DZ 500 kV Quỳnh Lưu - Thanh Hóa, DZ 500 kV Quảng Trạch - Quỳnh Lưu và đã hoàn thành đóng điện toàn tuyến trước ngày 30/09/2024 đảm bảo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

Hiện nay Công ty đang tập trung thi công các dự án chính: Đường dây 500kV Củ Chi rẽ Chơn Thành - Đức Hoà; Đường dây 500kV Đức Hoà - Chơn Thành; Đường dây 220kV Bảo Lộc - Sông Mỹ; Di chuyển đường điện 500kV, 220kV, 110kV phục vụ thi công đường vành đai 4 khu vực Hưng Yên; Đường dây 110kV Cầu Bông - Bình Tân, đường dây 110kV Nghi Sơn - Tĩnh Gia 2; Trạm biến áp T3 Bến Thành; Đường dây 500kV Moon Sun; Đường dây 500kV Lào Cai - Vĩnh Yên.

- Hoạt động kinh doanh cột điện (cột thép):

Năm 2024, Công ty mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh sang lĩnh vực cung cấp và vận chuyển cột thép hình. Hiện nay, Công ty đã hoàn thành đảm bảo các gói thầu cung cấp cột điện cao thế (cột thép) cho các Dự án DZ 500 kV NMNĐ Nam Định 1 - Phố Nối, DZ 500 kV NMNĐ Nam Định 1 - Thanh Hóa, DZ 500 kV Quỳnh Lưu - Thanh Hóa, DZ



500 kV Quảng Trạch – Quỳnh Lưu.

- Hoạt động kinh doanh điện:

Kinh doanh điện là một trong hai lĩnh vực hoạt động chính của SJE mang lại doanh thu cho Công ty. Theo định hướng dài hạn của công ty, mảng kinh doanh điện sẽ đóng góp 30% tổng doanh thu. Hiện nay, nhằm phát triển mạnh hơn vào lĩnh vực này, Công ty đã và đang đầu tư vào các Công ty con và các chi nhánh chuyên về sản xuất, truyền tải và phân phối điện như: Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông, Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa, Công ty Cổ phần Thủy điện Bát Đại Sơn, Nhà máy Thủy điện Thác Trắng,... Niềm vui lớn trong năm 2022 do thời tiết thuận lợi, công tác vận hành tại các nhà máy hợp lý, đúng quy trình nên năm 2022 sản lượng điện thực hiện của các nhà máy đều đạt và vượt kế hoạch đề ra cụ thể là:

- Nhà máy thủy điện Thác Trắng thực hiện 20,1/21,4 triệu KWh đạt 94% kế hoạch năm;
- Nhà máy thủy điện Đăk Đoa thực hiện 38,0/37,2 triệu KWh đạt 102% kế hoạch năm;
- Nhà máy TĐ Sông Miện thực hiện 25,1/22,8 triệu KWh đạt 110% kế hoạch năm;
- Nhà máy thủy điện To Buông và Đông Khùa thực hiện 42,5/34,5 triệu KWh đạt 123% kế hoạch năm;
- Nhà máy thủy điện Đăk Prul thực hiện 71,6/71,6 triệu KWh đạt 100% kế hoạch năm.

Năm 2023 Do thời tiết ở một số khu vực không thuận lợi nhất là khu vực phía Tây Bắc, không có mưa, lượng nước về hồ thấp sản lượng điện thực hiện tại các nhà máy khu vực phía Bắc đều không đạt kế hoạch đề ra cụ thể là:

- Nhà máy thủy điện Thác Trắng thực hiện 11,7/16 triệu KWh đạt 73% kế hoạch năm;
- Nhà máy thủy điện Đăk Đoa thực hiện 45/37,9 triệu KWh đạt 119% kế hoạch năm;
- Nhà máy TĐ Sông Miện thực hiện 18,3/23,9 triệu KWh đạt 110% kế hoạch năm;
- Nhà máy thủy điện To Buông và Đông Khùa thực hiện 30,9/35,9 triệu KWh đạt 86% kế hoạch năm;
- Nhà máy thủy điện Đăk Prul thực hiện 26,6/22,1 triệu KWh đạt 120% kế hoạch năm;
- Nhà máy điện mặt trời Phong Phú thực hiện 65,7/67 triệu KWh đạt 98% kế hoạch năm.

* Kết quả kinh doanh điện năm 2024 cụ thể là:

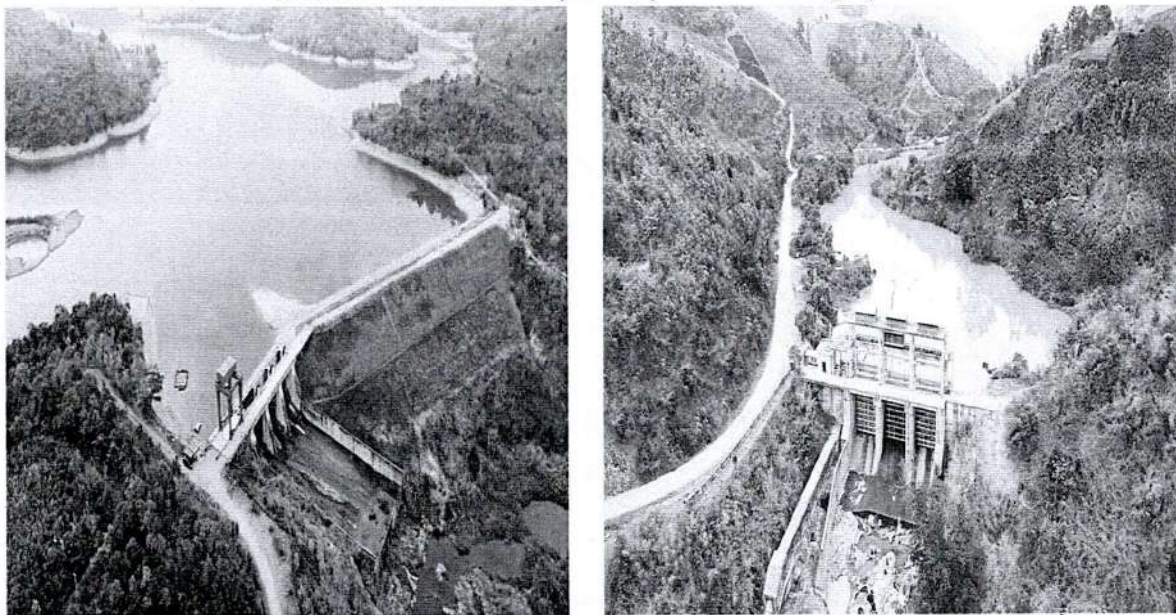
- NMTĐ Thác Trắng thực hiện: 21,3/16,0 triệu KWh đạt 133% KHN.
- NMTĐ Đăk Đoa thực hiện: 38,2/37,9 triệu KWh đạt 101% KHN.
- NMTĐ Sông Miện thực hiện: 24/23,1 triệu KWh đạt 104% KHN.
- NMTĐ To Buông, Đông Khùa thực hiện: 35,7/34,4 triệu kWh đạt 104% KHN.
- NMTĐ Đăk Pru 1 thực hiện: 21,8/22,3 triệu KWh đạt 98% KHN.
- NMĐ mặt trời Phong Phú thực hiện: 67,6/65,3 triệu KWh đạt 104% KHN.

- Hoạt động tiếp thị đầu thầu

Trong năm 2024, Công ty mẹ đã tích cực tham gia đấu thầu 33 công trình với tổng giá trị chào thầu là 2.907,125 tỷ, trong đó 24 công trình trúng thầu với giá trị 1.934,57 tỷ đồng.

Công tác tiếp thị đấu thầu tiếp tục vẫn gặp nhiều khó khăn do cạnh tranh cao, giá dự toán duyệt rất thấp, nhiều đơn vị tham gia dẫn tới giá trúng thầu rất thấp. Nhiều gói thầu PC giá vật tư biến động lớn ảnh hưởng đến giá dự thầu và khả năng trúng thầu.

Hình 2: Hình ảnh một số dự án của Công ty



(Nguồn: SJE)

Quy trình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Với mục tiêu hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững, việc kiểm soát quy trình thực hiện các dự án xây lắp cũng như vận hành nhà máy điện luôn được Công ty ưu tiên hàng đầu, đảm bảo chất lượng cũng như đạt được hiệu quả cao, và đảm bảo các công trình mà công ty thực hiện được thực hiện đúng tiến độ theo kế hoạch đề ra. Do đó, Công ty rất chú trọng việc quản lý, giám sát quy trình thực hiện dự án xây lắp điện, vận hành nhà máy... Bên cạnh đó, Công ty đã thực hiện kiểm tra, rà soát các thiết bị phục vụ thi công tại các công trình để đảm bảo dự án được thực hiện đạt chất lượng cao cũng như hoàn thành đúng tiến độ và kế hoạch đề ra.

10.1.2. Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra liên tục và không mang tính thời vụ.

10.1.3. Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ của Công ty

a) Cơ cấu doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty:

Bảng số 2: Cơ cấu doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty mẹ



Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Cơ cấu Doanh thu thuần	31/12/2023		31/12/2024		31/03/2025	
		Giá trị (tr. đồng)	%/ DTT	Giá trị (tr. đồng)	%/ DTT	Giá trị (tr. đồng)	%/ DTT
1	Doanh thu bán hàng	17.232	4,53	292.217	13,32	15.087	10,34
	Doanh thu bán hàng hóa	-	-	267.439	12,19	7.063	4,84
-	Doanh thu bán hàng thành phẩm	17.232	4,53	24.778	1,13	8.024	5,50
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	363.265	95,47	1.901.901	86,68	130.757	89,66
-	Doanh thu hợp đồng xây dựng	356.391	93,66	1.698.857	77,43	126.050	86,43
-	Doanh thu khác	6.874	1,81	203.044	9,25	4.707	3,23
	Tổng cộng	380.497	100%	2.194.118	100	145.844	100%

(Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 được kiểm toán, BCTC riêng Quý I năm 2025 của SJE)

Bảng số 3: Cơ cấu Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Cơ cấu Doanh thu thuần	31/12/2023		31/12/2024		31/03/2025	
		Giá trị (tr. đồng)	%/ DTT	Giá trị (tr. đồng)	%/ DTT	Giá trị (tr. đồng)	%/ DTT
1	Doanh thu bán hàng	306.119	43,97	601.731	25,50	77.853	37,12
-	Doanh thu bán hàng hóa	3.728	0,54	287.169	12,14	7.063	3,37



TT	Cơ cấu Doanh thu thuần	31/12/2023		31/12/2024		31/03/2025	
		Giá trị (tr. đồng)	%/ DTT	Giá trị (tr. đồng)	%/ DTT	Giá trị (tr. đồng)	%/ DTT
-	Doanh thu bán điện thành phẩm	302.391	43,44	314.562	13,33	70.790	33,75
2	Doanh thu dịch vụ	390.033	56,03	1.757.947	74,50	131.881	62,88
-	Doanh thu hợp đồng xây dựng	380.554	54,67	1.654.045	70,09	129.112	61,56
-	Doanh thu khác	9.479	1,36	103.902	4,40	2.769	1,32
	Tổng cộng	696.151	100	2.359.678	100	209.734	100

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024 được kiểm toán, BCTC hợp nhất quý I năm 2025 của SJE)

Bảng số 4: Cơ cấu Lợi nhuận gộp của Công ty mẹ

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Lợi nhuận gộp	31/12/2023		31/12/2024		31/03/2025	
		Giá trị (tr.đồng)	%/ LNG	Giá trị (tr.đồng)	%/ LNG	Giá trị (tr.đồng)	%/ LNG
1	Lợi nhuận từ bán hàng hóa, thành phẩm	10.333	33,31	25.950	23,6	1.782	1,62
-	Lợi nhuận từ bán hàng hóa	-	-	8.751	8,0	-3.774	-3,43
-	Lợi nhuận từ bán điện thành phẩm	10.333	33,31	17.199	15,6	5.556	5,05
2	Lợi nhuận từ cung cấp dịch vụ	20.686	66,69	84.064	76,4	17.857	16,23



TT	Lợi nhuận gộp	31/12/2023		31/12/2024		31/03/2025	
		Giá trị (tr.đồng)	%/ LNG	Giá trị (tr.đồng)	%/ LNG	Giá trị (tr.đồng)	%/ LNG
-	Lợi nhuận từ hợp đồng xây dựng	20.119	64,86	85.946	78,1	17.607	16,00
-	Lợi nhuận khác	567	1,83	-1.882	-1,7	250	0,23
	Tổng cộng	31.019	100	110.014	100	19.639	100,00

(Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 được kiểm toán, BCTC riêng Quý I năm 2025 của SJE)

Bảng số 5: Cơ cấu lợi nhuận gộp của công ty (Hợp nhất)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Lợi nhuận gộp	31/12/2023		31/12/2024		31/03/2025	
		Giá trị (tr.đồng)	%/LNG	Giá trị (tr.đồng)	%/LNG	Giá trị (tr.đồng)	%/LNG
1	Lợi nhuận từ bán hàng hóa, thành phẩm	206.869	90,13	226.962	63,43	40.150	58,19
-	Lợi nhuận từ bán hàng hóa	-	-	9.750	2,73	-3.774	-5,47
-	Lợi nhuận từ bán điện thành phẩm	206.869	90,13	217.212	60,71	43.924	63,67
2	Lợi nhuận từ cung cấp dịch vụ	22.636	9,87	130.833	36,57	28.842	41,81
-	Lợi nhuận từ hợp đồng xây dựng	19.963	8,70	130.573	36,49	27.992	40,57
	Lợi nhuận khác	2.673	1,17	260	0,07	850	1,23
	Tổng cộng	229.505	100	357.795	100	68.991	100,00

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 được kiểm toán, BCTC hợp nhất quý I năm 2025 của SJE)

10.2. Tài sản

10.2.1. Tình hình tài sản cố định của Công ty

**Bảng số 6: Tình hình tài sản cố định Công ty mẹ***Đơn vị tính: triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		31/03/2025	
		Nguyên giá	GTCL	Nguyên giá	GTCL	Nguyên giá	GTCL
I	Tài sản hữu hình	154.906	47.195	162.413	53.794	162.814	51.709
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	68.942	26.084	68.942	23.310	68.942	22.670
2	Máy móc thiết bị	67.861	17.905	75.109	22.717	75.509	21.777
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	16.416	3.035	16.677	7.709	16.677	7.211
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	1.685	170	1.685	57,35	1.685	51
II	Tài sản vô hình	10.663	10.663	10.633	10.633	10.633	10.633
1	Quyền sử dụng đất	10.663	10.663	10.633	10.633	10.633	10.633
Tổng cộng		165.569	57.859	173.046	64.427	173.447	62.342

(Nguồn: BCTC riêng năm 2023, 2024 được kiểm toán, BCTC riêng Quý I năm 2025 của SJE)

Bảng số 7: Tình hình tài sản cố định Công ty (Hợp nhất)*Đơn vị tính: triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		31/03/2025	
		Nguyên giá	GTCL	Nguyên giá	GTCL	Nguyên giá	GTCL
I	Tài sản hữu hình	1.835.231	1.227.361	1.841.854	1.180.699	1.842.390	1.165.141
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	605.447	400.859	605.633	386.469	605.634	382.677
2	Máy móc thiết bị	1.157.259	787.040	1.165.200	752.571	1.165.736	741.565
3	Phương tiện vận tải, truyền	69.508	39.203	68.003	41.602	68.004	40.849



	dẫn						
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	3.016	257	3.016	57,35	3.016	51
II	Tài sản vô hình	7.204	7.087	7.204	7.087	7.204	7.087
1	Quyền sử dụng đất	7.087	7.087	7.087	7.087	7.087	7.087
2	Phần mềm máy tính	117	-	117	-	117	-
Tổng cộng		1.842.435	1.234.448	1.849.058	1.187.786	1.849.594	1.172.228

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 được kiểm toán, BCTC hợp nhất quý I năm 2025 của SJE)

10.2.2. Tình hình tài sản lớn của Công ty

Bảng số 8: Tình hình tài sản lớn của Công ty tại thời điểm 31/12/2024

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	%GTCL/ NG (%)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	605.633	386.469	63,81
2	Máy móc thiết bị	1.165.200	752.571	64,59
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	68.003	41.602	61,18

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2024 của SJE)

10.3. Thị trường hoạt động

Bảng số 9: Chi tiết doanh thu và lợi nhuận của Công ty theo từng thị trường

Đơn vị tính: Triệu đồng

Các tiêu chí theo thị trường		31/12/2022	31/12/2023	31/12/2024
		Giá trị	Giá trị	Giá trị
Doanh thu thuần	Nội địa	520.278	380.498	2.194.118
	Xuất khẩu	0	0	0
	Tổng cộng	520.278	380.498	2.194.118
Lợi nhuận gộp	Nội địa	24.715	31.019	110.014
	Xuất khẩu	0	0	0
	Tổng cộng	24.715	31.019	110.014

(Nguồn: SJE)

10.4. Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả sản xuất kinh doanh, cung cấp dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động chính của Công ty

Đề trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực xây lắp, cung



cấp điện trên thị trường. Công ty đã tập trung vào công tác đầu tư, được thực hiện theo đúng quy trình, đáp ứng SXKD. Công ty thực hiện việc kiểm tra, rà soát các thiết bị phục vụ thi công tại các công trình, cân đối điều chỉnh hợp lý và xác định cần phải đầu tư mạnh hơn nữa để đáp ứng yêu cầu các công trường lớn với tiến độ thi công gấp rút cũng như đảm bảo đủ năng lực đáp ứng yêu cầu cạnh tranh.

Các khoản đầu tư lớn của doanh nghiệp đạt hiệu quả cao và đem lại lợi nhuận tốt cụ thể như sau:

*** Dự án Nhà máy Điện Mặt Trời Phong Phú:**

- Tổng mức đầu tư dự án: 924.638, triệu đồng;
- Thời điểm thi công dự án: Tháng 10 năm 2018;
- Thời điểm đi vào hoạt động: Tháng 05 năm 2019;
- Doanh thu lũy kế đến năm 2024: 828.226, triệu đồng;
- Lợi nhuận lũy kế đến năm 2024: 332.533, triệu đồng.

*** Cụm dự án thủy điện To Buông và Đông Khùa:**

- Tổng mức đầu tư dự án: 291.514, triệu đồng;
- Thời điểm thi công dự án: Quý IV năm 2013 và Quý IV năm 2015;
- Thời điểm đi vào hoạt động: Tháng 07 năm 2016 và Tháng 11 năm 2017;
- Doanh thu lũy kế đến năm 2024: 309.055, triệu đồng;
- Lợi nhuận lũy kế đến năm 2024: 25.113, triệu đồng.

*** Dự án thủy điện ĐakGlei:**

- Tổng mức đầu tư dự án: 208.836, triệu đồng;
- Thời điểm thi công dự án: Tháng 03 năm 2018;
- Thời điểm đi vào hoạt động: Tháng 02 năm 2018;
- Doanh thu lũy kế đến năm 2024: 179.604, triệu đồng;
- Lợi nhuận lũy kế đến năm 2024: 11.904, triệu đồng.

*** Dự án thủy điện ĐakĐoa:**

- Tổng mức đầu tư dự án: 279.175, triệu đồng;
- Thời điểm thi công dự án: Tháng 12 năm 2007;
- Thời điểm đi vào hoạt động: Tháng 03 năm 2011;
- Doanh thu lũy kế đến năm 2024: 646.297, triệu đồng;
- Lợi nhuận lũy kế đến năm 2024: 195.824, triệu đồng.

*** Dự án thủy điện Sông Miện:**

- Tổng mức đầu tư dự án: 191.170 triệu đồng;
- Thời điểm thi công dự án: Tháng 12 năm 2007;
- Thời điểm đi vào hoạt động: Tháng 9 năm 2011;
- Doanh thu lũy kế đến năm 2024: 340.908 triệu đồng;
- Lợi nhuận lũy kế đến năm 2024: 85.129 triệu đồng.

*** Dự án thủy điện Thác Trắng:**

- Tổng mức đầu tư dự án: 84.231 triệu đồng;
- Thời điểm thi công dự án: Tháng 06 năm 2004;
- Thời điểm đi vào hoạt động: Tháng 05 năm 2006;
- Doanh thu lũy kế đến năm 2024: 335.637 triệu đồng;
- Lợi nhuận lũy kế đến năm 2024: 142.759 triệu đồng.

Ngoài ra, trong năm 2022 - 2024, Công ty đã đầu tư bổ sung thêm một số máy móc thiết bị như sau:

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Giá trị
1	Máy định vị vệ tinh GNSS300	Cái	02	192.000.000
2	Máy photo Bizhub	Cái	01	78.619.000
3	Xe ô tô Fortuner 30G – 602.75	Cái	01	639.006.656
4	Xe ô tô Fortuner 30K – 992.78	Cái	01	825.442.907
5	Bộ kích từ điều chỉnh	Cái	01	388.850.000
6	Xe ô tô Fotuner 30K - 950.04	Cái	01	725.000.000
7	Xe ô tô LandCruiser 30K-996.49	Cái	01	852.448.727
8	Xe ô tô Fortuner 30K-948.76	Cái	01	747.616.800
9	Xe ô tô Landcruiser 30K-687.33	Cái	01	1.618.181.818
10	Xe ô tô Fortuner 30L - 096.03	Cái	01	737.566.000
11	Xe ô tô Fortuner 30L-059.17	Cái	01	861.640.000

10.5. Các Hợp đồng lớn đã được thực hiện, đã được ký kết và chưa thực hiện trong 02 năm liên tục liên trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

Bảng số 10: Các Hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết năm 2022 và đến thời điểm hiện tại

BẢN CÁO BẠCH

Tổ chức chào bán: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11



TT	Tên Hợp đồng	Đối tác tham gia	Sản phẩm, dịch vụ đầu vào, đầu ra	Thời điểm ký kết	Giá trị (Đồng)	Thời gian thực hiện	Các điều khoản quan trọng	Mối quan hệ với TV HĐQT, KSV, TGD, Phó TGD, cổ đông lớn
1	GT số 13-Lô thầu số 13.1: XL ĐZ từ ĐĐ-G4A, tháo dỡ tuyến 220kV, MR TBA500kV Nho Quan, MR TBA220kV Phù Lý ĐA ĐZ 500/220kV Nho Quan - Phù Lý - Thường Tín		Xây lắp đường dây	30/11/2018	31.361.455.548	31/12/2024	Không	Không
2	GT số 13-Lô thầu số 13.2: XL ĐZ từ G33 đến G42 - ĐA ĐZ 500/220kV Nho Quan - Phù Lý - Thường Tín		Xây lắp đường dây	30/11/2018	41.248.915.808	31/12/2024	Không	Không
3	ĐZ500kV Quảng Trạch - Dốc Sỏi Lô 9.3 cung đoạn từ VT15-1 đến VT23.6		Xây lắp đường dây	4/10/2018	110.313.850.204	31/3/2023	Không	Không
4	ĐZ500kV Quảng Trạch - Dốc Sỏi Lô 9.12 cung đoạn từ VT91-02 đến VT100-1		Xây lắp đường dây	4/10/2018	128.588.503.428	31/3/2023	Không	Không
5	ĐZ500kV		Xây lắp	4/10/2018	125.354.278.540	31/3/2023	Không	Không

Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN UP

BẢN CÁO BẠCH

Tổ chức chào bán: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11



TT	Tên Hợp đồng	Đối tác tham gia	Sản phẩm, dịch vụ đầu vào, đầu ra	Thời điểm ký kết	Giá trị (Đồng)	Thời gian thực hiện	Các điều khoản quan trọng	Mối quan hệ với TV HĐQT, KSV, TGD, Phó TGD, cổ đông lớn
	Quảng Trạch - Dốc Sỏi Lô 9.13 cung đoạn từ VT100-02 đến VT109-07		đường dây					
6	Lô 18.2: Xây lắp ĐZ đầu nối 220kV số 2 đoạn từ G22.5A - đầu nối ĐZ220kV Phú Lâm - Long An (không lắp dựng cột tại G22.5A) DA TBA500kV Đức Hòa và các ĐZ đầu nối		Xây lắp đường dây	26/12/2017	119.652.982.913	30/6/2023	Không	Không
7	ĐZ 220kV Cát Lái-Tân Cảng		Xây lắp đường dây	27/2/2019	37.209.494.006	30/6/2024	Không	Không
8	ĐZ 110kV Đa Nhim-Hạ Sông Pha-Ninh Sơn-Tháp Chàm gói 6.1	- Công ty TNHH cột thép Đông Anh. - Công ty CP đầu tư và TM HK	Xây lắp đường dây	26/8/2020	74.023.396.352	28/1/2024	Không	Không
9	ĐZ 110kV Đa Nhim-Hạ Sông Pha-Ninh Sơn-Tháp Chàm gói 6.2	- Công ty TNHH cột thép Đông Anh. - Công ty CP đầu tư và TM HK	Xây lắp đường dây	26/8/2020	36.224.309.429	28/1/2024	Không	Không
10	ĐZ 220kV		Xây lắp	21/09/20	61.552.062.026	31/12/2023	Không	Không

Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN UP

BẢN CÁO BẠCH

Tổ chức chào bán: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11



TT	Tên Hợp đồng	Đối tác tham gia	Sản phẩm, dịch vụ đầu vào, đầu ra	Thời điểm ký kết	Giá trị (Đồng)	Thời gian thực hiện	Các điều khoản quan trọng	Mối quan hệ với TV HĐQT, KSV, TGD, Phó TGD, cổ đông lớn
	đầu nối TBA 220kV Bắc Quang gói 11		đường dây					
11	ĐZ 500kV Đức Hòa-Chơn Thành		Xây lắp đường dây	29/12/2020	112.498.387.428	31/12/2024	Không	Không
12	ĐZ 500kV Củ Chi-rẽ Chơn Thành-Đức Hòa		Xây lắp đường dây	26/11/2020	50.131.900.233	31/12/2024	Không	Không
13	Xuất tuyến 110kV sau TBA 220kV Bắc Quang		Xây lắp đường dây	29/7/2021	102.315.473.777	30/4/2024	Không	Không
14	ĐZ 110kV Lương Sơn-Kỳ Sơn	Công ty cổ phần xây lắp điện 4	Xây lắp đường dây	17/11/2021	85.901.932.883	30/6/2024	Không	Không
15	ĐZ 500kV NĐ Vân Phong-NĐ Vĩnh Tân		Xây lắp đường dây	28/12/2021	167.667.839.910	31/12/2022	Không	Không
16	TBA 220kV Vĩnh Châu và ĐZ đầu nối	- Công ty TNHH cột thép Đông Anh. - Công ty CP đầu tư và TM HK. - Công ty TNHH TM SX dây và cáp điện Đại Long	Xây lắp đường dây và TBA	11/7/2022	168.291.886.129	30/6/2024	Không	Không
17	TBA 220kV KKT Nghi Sơn và ĐZ đầu nối	- Công ty TNHH cột thép Đông Anh. - Công ty TNHH Giải Pháp Năng	Xây lắp đường dây và TBA	30/9/2022	114.848.229.938	31/12/2024	Không	Không

Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHÚNG KHOÁN UP

BẢN CÁO BẠCH**Tổ chức chào bán: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

TT	Tên Hợp đồng	Đối tác tham gia	Sản phẩm, dịch vụ đầu vào, đầu ra	Thời điểm ký kết	Giá trị (Đồng)	Thời gian thực hiện	Các điều khoản quan trọng	Mối quan hệ với TV HĐQT, KSV, TGD, Phó TGD, cổ đông lớn
		Lượng Việt - Công ty TNHH TM SX dây và cáp điện Đại Long						
18	Đường dây 220kV Bát Xát - Bảo Thắng/Trạm biến áp 500kV Lào Cai	- Công ty TNHH cột thép Đồng Anh. - Công ty CP đầu tư và TM HK. - Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	Xây lắp đường dây và TBA	18/11/2022	146.495.382.169	15/6/2024	Không	Không
19	Cải tạo đường dây 110kV Bắc Giang - Lạng Sơn		Xây lắp đường dây	9/12/2022	110.693.767.226	31/3/2024	Không	Không
20	Đường dây 220kV Bảo Lộc - Sông Mỹ		Xây lắp đường dây	09/02/23	94.388.002.755	8/2/2025	Không	Không
21	Lắp MBT thứ 3 tại trạm biến áp 110 kV Bến Thành		Xây lắp Trạm biến áp	22/08/23	59.680.527.586	7/7/2024	Không	Không
22	Gói 16: ĐZ 500kV Monsoon-Thanh Mỹ		Xây lắp đường dây	29/09/23	45.438.339.399	23/9/2024	Không	Không
23	Gói 5: ĐZ 500kV Nam Định 1-Thanh Hóa		Xây lắp đường dây	18/10/23	56.799.732.039	14/6/2024	Không	Không
24	Gói 12: TBA		Xây lắp	04/12/23	135.038.472.889	18/11/2024	Không	Không

Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN UP

BẢN CÁO BẠCH**Tổ chức chào bán: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

TT	Tên Hợp đồng	Đối tác tham gia	Sản phẩm, dịch vụ đầu vào, đầu ra	Thời điểm ký kết	Giá trị (Đồng)	Thời gian thực hiện	Các điều khoản quan trọng	Mối quan hệ với TV HĐQT, KSV, TGD, Phó TGD, cổ đông lớn
	220kV Vũ Thư và ĐZ đấu nối		đường dây và TBA					
25	Gói 35: ĐZ 500kV Nam Định 1- Thanh Hóa		Xây lắp đường dây	11/12/23	95.240.167.217	8/6/2024	Không	Không
26	Gói 17: ĐZ 500kV Nam Định 1- Thanh Hóa		Xây lắp đường dây	8/12/2023	50.911.731.672	22/3/2024	Không	Không
27	Gói 18: ĐZ 500kV Nam Định 1- Thanh Hóa		Xây lắp đường dây	8/12/2023	48.773.969.715	22/3/2024	Không	Không
28	Gói 22: ĐZ 500kV Nam Định 1- Thanh Hóa		Xây lắp đường dây	8/12/2023	45.781.756.649	22/3/2024	Không	Không
29	Gói 23: ĐZ 500kV Nam Định 1- Thanh Hóa		Xây lắp đường dây	8/12/2023	67.647.479.544	22/3/2024	Không	Không
30	Gói 58: ĐZ 500kV Nam Định 1- Phố Nối		Xây lắp đường dây	17/1/2024	109.782.010.881	30/6/2024	Không	Không
31	Gói 61: ĐZ 500kV Nam Định 1- Phố Nối		Xây lắp đường dây	17/1/2024	87.791.518.702	30/6/2024	Không	Không
32	Gói 42: ĐZ 500kV Nam Định 1- Phố Nối		Xây lắp đường dây	27/1/2024	66.468.260.278	30/6/2024	Không	Không
33	Gói 49: ĐZ 500kV Nam Định 1- Phố Nối		Xây lắp đường dây	23/1/2024	116.028.047.161	30/6/2024	Không	Không
34	Gói 9: ĐZ		Xây lắp	24/1/2024	87.849.234.952	30/6/2024	Không	Không

Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN UP

BẢN CÁO BẠCH

Tổ chức chào bán: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11



TT	Tên Hợp đồng	Đối tác tham gia	Sản phẩm, dịch vụ đầu vào, đầu ra	Thời điểm ký kết	Giá trị (Đồng)	Thời gian thực hiện	Các điều khoản quan trọng	Mối quan hệ với TV HĐQT, KSV, TGD, Phó TGD, cổ đông lớn
	500kV Quỳnh Lưu-Thanh Hóa		đường dây					
35	Gói 12: ĐZ 500kV Quỳnh Lưu-Thanh Hóa		Xây lắp đường dây	24/1/2024	74.458.841.540	30/6/2024	Không	Không
36	Gói 34: ĐZ 500kV Quảng Trạch-Quỳnh Lưu		Xây lắp đường dây	18/1/2024	89.655.364.784	30/6/2024	Không	Không
37	Gói 37: ĐZ 500kV Quảng Trạch-Quỳnh Lưu		Xây lắp đường dây	29/1/2024	106.831.901.459	30/6/2024	Không	Không
38	Gói 38: ĐZ 500kV Quảng Trạch-Quỳnh Lưu		Xây lắp đường dây	29/1/2024	113.581.243.355	30/6/2024	Không	Không
39	Gói 20: ĐZ 500kV Quảng Trạch-Quỳnh Lưu	Công ty cổ phần đầu tư và xây lắp Thái Bình Dương	Xây lắp đường dây	29/1/2024	10.330.159.278	30/6/2024	Không	Không
40	Gói 15: ĐZ 500kV Nam Định 1- Phố Nối (Cung cấp và vận chuyển cột thép hình đoạn tuyến từ VT190A đến VT196)	Công ty cổ phần Việt Vương	Cung cấp cột thép	21/1/2024	47.259.409.643	5/5/2024	Không	Không
41	Gói 21: ĐZ 500kV Nam Định 1- Phố Nối (Cung cấp và vận chuyển cột thép hình đoạn tuyến từ VT190A đến VT196)	Công ty cổ phần Việt Vương	Cung cấp cột thép	22/1/2024	51.704.318.442	6/5/2024	Không	Không

Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN UP



TT	Tên Hợp đồng	Đối tác tham gia	Sản phẩm, dịch vụ đầu vào, đầu ra	Thời điểm ký kết	Giá trị (Đồng)	Thời gian thực hiện	Các điều khoản quan trọng	Mối quan hệ với TV HĐQT, KSV, TGD, Phó TGD, cổ đông lớn
	thép hình đoạn tuyến từ VT289 đến VT297)							
42	Gói 22: ĐZ 500kV Nam Định 1- Phố Nối (Cung cấp và vận chuyển cột thép hình đoạn tuyến từ VT298 đến VT304A)	Công ty cổ phần Việt Vương	Cung cấp cột thép	22/1/2024	48.952.611.797	6/5/2024	Không	Không
43	Gói 23: ĐZ 500kV Nam Định 1- Phố Nối (Cung cấp và vận chuyển cột thép hình đoạn tuyến từ VT305 đến ĐC)	Công ty cổ phần Việt Vương	Cung cấp cột thép	22/1/2024	75.426.164.892	6/5/2024	Không	Không
44	Gói 5: ĐZ 500kV NMNĐ Nam Định 1- Phố Nối (Cung cấp và vận chuyển cột thép dàn ống từ ĐĐ-VT121)	Jiangsu Guohua Tube Tower Manufacture Co., Ltd.	Cung cấp cột thép	2/2/2024	68.418.033.775	17/5/2024	Không	Không
45	Gói 6: ĐZ 500kV Nam Định 1- Phố Nối (Cung cấp và vận chuyển cột thép hình đoạn tuyến từ VT305 đến ĐC)	Jiangsu Guohua Tube Tower Manufacture Co., Ltd.	Cung cấp cột thép	2/2/2024	64.810.125.156	17/5/2024	Không	Không



TT	Tên Hợp đồng	Đối tác tham gia	Sản phẩm, dịch vụ đầu vào, đầu ra	Thời điểm ký kết	Giá trị (Đồng)	Thời gian thực hiện	Các điều khoản quan trọng	Mối quan hệ với TV HĐQT, KSV, TGD, Phó TGD, cổ đông lớn
	thép dãn ống từ VT121-ĐC)							
46	Gói 70: ĐZ 500kV Quảng Trạch-Quỳnh Lưu (Cung cấp và vận chuyển cột thép thanh cái ống từ SPP đến VT48)	Jiangsu Guohua Tube Tower Manufacture Co., Ltd.	Cung cấp cột thép	3/2/2024	76.605.730.234	18/5/2024	Không	Không
47	Gói 71: ĐZ 500kV Quảng Trạch-Quỳnh Lưu (Cung cấp và vận chuyển cột thép thanh cái ống từ VT48 đến VT105)	Jiangsu Guohua Tube Tower Manufacture Co., Ltd.	Cung cấp cột thép	3/2/2024	60.553.405.070	18/5/2024	Không	Không
48	Dự án: ĐZ 220-110KV Cầu Bông – Bình Tân (Xây lắp ĐZ trên không 220-110kV từ G17A đến G21)	Jiangsu Guohua Tube Tower Manufacture Co., Ltd.	Xây lắp đường dây	31/05/2024	175.875.769.805	27/01/2025	Không	Không
49	Gói thầu số 1: Thi công xây dựng, cung cấp hàng hóa và lắp dựng hạng mục: Di dời hệ thống		Cung cấp vật tư và thi công đường dây	17/07/2024	197.999.893.000	12/07/2025	Không	Không



TT	Tên Hợp đồng	Đối tác tham gia	Sản phẩm, dịch vụ đầu vào, đầu ra	Thời điểm ký kết	Giá trị (Đồng)	Thời gian thực hiện	Các điều khoản quan trọng	Mối quan hệ với TV HĐQT, KSV, TGD, Phó TGD, cổ đông lớn
	điện 110kV, 220kV và 500kV pñục vụ GPMB đường vành đai 4							
50	Gói thầu NSTG.G05: Xây lắp đường dây 110kV Dự án: Nâng cao khả năng truyền tải đường dây 110kV từ TBA 220kV Nghi Sơn – Tĩnh Gia 2, tỉnh Thanh Hoá	Công ty cổ phần truyền thông và công nghệ HDC - Công ty PT PRIMA INDAH LESTARI INDONESIA	Cung cấp vật tư và thi công	13/08/2024	45.536.014.259	13/02/2025	Không	Không

(Nguồn: SJE)

10.6. Các khách hàng, nhà cung cấp lớn của Công ty trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

Bảng số 11: Các khách hàng, nhà cung cấp lớn trong năm 2022, 2023, 2024 và đến thời điểm hiện tại

TT	Tên các khách hàng, nhà cung cấp lớn	Sản phẩm, dịch vụ	Giá trị giao dịch trên doanh thu/doanh số mua hàng	Thời gian Giao dịch	Mối quan hệ với TV HĐQT, KSV, TGD, Phó TGD, cổ đông lớn
1	Công ty TNHH cột thép Đông Anh	Mua cột thép mạ kẽm nhúng nóng	42.680.517.337	14/7/2022	Không có
2	Công ty TNHH TM	Cung cấp dây dẫn,	15.954.005.210	12/10/2022	



TT	Tên các khách hàng, nhà cung cấp lớn	Sản phẩm, dịch vụ	Giá trị giao dịch trên doanh thu/doanh số mua hàng	Thời gian Giao dịch	Mối quan hệ với TV HĐQT, KSV, TGD, Phó TGD, cổ đông lớn
	SX dây và cáp điện Đại Long	dây CS			Không có
3	Công ty CP đầu tư và TM HK	Mua cáp quang, cách điện, phụ kiện	18.193.505.091	3/10/2023	Không có
4	Công ty TNHH ĐT XD & TM Ngãi Cầu	Mua cột thép	22.531.400.091	23/6/2023	Không có
5	Công ty CP GVI	Cung cấp dây dẫn, dây CS	21.569.233.400	14/9/2023	Không có
6	Công ty TNHH thương mại Đức Giang	Mua thép góc	119.570.183.623	23/02/2024	Không có
7	Công ty cổ phần Thép và Khoáng Sản Kinh Đô	Mua kẽm thỏi	11.797.500.000	23/01/2024	Không có
8	Công ty cổ phần Kim Tín	Mua kẽm thỏi	11.632.500.000	29/12/2023	Không có
9	Công ty cổ phần Tập đoàn IPC	Mua thép tấm	16.416.160.995	03/01/2024	Không có
10	Công ty cổ phần Việt Vương	Mua cột thép	29.363.285.646	08/12/2023	Không có
11	Jiangsu Guohua Tube Tower Manufacture Co., Ltd	Nhập khẩu cột thép	9,163,978 USD	02/04/2023	Không có
12	Công ty cổ phần truyền thông và công nghệ HDC	Mua cáp quang, cách điện, phụ kiện	17.735.670.095	31/01/2025	Không có

(Nguồn: SJE)

10.7. Vị thế của Tổ chức phát hành trong ngành



10.7.1 Vị thế của Tổ chức phát hành so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

Mục tiêu của SJE là trở thành đơn vị vững mạnh trong ngành xây dựng, duy trì tốc độ tăng trưởng trung bình 10%/năm. Bên cạnh các công trình xây lắp được Tổng Công ty Sông Đà giao, Công ty sẽ chủ động chuẩn bị nhân lực, vật lực và tiềm năng tài chính để tham gia đấu thầu các công trình xây dựng công nghiệp, nhà máy điện lớn...

- *Lợi thế về thương hiệu lâu năm:* Công ty cổ phần Sông Đà 11 là nhà thầu có uy tín và năng lực thi công mạnh trên thị trường. Với hơn 60 năm hình thành và phát triển, đi cùng sự phát triển của mạng lưới điện quốc gia từ những ngày đầu tiên, Công ty luôn chiếm ưu thế và nhận được lòng tin của khách hàng qua chất lượng của các công trình. SJE có kinh nghiệm trong việc xây lắp hàng nghìn km đường dây điện và hàng trăm trạm biến áp ở các cấp điện áp 500 kV, 220 kV và 110 kV. Công ty đã có đủ năng lực để thực hiện thành công các dự án xây dựng thủy điện vừa và nhỏ, dự án điện mặt trời. Chặng đường hơn 60 năm đó đủ để chứng minh sự phát triển của một doanh nghiệp đã trải qua nhiều biến động khó khăn của nền kinh tế.

- *Lợi thế về quản trị:* Ban lãnh đạo điều hành Công ty đều là những người có nhiều năm kinh nghiệm lâu năm, hầu hết đều gắn bó với ngành điện từ những năm đầu tiên phát triển tại Việt Nam, đã cùng Công ty vượt qua những biến động của nền kinh tế cũng như những thăng trầm trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, nhân sự Công ty được đào tạo chuyên nghiệp, bài bản và luôn được đào tạo nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, quản trị, quản lý đạt hiệu quả công việc cao nhất.

- *Thị trường:* Thị trường hoạt động của Công ty rộng khắp cả nước, trải dài từ miền Bắc đến miền Nam, các tỉnh Tây Nguyên,... Trong thời gian tới, với chiến lược phát triển trung hạn và dài hạn của mình, công ty sẽ tiếp tục đầu tư phát triển các ngành nghề truyền thống, mở rộng phạm vi hoạt động ra rộng khắp các tỉnh trên cả nước. Ngoài ra, Công ty hướng tới mục tiêu mở rộng thị trường sang các nước lân cận như Lào, Campuchia,...

- *Tình hình tài chính:* Hoạt động kinh doanh năm 2023 của Công ty cổ phần Sông Đà 11 so với các doanh nghiệp trong cùng ngành hiện đang niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán như sau:



Bảng số 12: Tình hình hoạt động của các doanh nghiệp cùng ngành

Đơn vị: Đồng

TT	Công ty	Mã CK	Tổng tài sản	Vốn điều lệ	Vốn chủ sở hữu	Doanh thu thuần	Lợi nhuận sau thuế	ROA (%)	ROE (%)
1	Công ty cổ phần Sông Đà 11	SJE	2.671.255.540.084	241.687.110.000	906.095.457.973	2.359.678.868.681	170.146.054.947	6,37%	18,78%
2	Công ty cổ phần tập đoàn PC1	PC1	20.987.644.741.128	3.576.421.210.000	7.716.019.292.896	10.088.901.620.619	709.975.393.730	3,38%	9,20%
3	Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam	VNE	3.180.549.452.627	904.329.530.000	1.006.585.648.599	700.626.519.965	-265.801.269.275	(8,36)%	(26,41)%
4	Công ty cổ phần tập đoàn CMH Việt Nam	CMS	560.095.502.945	254.525.000.000	280.403.035.539	202.066.527.362	4.953.920.876	0,88%	1,77%
5	Công ty cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings	PHC	3.240.311.810.811	506.819.270.000	661.169.480.916	1.558.061.385.067	4.778.279.702	0,15%	0,72%
6	Công ty cổ phần Sông Đà 2	SD2	392.587.169.411	144.235.360.000	181.062.928.055	145.611.540.339	610.658.955	0,16%	0,34%
7	Công ty Cổ phần Tasco	HUT	29.183.150.305.718	8.925.119.650.000	11.562.510.578.015	30.648.032.502.235	284.108.182.863	0,97%	2,46%
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	CTI	4.561.347.537.632	629.999.970.000	1.523.990.185.012	1.111.589.982.180	116.158.764.127	2,55%	7,62%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2024 của các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường)



Ở Việt Nam hiện nay, có nhiều Công ty trong lĩnh vực xây lắp điện đang hoạt động. Trong số đó, có những công ty có tiềm lực tài chính mạnh, năng lực thi công tốt như: Công ty CP Tập đoàn PC1, Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam với vốn điều lệ lớn hơn rất nhiều lần so với Công ty CP Sông Đà 11. Ngoài ra, có một số doanh nghiệp với mức vốn điều lệ tương đồng với SJE như: Công ty CP Tập đoàn CMH Việt Nam, Công ty CP Sông Đà 2, Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Sông Đà. Việc so sánh các chỉ tiêu chính là hệ số ROA, ROE sẽ cho chúng ta thấy khả năng sinh lời và hiệu quả sử dụng vốn của các công ty cùng hoạt động trong lĩnh vực này.

Nhìn vào chỉ số ROA của các Công ty cho ta biết hiệu quả của công ty đó trong việc sử dụng tài sản để sinh lời. Năm 2024, tổng tài sản của PC1 là hơn 20.000 tỷ đồng nhưng ROA chỉ ở mức 3,38%, của PHC là 0,15%, cá biệt có VNE, tổng tài sản là gần 4.000 tỷ đồng nhưng ROA là số âm do lợi nhuận sau thuế của công ty âm 265,8 tỷ đồng. Trong khi đó, ROA của SJE đạt 6,37%, là công ty có ROA cao nhất trong số các Công ty được so sánh.

Hệ số ROE phản ánh năng lực sử dụng đồng vốn để sinh lời của doanh nghiệp. Năm 2024, ROE của Công ty cổ phần Sông Đà 11 là 18,78%, cao hơn các công ty có vốn lớn trong ngành như Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO, Tổng Công ty cổ phần xây dựng điện Việt Nam.

Như vậy, so với một số doanh nghiệp tiêu biểu trong cùng ngành, tình hình các chỉ số tài chính của Công ty trong năm 2024 khá tốt. Công ty đã sử dụng nguồn vốn và tài sản có hiệu quả để đầu tư phát triển các hoạt động của mình.

10.7.2. Triển vọng phát triển ngành:

Việt Nam, một trong những quốc gia có tiềm năng lớn trong việc đầu tư vào các nguồn năng lượng tái tạo như: điện mặt trời, điện gió, điện sinh khối, điện sóng biển và khí sinh học Biogas... Cùng với đó là các nguồn năng lượng truyền thống như: điện khí tự nhiên hóa lỏng, thủy điện và điện than, đã thiết lập mục tiêu phát triển hệ thống năng lượng sạch để giảm thiểu tác động tiêu cực đối với môi trường.

Trong những năm gần đây, sự chú trọng vào tương lai bền vững và phát triển đã dẫn dắt Việt Nam đến việc cam kết đạt mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050. Điều này thể hiện quyết tâm và sự tập trung của Việt Nam trong việc xây dựng một hành trình phát triển bền vững, nhằm tạo điều kiện cho thế hệ tương lai sống trong môi trường sạch sẽ và an toàn.

Phát triển kinh tế – chính trị luôn đòi hỏi sự tăng trưởng của nhu cầu năng lượng và điện năng toàn thế giới. Tại Việt Nam, nhằm nâng cao năng lực truyền tải của hệ thống điện, đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu đầu nối các công trình nguồn điện, đảm bảo cấp điện cho miền Nam và các thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, giải quyết tình trạng quá tải về cung cấp điện cho nhiều địa phương và các khu vực kinh tế trọng điểm của đất nước cũng như đảm bảo chương trình đưa điện về nông thôn và miền núi (98% hộ dân tại đây có điện), Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm, chú trọng phát triển ngành điện với nhiệm vụ quan trọng là cung cấp năng lượng điện cho mọi hoạt động, phản ánh thông qua



vốn đầu tư cho ngành điện tăng mạnh qua các năm. Đây chính là những điều kiện thuận lợi cho Công ty trong việc phát triển, mở rộng hoạt động trong tương lai.

10.7.3. Đánh giá sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung của thế giới:

Ngày 15/5/2023, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 500/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII).

Theo đó, Quy hoạch điện VIII quy hoạch phát triển nguồn điện và lưới điện truyền tải ở cấp điện áp từ 220 kV trở lên, công nghiệp và dịch vụ về năng lượng tái tạo, năng lượng mới trên lãnh thổ Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, bao gồm cả các công trình liên kết lưới điện với các quốc gia láng giềng.

Quy hoạch điện VIII đặt ra mục tiêu bảo đảm vững chắc an ninh năng lượng quốc gia, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Cùng với đó, thực hiện chuyển đổi năng lượng công bằng gắn với hiện đại hóa sản xuất, xây dựng lưới điện thông minh, quản trị hệ thống điện tiên tiến, phù hợp với xu thế chuyển đổi xanh, giảm phát thải, phát triển khoa học công nghệ thế giới. Đồng thời, hình thành hệ sinh thái công nghiệp năng lượng tổng thể dựa trên năng lượng tái tạo, năng lượng mới.

Trong đó, về mục tiêu đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia, cung cấp đủ nhu cầu điện trong nước, đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội với mức tăng trưởng GDP bình quân khoảng 7%/năm trong giai đoạn 2021-2030, khoảng 6,5-7,5%/năm trong giai đoạn 2031-2050; Bảo đảm cung cấp điện an toàn, tin cậy. Đến năm 2030, độ tin cậy cung cấp điện năng thuộc nhóm 4 nước dẫn đầu ASEAN, chỉ số tiếp cận điện năng thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu ASEAN; Phấn đấu đến năm 2030 có 50% các tòa nhà công sở và 50% nhà dân sử dụng điện mặt trời mái nhà tự sản, tự tiêu (phục vụ tiêu thụ tại chỗ, không bán điện vào hệ thống điện quốc gia).

Đối với chuyển đổi năng lượng công bằng, Quy hoạch điện VIII đặt mục tiêu phát triển mạnh các nguồn năng lượng tái tạo phục vụ sản xuất điện. Định hướng đến năm 2050, tỷ lệ năng lượng tái tạo lên đến 67,5-71,5%; Kiểm soát mức phát thải khí nhà kính từ sản xuất điện đạt khoảng 204-254 triệu tấn năm 2030 và còn khoảng 27-31 triệu tấn vào năm 2050. Hướng tới đạt mức phát thải đỉnh không quá 170 triệu tấn vào năm 2030 với điều kiện các cam kết theo JETP được các đối tác quốc tế thực hiện đầy đủ, thực chất; Xây dựng hệ thống lưới điện thông minh, đủ khả năng tích hợp, vận hành an toàn hiệu quả nguồn năng lượng tái tạo quy mô lớn.

Về phát triển hệ sinh thái công nghiệp và dịch vụ năng lượng tái tạo, dự kiến đến 2030, hình thành 2 trung tâm công nghiệp, dịch vụ năng lượng tái tạo liên vùng bao gồm sản xuất, truyền tải và tiêu thụ điện; công nghiệp chế tạo thiết bị năng lượng tái tạo, xây dựng, lắp đặt, dịch vụ liên quan, xây dựng hệ sinh thái công nghiệp năng lượng tái tạo tại các khu vực có nhiều tiềm năng như Bắc Bộ, Nam Trung Bộ, Nam Bộ khi có các điều kiện thuận lợi. Bên cạnh đó, phát triển các nguồn điện từ năng lượng tái tạo và sản xuất năng lượng mới phục vụ xuất khẩu. Phấn đấu đến năm 2030, quy mô công suất xuất khẩu điện



đạt khoảng 5.000-10.000 MW.

Để đạt được các mục tiêu trên, Quy hoạch điện VIII cũng đã xác định các phương án phát triển nguồn điện, phương án phát triển lưới điện, liên kết lưới điện với các nước trong khu vực, định hướng phát triển điện nông thôn, định hướng phát triển sinh thái công nghiệp và dịch vụ về năng lượng tái tạo, và nhu cầu vốn đầu tư. Theo đó, giai đoạn 2021-2030 ước tính tổng vốn đầu tư phát triển nguồn và lưới điện truyền tải tương đương 134,7 tỷ USD; định hướng giai đoạn 2031-2050 ước tính nhu cầu vốn đầu tư phát triển nguồn và lưới điện truyền tải tương đương 399,2 - 523,1 tỷ USD, trong đó đầu tư cho nguồn điện khoảng 364,4-511,2 tỷ USD, lưới điện truyền tải khoảng 34,8-38,6 tỷ USD, sẽ được chuẩn xác trong các quy hoạch tiếp theo.

Về khối lượng xây dựng lưới điện truyền tải mục tiêu trong giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn đến 2050 như sau:

Giai đoạn 2021 - 2030: Xây dựng mới 49.350 MVA và cải tạo 38.168 MVA trạm biến áp 500 kV; xây dựng mới 12.300 km và cải tạo 1.324 km đường dây 500 kV; xây dựng mới 78.525 MVA và cải tạo 34.997 MVA trạm biến áp 220 kV; xây dựng mới 16.285 km và cải tạo 6.484 km đường dây 220 kV.

Định hướng giai đoạn 2031 - 2050: Xây dựng mới 40.000 - 60.000 MW dung lượng trạm HVDC và 5.200 - 8.300 km đường dây HVDC; xây dựng mới 90.900 - 105.400 MVA và cải tạo 117.900 - 120.150 MVA trạm biến áp 500 kV; xây dựng mới 9.400 - 11.152 km và cải tạo 801 km đường dây 500 kV; xây dựng mới 124.875 - 134.125 MVA và cải tạo 105.375 - 106.750 MVA trạm biến áp 220 kV; xây dựng mới 11.395 - 11.703 km, cải tạo 504 - 654 km đường dây 220 kV. Khối lượng lưới điện giai đoạn 2031 - 2050 sẽ chuẩn xác trong các quy hoạch điện thời kỳ tiếp theo.

Công ty đề ra những định hướng phát triển trong tương lai như sau:

Tăng cường công tác quản trị trên mọi lĩnh vực, hoàn thiện mô hình quản lý, tổ chức sản xuất kinh doanh đồng bộ, tinh gọn, đáp ứng triển khai thực hiện xây dựng các công trình đường dây tải điện và hệ thống điện nước, sản xuất công nghiệp.

Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, nâng cao năng lực thi công cốt lõi; Xây dựng và định hình các Chi nhánh, Đội xây lắp có tiềm lực, đảm bảo tính cơ động cao và đủ khả năng đảm nhận thi công các công trình có quy mô lớn và yêu cầu kỹ thuật cao.

Đảm bảo ngày càng thỏa mãn tốt hơn nhu cầu về thu nhập, đời sống của người lao động, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút lao động có trình độ và tay nghề cao; tạo điều kiện và môi trường làm việc thân thiện, chuyên nghiệp để người lao động yên tâm công tác, gắn bó lâu dài và cống hiến vì sự phát triển của Công ty.

Đối với lĩnh vực thi công xây lắp, Tổng thầu xây lắp đường dây và trạm biến áp; Xây dựng các công trình điện: Đây là ngành nghề kinh doanh chính của Công ty, do đó cần phải tập trung nguồn lực để tiếp thị đấu thầu và tổ chức thi công đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng các công trình. Phấn đấu đến năm 2029 nằm trong Top 3 nhà thầu xây lắp, Tổng thầu xây lắp các công trình điện đến cấp điện áp 500kV.

Đối với Tổng thầu xây dựng các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, các dự án năng



lượng tái tạo: Trên cơ sở kế hoạch đầu tư, hợp tác đầu tư phát triển nguồn điện và kế thừa năng lực đã thi công các dự án của Công ty tham gia đấu thầu, chào giá các công trình, dự án thủy điện và năng lượng tái tạo. Từ đó gia tăng giá trị sản lượng xây lắp, làm chủ kỹ thuật thi công và tiến độ công trình.

Đối với lĩnh vực thi công xây lắp hệ thống cấp, thoát nước và cấp ngầm đến cấp điện áp 220kV: Mở rộng quan hệ hợp tác, nỗ lực tìm kiếm công việc, mở rộng thị phần của Công ty phù hợp với năng lực. Từng bước đủ năng lực tham gia các gói thầu có quy mô lớn trong ngành.

Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm: Tổ chức vận hành hiệu quả Nhà máy thủy điện Thác Trắng, Nhà máy thủy điện To Buông - Đông Khùa, Nhà máy thủy điện Đăk Đoa, Nhà máy thủy điện Sông Miện, Nhà máy thủy điện Đăk Prul, Nhà máy điện mặt trời Phong Phú. Việc vận hành khai thác có hiệu quả 6 nhà máy điện nêu trên là nhiệm vụ quan trọng, tạo nguồn thu ổn định hỗ trợ ngành nghề kinh doanh chính của Công ty.

Đối với công tác kinh doanh thiết bị điện, than: Từng bước tiếp cận thị trường tiến tới là nhà thầu mạnh chuyên cung cấp thiết bị, nguyên liệu cho các nhà máy Nhiệt điện và cơ sở công nghiệp.

Về dự án đầu tư: Nghiên cứu, tìm kiếm các dự án năng lượng tái tạo, thủy điện vừa và nhỏ, điện mặt trời, điện gió, điện sinh khối. Đầu tư, mua bán các dự án năng lượng tái tạo. Phấn đấu đến năm 2029 sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp các nguồn phát điện khoảng 300MW.

Như vậy, lĩnh vực hoạt động hiện tại cũng như định hướng mở rộng quy mô sản xuất Công ty không những phù hợp với kế hoạch chung của ngành mà còn có thể tận dụng chính sách ưu đãi, hỗ trợ cụ thể của chính phủ trong thời gian tới.

10.8. Hoạt động Marketing

Bên cạnh việc tập trung chuyên sâu vào ngành nghề chính và tăng cường đầu tư trang thiết bị hiện đại, kỹ thuật mới, Công ty Cổ phần Sông Đà 11 cũng rất coi trọng hoạt động marketing để quảng bá thương hiệu SJE đến các đối tác tiềm năng. Chính sách marketing mà Công ty lựa chọn vẫn dựa trên cơ sở đảm bảo những cam kết thực tế với khách hàng về chất lượng và tiến độ công trình. Hình ảnh uy tín của Công ty chính là hình ảnh Marketing tốt nhất.

Đề ra mục tiêu Marketing xuất phát từ mục tiêu kinh doanh của Công ty. Từ đó tập trung vào chính là nghiên cứu và phân tích thị trường để nắm được những yếu tố vĩ mô, vi mô có tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Nắm vững nhu cầu và mong muốn của khách hàng, những đối thủ cạnh tranh và những đối tượng tác động.

Triển khai thực hiện, đánh giá kết quả thực hiện và rút kinh nghiệm được tiến hành liên tục nhằm điều chỉnh các kế hoạch được sâu sát và đạt hiệu quả cao hơn.

Luôn luôn duy trì hình ảnh và mối quan hệ với khách hàng cũng giúp Công ty ngoài việc nâng cao giá trị thương hiệu cũng thu thập thêm lượng lớn thông tin phản hồi để lập và điều chỉnh các hoạt động Marketing. Trong những năm qua, Công ty cũng đã chú trọng đến việc quảng bá thương hiệu Sông Đà 11 thông qua Website công ty, các trang báo điện



từ, các buổi hội đàm, gặp gỡ trực tiếp, giao lưu với các đối tác.

10.9. Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế

Mẫu nhãn hiệu (logo):



Logo SJE- mang một sự đặc biệt độc đáo và phản ánh rõ nét về lĩnh vực hoạt động của Công ty. Với một hình ảnh đường dây điện chạy qua giữa, được vẽ một cách tỉ mỉ và chi tiết, logo này không chỉ thể hiện sự chuyên nghiệp mà còn là biểu tượng của sự liên kết và kỹ thuật trong lĩnh vực điện.

Tại trung tâm của hình ảnh đường dây điện, nổi bật là tên của công ty, được viết một cách sang trọng và rõ ràng. Màu vàng được sử dụng làm màu nền, tạo nên sự nổi bật và thu hút ngay từ cái nhìn đầu tiên. Màu vàng cũng thường được liên kết với sự tươi mới, sự sáng tạo và niềm vui, phản ánh cam kết của công ty trong việc mang đến sự tiến bộ và hài lòng cho khách hàng.

Tổng thể, logo này không chỉ là biểu tượng của sự chuyên nghiệp và uy tín mà còn thể hiện tầm nhìn và cam kết của công ty trong việc cung cấp các giải pháp điện hiệu quả và an toàn cho khách hàng.

10.10 Chính sách nghiên cứu và phát triển

Bên cạnh lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, Công ty CP Sông Đà 11 luôn chú trọng nghiên cứu thị trường, nghiên cứu sản phẩm để có thể mở rộng đầu tư không chỉ vào các ngành nghề khác có lợi nhuận tiềm năng trong tương lai. Trong lĩnh vực xây lắp, Công ty luôn không ngừng học hỏi, đào tạo và tự đào tạo nâng cao kiến thức để có thể sáng tạo hơn nữa trong thi công xây lắp điện. Trong lĩnh vực đầu tư các dự án năng lượng, Công ty đẩy mạnh tìm kiếm, đầu tư vào các nhà máy thủy điện có suất đầu tư dự án hợp lý, điều kiện thủy văn, địa hình địa chất thuận lợi cho việc phát triển thủy điện, dung tích hồ chứa, hồ sơ pháp lý đảm bảo theo quy định của Pháp luật, Dự án có các chỉ tiêu kinh tế, tài chính tốt đảm bảo mang lại hiệu quả kinh tế.

Lĩnh vực cung cấp cột điện bằng thép và kinh doanh than là 02 hoạt động mới được Công ty triển khai trong năm 2024 và được kỳ vọng sẽ đóng góp một phần không nhỏ cho SJE trong tương lai gần.

10.11 Chiến lược kinh doanh

Tăng cường công tác quản trị trên mọi lĩnh vực, hoàn thiện mô hình quản lý, tổ chức sản xuất kinh doanh đồng bộ, tinh gọn đáp ứng triển khai thực hiện xây dựng các công trình đường dây tải điện và hệ thống điện nước, sản xuất công nghiệp, các nhà máy thủy điện, điện gió, điện mặt trời khác. Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, nâng cao năng lực thi công cốt lõi; Xây dựng và định hình các Chi nhánh, Đội xây lắp có tiềm lực, đảm bảo tính cơ động cao và đủ khả năng đảm nhận thi công các công trình có quy mô lớn và yêu cầu



kỹ thuật cao.

Đảm bảo ngày càng thỏa mãn tốt hơn nhu cầu về thu nhập, đời sống của người lao động, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút lao động có trình độ và tay nghề cao; tạo điều kiện và môi trường làm việc thân thiện, chuyên nghiệp để người lao động yên tâm công tác, gắn bó lâu dài và cống hiến vì sự phát triển bền vững của Công ty.

Đối với lĩnh vực thi công xây lắp, Tổng thầu xây lắp đường dây và trạm biến áp; Xây dựng các công trình điện: Đây là ngành nghề kinh doanh chính của Công ty, do đó cần phải tập trung nguồn lực để tiếp thị đấu thầu và tổ chức thi công đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng các công trình. Phấn đấu đến năm 2029 nằm trong Top 3 nhà thầu xây lắp, Tổng thầu xây lắp các công trình điện đến cấp điện áp 500kV.

Đối với Tổng thầu xây dựng các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, các dự án năng lượng tái tạo: Trên cơ sở kế hoạch đầu tư, hợp tác đầu tư phát triển nguồn điện và kế thừa năng lực đã thi công các dự án của Công ty tham gia đấu thầu, chào giá các công trình, dự án thủy điện và năng lượng tái tạo. Từ đó gia tăng giá trị sản lượng xây lắp, làm chủ kỹ thuật thi công và tiến độ công trình.

Đối với lĩnh vực thi công xây lắp hệ thống cấp, thoát nước và cấp ngầm đến cấp điện áp 220kV: Mở rộng quan hệ hợp tác, nỗ lực tìm kiếm công việc, mở rộng thị phần của Công ty phù hợp với năng lực. Từng bước đủ năng lực tham gia các gói thầu có quy mô lớn trong ngành. Sản xuất kinh doanh điện thương phẩm: Tổ chức vận hành hiệu quả Nhà máy thủy điện Thác Trắng, Nhà máy thủy điện To Buông - Đông Khùa, Nhà máy thủy điện Đăk Đoa, Nhà máy thủy điện Sông Miện, Nhà máy thủy điện Đăk Prul 1, Nhà máy điện mặt trời Phong Phú. Việc vận hành khai thác có hiệu quả 6 nhà máy điện nêu trên là nhiệm vụ quan trọng, tạo nguồn thu ổn định hỗ trợ ngành nghề kinh doanh chính của Công ty

Đối với công tác kinh doanh thiết bị điện, than: Từng bước tiếp cận thị trường tiến tới là nhà thầu mạnh chuyên cung cấp thiết bị, nguyên liệu cho các nhà máy Nhiệt điện và cơ sở công nghiệp. Về dự án đầu tư: Nghiên cứu, tìm kiếm các dự án năng lượng tái tạo, thủy điện vừa và nhỏ, điện mặt trời, điện gió, điện sinh khối. Đầu tư, mua bán các dự án năng lượng tái tạo. Phấn đấu đến năm 2029 sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp các nguồn phát điện khoảng 300MW.

Xây dựng và phát triển Công ty một cách toàn diện, với mục tiêu ngành nghề chiến lược chính là lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến cấp điện áp 500KV, xây dựng hệ thống

cấp thoát nước, cung cấp điện nước cho các công trình xây dựng thủy điện, sản xuất và kinh doanh điện thương phẩm và sản xuất đá xây dựng; xây dựng các Nhà máy điện mặt trời, điện gió, điện năng lượng tái tạo... đến năm 2034 Công ty sẽ trở thành một trong những doanh nghiệp có quy mô hoạt động tinh gọn, hiệu quả và quản trị tiên tiến hàng đầu có năng lực Tổng thầu PC, EPC trong ngành xây lắp đường dây và trạm biến áp, cấp ngầm đến cấp

điện áp 500kV, Tổng thầu các công trình năng lượng tái tạo đến 500MW;



Tập trung đúng mức các nguồn lực đầu tư vào lĩnh vực năng lượng tái tạo, ưu tiên các dự án điện mặt trời và điện gió, cùng với đó tiếp tục tìm kiếm cơ hội đầu tư các dự án thủy điện vừa và nhỏ, chuyển dịch mạnh mẽ tỷ trọng doanh thu sản xuất công nghiệp trong tổng doanh thu của Công ty, đến cuối năm 2034 Công ty trực tiếp đầu tư hoặc đầu tư thông qua các Công ty con, các Nhà máy phát điện có tổng công suất 100MW;

Là một trong những nhà cung cấp nguyên nhiên vật liệu có năng lực và uy tín cung cấp cho các Nhà máy Nhiệt điện than, khí hóa lỏng: Phát huy cao độ mọi nguồn lực để nâng cao năng lực cạnh tranh, không ngừng nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho người lao động, đảm bảo mức tăng trưởng lợi nhuận và cổ tức cho các cổ đông;

Xây dựng cơ cấu tổ chức hợp lý với nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ các công trình đang thi công trước mắt và hướng tới lâu dài kết hợp cùng chiến lược đẩy mạnh đầu tư trang thiết bị, máy móc thi công với công nghệ tiên tiến; Phân đầu hàng năm tốc độ tăng trưởng từ 15% – 20%, dự kiến đến năm 2034 đạt giá trị doanh thu lên trên 10.000 tỷ đồng/năm.

10.12 Thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật liên quan

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Hiện tại, các Nhà máy sản xuất điện thương phẩm của Công ty đều đáp ứng đầy đủ yêu cầu về Giấy phép hoạt động theo quy định của Nhà nước (Giấy phép hoạt động điện lực, Giấy phép sử dụng nước mặt...). Đối với lĩnh vực xây lắp các công trình đường dây cao thế và Trạm biến áp, Công ty được Bộ Xây Dựng cấp phép hoạt động theo đúng quy định.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1 Số lượng người lao động trong Công ty

Trong thời gian 02 năm qua số lao động của Công ty ít biến động. Số lao động của Công ty đến thời điểm 31/12/2024 và số lượng lao động bình quân trong 02 năm liên tục như sau:

Bảng số 13: Cơ cấu lao động của Công ty

STT	Phân loại lao động	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Phân theo trình độ lao động	409	100
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	105	25,67
2	Trình độ Cao đẳng	18	4,4
3	Trình độ trung cấp, công nhân kỹ thuật	98	23,96
4	Lao động phổ thông	188	45,96
II	Phân theo thời hạn HĐLĐ	409	100
1	Lao động thường xuyên	232	56,72
2	Lao động thời vụ	177	43,27

(Nguồn: SJE)

11.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp



11.2.1 Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc: Thời gian làm việc bình thường của Công ty là 8 giờ/ngày, 40 giờ/tuần, làm việc từ thứ 2 đến hết thứ 6, nghỉ thứ 7 và Chủ nhật. Giờ làm việc trong ngày được quy định cụ thể như sau:

Khi có yêu cầu đột xuất về tiến độ sản xuất, kinh doanh các nhân viên Công ty có trách nhiệm làm thêm giờ. Công ty đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước và có đãi ngộ thỏa đáng cho người lao động.

Nghỉ phép, nghỉ lễ, tết: Thực hiện theo Luật lao động, nhân viên Công ty làm việc với thời gian 12 tháng được nghỉ phép 12 ngày và thời gian không làm việc đủ 12 tháng được tính theo tỷ lệ thời gian làm việc.

Nhân viên được nghỉ lễ, tết 09 ngày theo quy định của Luật Lao động.

Nghỉ ốm, thai sản: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều kiện làm việc: Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát, trang bị đầy đủ dụng cụ, thiết bị hỗ trợ công việc. Công ty cũng trang bị đầy đủ, dụng cụ và đồ bảo hộ lao động cho CBNV làm việc tại công trường có yêu cầu về an toàn lao động. Riêng đối với lực lượng lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ và đúng quy định pháp luật các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động nhằm bảo đảm mức độ an toàn cao nhất cho người lao động.

11.2.2 Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút nhân tài, lao động có trình độ, chuyên môn vào làm việc cho công ty. Tùy từng vị trí cụ thể, công ty có những tiêu chuẩn bắt buộc riêng nhằm đáp ứng tốt nhất nguồn nhân lực cho hoạt động kinh doanh của công ty. Công tác tuyển dụng được thực hiện theo chiến lược phát triển của Công ty và thực hiện theo kế hoạch hàng năm. Công ty đề ra tiêu chí tuyển dụng lao động, trong đó ưu tiên lao động tốt nghiệp đại học và sau đại học trong và ngoài nước, lao động có chuyên môn giỏi, kinh nghiệm và năng lực đáp ứng được yêu cầu của Công ty, sinh viên khá giỏi vừa mới tốt nghiệp trong và ngoài nước nhằm tạo nguồn nhân lực cho phát triển lâu dài cho Công ty.

Trong năm căn cứ vào khối lượng công việc nhu cầu nhân lực, Công ty đã cân đối giữa các đơn vị và có kế hoạch tuyển dụng lao động. Số lao động được tuyển dụng đảm bảo chất lượng và yêu cầu công việc, tỷ lệ lao động trực tiếp, gián tiếp vẫn đảm bảo được yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên do tính chất công việc ngành nghề nặng nhọc, nguy hiểm, biến động, thu nhập còn hạn chế nên việc tuyển dụng lao động trong năm 2023 gặp rất nhiều khó khăn. Công ty chỉ tuyển dụng thêm 21 người trong đó 11 cán bộ khoa học nghiệp vụ và 10 công nhân kỹ thuật;

Cán bộ nhân viên được đào tạo theo chương trình ngắn hạn, nội dung đào tạo nghiệp vụ tư vấn giám sát, quản lý đội trưởng, chỉ huy trưởng công trình, đào tạo cấp chứng chỉ hành nghề xây dựng, chứng chỉ nghề. Trong năm 2023, Công ty đã cử 15 cán bộ tham gia đào tạo cấp chứng chỉ an toàn vệ sinh lao động, 28 cán bộ tham gia chương trình đào tạo



chuyên gia đánh giá nội bộ ISO 9001:2015, 25 công nhân lao động phổ thông tham gia chương trình đào tạo nghề điện;

11.2.3 Chính sách lương và thưởng:

Công ty thực hiện các chế độ cho người lao động theo Luật lao động. Ngoài ra, chế độ lương và thưởng của Công ty cổ phần Sông Đà 11 còn được gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh và chất lượng phục vụ, gồm các chế độ cơ bản như sau:

Mỗi năm, nhân viên được thưởng tối thiểu 01 tháng lương, ngoài ra nhân viên còn được hưởng lương theo năng suất và thưởng hoàn thành công việc;

Thưởng cho các đơn vị, cá nhân tiêu biểu trong năm; thưởng sáng kiến;

Thưởng trong các dịp lễ tết của quốc gia và kỷ niệm thành lập Công ty.

11.3 Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động:

Không có.

12. Chính sách cổ tức

HĐQT có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình ĐHĐCĐ. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính. Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và sau khi hoàn thành các nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ tài chính khác theo quy định Pháp luật. Căn cứ kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới, HĐQT đề xuất phương án chia cổ tức phù hợp trình ĐHĐCĐ quyết định.

Tỷ lệ chi trả cổ tức trên vốn điều lệ:

Khoản mục	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Tỷ lệ chi trả cổ tức (%)	Trả cổ tức bằng cổ phiếu 10%	0%	0%

(Nguồn: SJE)

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

Không có

14. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Tổ chức phát hành

Không có.

15. Các thông tin, nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp, kiện tụng liên quan tới Công ty có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty, đợt chào bán, giá cổ phiếu chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

Không có.

16. Thông tin về cam kết của Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Công ty cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.



V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

Bảng số 14: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm 2024 so với 2023	31/03/2025
Tổng giá trị tài sản	1.052.416	1.731.874	64,56	1.476.632
Doanh thu thuần	380.497	2.194.118	476,65	145.844
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	65.163	28.650	(56,03)	4.977
Lợi nhuận khác	(8.377)	3.437	141,03	-48
Lợi nhuận trước thuế	56.785	32.088	(43,49)	4.929
Lợi nhuận sau thuế	56.785	32.088	(43,49)	4.929
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	/	0%
Tỷ lệ cổ tức (%/MG)	0%	0%	/	0%

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023, 2024, BCTC riêng Quý I năm 2025 của SJE)

Bảng số 15: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm 2024 so với 2023	31/03/2025
Tổng giá trị tài sản	1.917.897	2.671.255	39,28	2.639.569
Doanh thu thuần	696.151	2.359.678	238,96	209.734
Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh	108.606	179.131	64,94	33.451
Lợi nhuận khác	(9.987)	2.510	125,13	-605



Lợi nhuận trước thuế	98.619	181.633	84,18	32.846
Lợi nhuận sau thuế	89.043	170.146	91,08	30.446
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%	0%	/	0%
Tỷ lệ cổ tức (%/MG)	0%	0%	/	0%

(Nguồn: BCTC Hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024, BCTC Hợp nhất Quý I năm 2025 của SJE)

Ý kiến của tổ chức kiểm toán độc lập:

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán An Việt tại Báo cáo tài chính riêng năm 2022 được kiểm toán số 15/2023/KT-AV3-TC ngày 16/02/2023:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề cần nhấn mạnh: Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số 7 trong phần Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp, tại đó mô tả khoản các phải thu liên quan đến Tổng công ty Sông Đà – CTCP.

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán An Việt tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 được kiểm toán số 16/2023/KT-AV3-TC ngày 16/02/2023:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh: Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số 7 trong phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại đó mô tả khoản các phải thu liên quan đến Tổng công ty Sông Đà – CTCP.

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán An Việt tại Báo cáo tài chính riêng năm 2023 được kiểm toán số 16/2024/KT-AV3-TC ngày 26/02/2024:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính



- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán An Việt tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 được kiểm toán số 17/2024/KT-AV3-TC ngày 26/02/2024:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán An Việt tại Báo cáo tài chính riêng năm 2024 được kiểm toán số 07/2025/KT-AV3-TC ngày 10/02/2025:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Tổng hợp.

Vấn đề khác: Báo cáo kiểm toán độc lập được dịch sang tiếng Anh từ báo cáo bằng ngôn ngữ tiếng Việt được phát hành tại Việt Nam.

- Ý kiến của Tổ chức kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán An Việt tại Báo cáo tài chính hợp nhất 2024 được kiểm toán số 07/2024/KT-AV3-TC ngày 10/02/2025:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác: Báo cáo kiểm toán độc lập được dịch sang tiếng Anh từ báo cáo bằng ngôn ngữ tiếng Việt được phát hành tại Việt Nam.

Theo BCTC hợp nhất năm 2024, Tổng giá trị tài sản của SJE đạt 2.671,2 tỷ đồng, giảm gần 753 tỷ đồng so với năm 2023, tương đương giảm 39,28%. Đồng thời, Tổng doanh thu của SJE đạt 2.359,6 tỷ đồng, tăng so với năm 2023, khoảng 238,96%. Theo đó lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp tăng mạnh đạt 170 tỷ tăng hơn 81 tỷ so với năm 2023. Điều này cho thấy trong năm 2024 doanh nghiệp đã quản lý tốt hoạt động kinh doanh của công ty mang lại lợi nhuận sau thuế tăng bất chấp khó khăn và biến động của tình hình kinh tế.

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

1.2.1 Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty

✦ Nhân tố thuận lợi:



Ngoài việc xây dựng nguồn điện như các nhà máy điện thì các hệ thống truyền tải điện gồm trạm biến áp và các mạng lưới đường dây cũng là một phần rất quan trọng trong Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia. Với nhu cầu về điện năng ngày càng tăng, Chính phủ đã phải đẩy mạnh hoạt động đầu tư vào hệ thống trạm biến áp và đường dây truyền tải điện trong những năm qua và đặc biệt trong tương lai. Việc phát triển các lưới điện truyền tải là một thuận lợi cho sự phát triển của Công ty trong lĩnh vực xây lắp điện.

✦ **Nhân tố khó khăn:**

Điều kiện thi công và điều kiện thời tiết luôn là khó khăn mà SJE luôn phải đối mặt trong hoạt động xây lắp. Như đã phân tích trong phần rủi ro, hoạt động xây lắp điện chủ yếu được tiến hành ngoài trời và tại nhiều khu vực có địa hình phức tạp, do đó, điều kiện tự nhiên có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả và mức độ an toàn trong sản xuất kinh doanh của lĩnh vực này. Đây là khó khăn mà tất cả các công ty thuộc ngành xây lắp điện đều phải đối mặt.

1.2.2. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính 31/12/2024.

Năm 2025 nền kinh tế Việt Nam có nhiều chuyển biến tích cực. Chính phủ có nhiều giải pháp để tăng đầu tư công, nói lòng tin dụng để giảm khó khăn và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp phát triển sản xuất. Tập đoàn Điện Lực Việt Nam EVN dự kiến sẽ đầu tư nhiều dự án mới và nâng cấp cải tạo nhiều dự án về Đường dây và Trạm biến áp và đặc biệt là đầu tư dự án đường dây 500kV Lào Cai – Vĩnh Yên. Nhiều Chủ đầu tư ngoài ngành điện đang mở rộng đầu tư nhiều dự án điện trong năm 2024 và những năm tiếp theo, đây là tín hiệu tốt và điều kiện thuận lợi cho công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm và thực hiện nhiệm vụ SXKD của Công ty.

Tuy nhiên, một số khó khăn có thể kể đến như về cơ chế đấu thầu tìm kiếm việc làm vẫn còn hạn chế, lãi suất ngân hàng đang ở mức khá cao trong khi đó biên lợi nhuận các gói thầu không cao. Nhiều gói thầu do chịu ảnh hưởng tiến độ thi công đường dây 500kV mạch 3 nên đã đưa ra tiến độ thi công rất ngắn, vừa thi công vừa giải phóng mặt bằng. Năng lực thi công của các đơn vị còn nhiều hạn chế vì vậy dẫn đến nguy cơ không đảm bảo tiến độ theo yêu cầu của chủ đầu tư.

2. Tình hình tài chính

Các hoạt động tài chính luôn được Công ty Cổ phần Sông Đà 11 thực hiện một cách chính xác, đầy đủ, phản ánh trung thực về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty, đồng thời tuân thủ quy tắc, chuẩn mực, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan. Công ty xem việc hoạt động đúng các quy định pháp luật là trách nhiệm cũng như nghĩa vụ của một tổ chức hoạt động kinh doanh chân chính.

2.1. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

2.1.1 Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh:

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 sử dụng và quản lý vốn góp của cổ đông và vốn kinh doanh theo đúng các quy định của pháp luật và đúng mục đích quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

✦ **Báo cáo về Vốn điều lệ:**



Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 1332/QĐ-BXD ngày 17/08/2004 Của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty đang hoạt động theo giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 22 số 0500313811 ngày 10/04/2025 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, được chuyển đổi từ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000212 ngày 21/09/2004 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 22 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do thay đổi ngành nghề kinh doanh, bổ sung vốn điều lệ và cơ cấu lại các đơn vị trực thuộc, trong đó Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 22 ngày 10/04/2025 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ được góp của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 đến thời điểm hiện nay là 241.687.110.000 đồng.

Bảng số 16: Báo cáo về vốn điều lệ của Công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Vốn điều lệ	241.687.110.000	241.687.110.000	241.687.110.000

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023, 2024, BCTC riêng Quý I năm 2025 của SJE)

✦ Báo cáo về nguồn vốn kinh doanh của Công ty:

Bảng số 17: Báo cáo về nguồn vốn kinh doanh của Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
I. Vốn chủ sở hữu	676.498	704.843	699.273
1. Vốn góp của chủ sở hữu	241.687	241.687	241.687
2. LNST chưa phân phối	169.458	197.803	47.170
3. Thặng dư vốn cổ phần	67.964	67.964	67.964
4. Quỹ đầu tư phát triển	197.388	197.388	322.451
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			20.000
II. Nợ phải trả	375.917	1.027.031	777.359
1. Nợ ngắn hạn	352.971	1.020.523	736.140
2. Nợ dài hạn	22.946	6.507	41.219
Tổng nguồn vốn kinh doanh	1.052.416	1.731.874	1.476.632

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023 và 2024, BCTC riêng Quý I năm 2025 của SJE)

**Bảng số 18: Báo cáo về nguồn vốn kinh doanh của Công ty (Hợp nhất)**

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
I. Vốn chủ sở hữu	751.297	906.095	922.433
1. Vốn góp của chủ sở hữu	241.687	241.687	241.687
2. LNST chưa phân phối	109.670	259.454	132.898
3. Thặng dư vốn cổ phần	71.164	71.164	71.164
4. Quỹ đầu tư phát triển	203.493	203.493	328.556
5. Vốn khác của chủ sở hữu	20.000	20.000	20.000
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			20.000
6. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	105.282	110.296	108.128
II. Nợ phải trả	1.166.600	1.765.160	1.717.136
1. Nợ ngắn hạn	575.629	1.274.514	989.406
2. Nợ dài hạn	590.970	490.645	727.730
Tổng nguồn vốn kinh doanh	1.917.897	2.671.255	2.639.569

(Nguồn: BCTC HN kiểm toán năm 2023 và năm 2024, BCTC HN Quý I năm 2025 của SJE)

✦ **Báo cáo tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Công ty:****Bảng số 19: Tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Công ty mẹ**

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
1. Tài sản ngắn hạn	461.301	1.122.372	872.361
2. Tài sản dài hạn	591.114	609.502	604.272

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023 và 2024, BCTC riêng Quý I năm 2025 của SJE)

Bảng số 20: Tình hình sử dụng vốn kinh doanh của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
----------	------------	------------	------------



1. Tài sản ngắn hạn	622.616	1.225.029	994.212
2. Tài sản dài hạn	1.295.280	1.446.225	1.645.356

(Nguồn: BCTC HN kiểm toán năm 2023 và năm 2024, BCTC HN Quý I năm 2025 của SJE)

Tình hình sử dụng vốn: Công ty cam kết sử dụng vốn hiệu quả, phục vụ cho hoạt động kinh doanh, bổ sung vốn lưu động, đầu tư góp vốn vào các công ty con của Công ty, trả nợ vay ngân hàng và nhà cung cấp theo đúng mục đích chào bán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong từng đợt phát hành.

b) Trích khấu hao tài sản cố định:

Thực hiện Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25
- Máy móc, thiết bị	03 – 08
- Phương tiện, vận tải	05 – 08
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

(Nguồn: SJE)

c) Mức lương bình quân

Bảng số 21: Mức lương bình quân của người lao động SJE qua các năm

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Mức lương bình quân/người/tháng (đồng)	8.500.000	9.000.000	12.500.000

(Nguồn: SJE)

Mức lương bình quân của người lao động Công ty Cổ phần Sông Đà 11 ở mức trung bình so với các doanh nghiệp khác cùng ngành.

d) Tình hình công nợ

Bảng số 22: Số dư các khoản phải thu Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Các khoản phải thu ngắn hạn	328.470	910.271	645.618
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	236.785	727.645	487.554



Trả trước cho người bán ngắn hạn	29.654	56.382	75.377
Phải thu về cho vay ngắn hạn	24.966	68.503	25.584
Phải thu ngắn hạn khác	54.485	72.912	72.276
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(17.422)	(15.173)	(15.173)
Các khoản phải thu dài hạn	15.598	11.148	11.148
Phải thu dài hạn của khách hàng	15.254	10.254	10.254
Phải thu dài hạn khác	343	893	894
Tổng cộng	344.068	921.419	656.766

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023 và năm 2024, BCTC riêng Quý I năm 2025 của SJE)

✦ **Tình hình các khoản phải thu quá hạn tại Công ty mẹ:**

Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty cổ phần Sông Đà 11 đã trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn (Công ty mẹ) là (15.173) triệu đồng, chi tiết như sau:

Bảng số 23: Chi tiết các khoản phải thu quá hạn của Công ty tại 31/12/2024(Công ty mẹ)

DVT: Triệu đồng

STT	Đối tượng	Giá trị công nợ	Giá trị trích lập dự phòng	Thời gian quá hạn	Nguyên nhân	Đánh giá khả năng thu hồi
1	TCT CP xây dựng điện Việt Nam	4.298	(4.298)	Trên 3 năm	Khách hàng không có khả năng thanh toán	Khó có khả năng thu hồi
2	Các đối tượng khác	11.945	(10.875)	Từ 1 đến trên 3 năm	Khách hàng không có khả năng thanh toán	Khó có khả năng thu hồi

(Nguồn: SJE)

Bảng số 24: Số dư các khoản phải thu Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Các khoản phải thu ngắn hạn	416.697	875.783	630.938
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	336.762	773.907	509.507



Trả trước cho người bán ngắn hạn	44.975	66.515	79.264
Phải thu ngắn hạn khác	101.024	111.697	118.404
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(66.063)	(76.336)	(76.236)
Các khoản phải thu dài hạn	38.075	33.764	33.764
Phải thu dài hạn của khách hàng	37.720	32.856	32.856
Phải thu dài hạn khác	335	908	908
Tổng cộng	454.772	909.547	664.703

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023 và năm 2024, BCTC hợp nhất Quý I năm 2025 của SJE)

✦ **Tình hình các khoản phải thu quá hạn theo BCTC hợp nhất:**

Tại thời điểm 31/12/2024, Công ty cổ phần Sông Đà 11 đã trích lập dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn (Hợp nhất) là (76.336) triệu đồng, chi tiết như sau:

Bảng số 25: Chi tiết các khoản phải thu quá hạn của Công ty tại 31/12/2024(Hợp nhất)
ĐVT: Triệu đồng

STT	Đối tượng	Giá trị công nợ	Giá trị trích lập dự phòng	Thời gian quá hạn	Nguyên nhân	Đánh giá khả năng thu hồi
1	TCT Sông Đà – CTCP	29.563	(8.212)	Trên 3 năm	Vướng mắc về hồ sơ quyết toán	Có khả năng thu hồi được
2	Chi nhánh Cty TNHH xây dựng thương mại du lịch Công Lý	11.184	(11.184)	Trên 3 năm	Vướng mắc về hồ sơ quyết toán	Có khả năng thu hồi
3	TCT CP xây dựng điện Việt Nam	4.298	(4.298)	Trên 3 năm	Khách hàng không có khả năng thanh toán	Khó có khả năng thu hồi
4	Các đối tượng khác	62.340	(52.642)	Từ 1 đến trên 3 năm	Khách hàng không có khả năng thanh toán	Khó có khả năng thu hồi

(Nguồn: SJE)

* Nguyên nhân dẫn đến các khoản phải thu quá hạn:

- Đối với Tổng công ty Sông Đà – CTCP do vướng mắc về hồ sơ quyết toán của các



công trình Xekaman 1, Xekaman 3;

- Đối với Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Công Lý vướng mắc về hồ sơ quyết toán;

- Đối với Tổng công ty CP xây dựng điện Việt Nam và một số khách hàng gặp khó khăn về tài chính không có khả năng thanh toán;

- Các đối tượng khác là các cá nhân đã nghỉ việc, phải thu tiền đền bù các công trình đã thi công xong... đều không có khả năng thanh toán;

* Đánh giá khả năng thu hồi các khoản phải thu:

- Đối với công nợ phải thu của Tổng Công ty Sông Đà - CTCP khoản công nợ này sẽ được thu hồi khi các công trình quyết toán xong với Chủ đầu tư;

- Đối với công nợ Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Công Lý đơn vị đang làm thủ tục đưa ra tòa để xử lý nên đối với công nợ này có khả năng sẽ thu hồi được;

- Đối với công nợ phải thu của Tổng công ty CP xây dựng điện Việt Nam và các khách hàng khác gặp khó khăn về tài chính khó có thể thu hồi;

- Đối với các khoản công nợ phải thu khác của cá nhân đã nghỉ việc không thể liên lạc được là không thể thu hồi; khoản tiền đền bù phải thu không thể thu hồi.

Bảng số 26: Số dư các khoản phải trả Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Nợ ngắn hạn	352.971	1.020.523	736.140
Phải trả người bán ngắn hạn	83.160	281.064	182.174
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	91.864	155.752	223.906
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.368	8.809	9.209
Phải trả người lao động	13.041	3.609	2.020
Chi phí phải trả ngắn hạn	19.444	6.321	5.561
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	7,5	7,5	7,5
Phải trả ngắn hạn khác	16.495	15.746	12.026
Vay nợ thuê tài chính ngắn hạn	125.629	548.023	289.662
Quỹ khen thưởng phúc lợi	1.958	1.187	11.574



Nợ dài hạn	22.946	6.507	41.219
Phải trả người bán dài hạn	8.721	6.507	41.219
Vay nợ thuê tài chính dài hạn	14.225	-	-
Tổng cộng	375.917	1.027.031	777.359

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023 và 2024, BCTC riêng Quý I năm 2025 của SJE)

Bảng số 27: Số dư các khoản phải trả Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Nợ ngắn hạn	575.629	1.272.514	989.406
Phải trả người bán ngắn hạn	119.342	329.977	202.656
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	100.848	158.633	226.786
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11.654	18.954	16.584
Phải trả người lao động	19.375	14.163	5.133
Chi phí phải trả ngắn hạn	31.320	29.188	33.611
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	1.757	1.757	1.346
Phải trả ngắn hạn khác	28.953	30.317	26.976
Vay nợ thuê tài chính ngắn hạn	259.404	689.413	463.052
Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.990	2.109	13.262
Nợ dài hạn	590.970	490.645	727.730
Phải trả người bán dài hạn	21.309	13.824	48.492
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	29.312	27.562	27.563
Vay nợ thuê tài chính dài hạn	540.348	449.259	651.675
Tổng cộng	1.166.600	1.765.160	1.717.136

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023 và năm 2024, BCTC hợp nhất Quý I năm 2025 của SJE)



Tình hình thanh toán các khoản nợ:

Kể từ khi thành lập cho đến nay, Công ty Cổ phần Sông Đà 11 luôn thanh toán đầy đủ các khoản nợ và vay (đúng hạn lãi và gốc), không có khoản nợ nào quá hạn. Vì vậy, việc xếp hạng của Công ty tại các Ngân hàng thương mại hàng năm đều ở mức cao. Trong đại dịch Covid-19 vừa qua, trong khi một số doanh nghiệp cùng ngành phải cơ cấu nợ thì Công ty vẫn thanh toán đủ các khoản nợ vay đến hạn, duy trì sự tín nhiệm ở mức cao và nhận được nhiều ưu đãi về chế độ hạn mức cùng lãi suất tiền vay từ các ngân hàng thương mại có quan hệ với Công ty. Hiện tại Công ty không có khoản nợ nào quá hạn.

Kể từ khi thành lập cho đến nay, Công ty không phát sinh trường hợp vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng/cam kết.

e) Các khoản phải nộp theo luật định:

So với các lĩnh vực khác, Ngành năng lượng nhận được sự hỗ trợ đáng kể từ Chính phủ, đặc biệt là ở khía cạnh tài chính. Cụ thể các ưu đãi về tiền thuê đất, thuế của Nhà máy Thủy điện, điện mặt trời như: ưu đãi về thuế xuất nhập khẩu đối với hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định, nguyên liệu, vật tư và bán thành phẩm mà trong nước chưa sản xuất được, ưu đãi miễn/giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất tùy thuộc vào vị trí dự án; ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định chung hiện nay đối với thuế thu nhập của các dự án năng lượng thuộc danh mục ưu đãi đầu tư của Chính phủ khi áp dụng thuế suất 10% cho 15 năm đầu, miễn thuế 4 năm đầu tiên và giảm 50% thuế trong 9 năm kế tiếp.

Góp phần đáp ứng nhu cầu năng lượng từ giải pháp năng lượng sạch, ngoài việc tối ưu hóa lợi nhuận cho Công ty, tạo công ăn việc làm và cải thiện thu nhập cho cộng đồng địa phương, bảo đảm lợi ích cho cổ đông và các bên liên quan; việc làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước cũng được BLĐ SJE xem là một trong những sứ mệnh quan trọng của tăng trưởng bền vững. Hoàn thành các nghĩa vụ về Thuế không đơn thuần là tuân thủ pháp luật mà còn là một trong những đóng góp có ý nghĩa to lớn cho sự phát triển của đất nước nói chung và những địa phương nơi SJE đang hoạt động sản xuất cũng như cung cấp dịch vụ nói riêng.

Công ty thực hiện nghiêm túc, đúng quy định việc nộp các khoản thuế (Giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp,...) các khoản phí, lệ phí theo quy định của Nhà nước. Kể từ khi thành lập cho đến nay, Công ty luôn tuân thủ và nộp đúng hạn các khoản phải nộp Nhà nước theo quy định.

Bảng số 28: Số dư các khoản phải nộp theo luật định của Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Thuế giá trị gia tăng	876	7.430	7.674



Thuế Thu nhập doanh nghiệp	0	0	0
Thuế thu nhập cá nhân	53	682	676
Thuế tài nguyên	61	164	338
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	29	29	29
Thuế bảo vệ môi trường	0	0	0
Thuế, phí khác	70	221	211
Cộng	1.089	8.528	8.929

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023, 2024, BCTC riêng Quý I năm 2025 của SJE)

Bảng số 29: Số dư các khoản phải nộp theo luật định của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Thuế giá trị gia tăng	6.027	11.975	11.994
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.056	4.221	2.060
Thuế thu nhập cá nhân	165	726	1.115
Thuế tài nguyên	1.125	811	612
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	67	66,6	67
Thuế bảo vệ môi trường, phí dịch vụ môi trường rừng	261	74	83
Thuế, phí khác	652	781	356
Cộng	11.353	18.656	16.286

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 được kiểm toán, BCTC hợp nhất Quý I năm 2025 của SJE)

g) Trích lập các quỹ theo luật định:

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Theo Báo cáo tài chính Hợp nhất đến ngày 31/12/2024, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/03/2025. Việc trích lập các quỹ cụ thể như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển: 125.062.500.000 đồng
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 10.000.000.000 đồng
- Trích Quỹ thưởng Ban điều hành công ty: 500.000.000 đồng
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu: 20.000.000.000 đồng



h) Tình hình công nợ

Trong hai năm 2023-2024 và đến tính thời điểm hiện tại, Công ty Cổ phần Sông Đà 11 đảm bảo có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn. Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

i) Hàng tồn kho:

Bảng số 30: Số dư hàng tồn kho của Công ty mẹ

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Nguyên liệu, vật liệu	37.516	1.948	24.424
Công cụ, dụng cụ	298	26	26
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	38.000	117.182	96.534
Hàng hóa	-	4.773	15.585
Tổng cộng	75.815	123.930	136.570

(Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2023, 2024, BCTC riêng Quý I năm 2025 của SJE)

Bảng số 31: Số dư hàng tồn kho của Công ty (Hợp nhất)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2023	31/12/2024	31/03/2025
Nguyên liệu, vật liệu	42.268	42.550	63.819
Công cụ, dụng cụ	1.367	1.030	1.033
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	84.361	169.411	169.939
Hàng hóa	-	4.773	15.585
Tổng cộng	127.996	217.766	250.376

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2023, 2024, BCTC hợp nhất Quý I năm 2025 của SJE)

✦ Nguyên nhân làm biến động hàng tồn kho của công ty

Hàng tồn kho của Công ty năm 2024 tăng so với năm 2023 gấp 1,63 lần tương đương tăng 63,4% (Theo báo cáo tồn kho Công ty mẹ), nguyên nhân là do trong năm 2024 Công ty tập trung mọi nguồn lực đẩy mạnh thi công, thần tốc về đích các gói thầu ĐZ500KV Mạch 3 Quảng Trạch - Phố Nối theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, do vậy trong năm 2024 sản lượng của Công ty tăng mạnh. Trong thời gian này, Công ty tập trung thi công để về đích các dự án trọng điểm nên chưa tập trung làm hồ sơ thanh toán do đó chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang tại thời điểm 31/12/2024 của Công ty có sự tăng đột biến. Trong quý IV, Công ty tập trung chỉ đạo triệt để công tác thu hồi vốn để giảm chi phí dở dang, giảm giá trị



hàng tồn kho. Mặt khác, để chuẩn bị tốt cho việc thi công các gói thầu mà Công ty đã tiếp tục trúng thầu trong quý IV, Công ty đã chuẩn bị nguồn lực, nguyên vật liệu sẵn sàng phục vụ thi công trong năm 2025, do vậy hàng tồn kho trong tại ngày 31/12/2024 của Công ty tăng so với năm 2023.

k) Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất:

Việc chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của Công ty trong năm 2024 có thể ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình tài chính của Công ty. Theo kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 thông qua, phần vốn chào bán mới được sử dụng để đầu tư vốn vào công ty con, góp vốn mua cổ phần, phần vốn góp của doanh nghiệp, Công ty tiềm năng và/ hoặc (2) Bổ sung nguồn vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và hoặc (3) Thanh toán nợ vay ngân hàng và các khoản nợ đến hạn khác của Công ty.

Bên cạnh đó, năm 2024 và trong năm 2025 các nền kinh tế lớn trên thế giới đều suy thoái, dẫn tới ảnh hưởng không nhỏ đến thị trường xuất nhập khẩu cũng như hành vi tiêu dùng trong nước, từ đó ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu của Công ty. Tuy nhiên, việc nới lỏng chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ giúp thúc đẩy sản xuất của các quốc gia trên thế giới có thể sẽ mang lại hiệu quả cho các nền kinh tế, tăng dần nhu cầu tiêu dùng trong tương lai. Công ty cũng cần chủ động chuẩn bị kịch bản tốt nhất để ứng phó với những biến động có thể tác động lớn tới kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng số 32: Chỉ tiêu tài chính của Công ty mẹ

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2024
Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	1,31	1,10
Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	Lần	1,09	0,98
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	35,72	59,30
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	55,57	145,71
Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân	Vòng	3,93	20,87



Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2024
Vòng quay tổng tài sản <u>Doanh thu thuần</u> Tổng tài sản bình quân	Lần	0,37	1,58
Vòng quay vốn lưu động <u>Doanh thu thuần</u> Tổng tài sản ngắn hạn bình quân	Lần	0,91	2,77
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	14,92	1,46
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	%	8,74	4,65
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ	%	5,59	2,30
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	17,13	1,31
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	14,92	1,46
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	23,50	13,28
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	2.489	1.328

(Nguồn: Theo BCTC riêng năm 2023 2024 của SJE)

Bảng số 33: Chỉ tiêu tài chính của Công ty hợp nhất

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2024
Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	1,08	0,96
Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	Lần	0,86	0,79
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	60,83	66,08
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	155,28	194,81
Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	Vòng	3,18	11,58
Vòng quay tổng tài sản <u>Doanh thu thuần</u>	Lần	0,36	1,03



Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2024
Tổng tài sản bình quân			
Vòng quay vốn lưu động Doanh thu thuần Tổng tài sản ngắn hạn bình quân	Lần	1,19	2,55
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	12,79	7,21
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	%	12,43	20,53
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ	%	4,64	7,42
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	15,60	7,59
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	12,79	7,21
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	36,84	70,40
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	3.362	6.402

(Nguồn: Theo BCTC hợp nhất năm 2023, 2024 của SJE)

3. Ý kiến của Tổ chức kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức phát hành

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán An Việt tại Báo cáo tài chính riêng năm 2022 được kiểm toán số 15/2023/KT-AV3-TC ngày 16/02/2023:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề cần nhấn mạnh: Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số 7 trong phần Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp, tại đó mô tả khoản các phải thu liên quan đến Tổng công ty Sông Đà – CTCP.

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán An Việt tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 được kiểm toán số 16/2023/KT-AV3-TC ngày 16/02/2023:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ



kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh: Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số 7 trong phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại đó mô tả khoản các phải thu liên quan đến Tổng công ty Sông Đà – CTCP.

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán An Việt tại Báo cáo tài chính riêng năm 2023 được kiểm toán số 16/2024/KT-AV3-TC ngày 26/02/2024:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán An Việt tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 được kiểm toán số 17/2024/KT-AV3-TC ngày 26/02/2024:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán An Việt tại Báo cáo tài chính riêng năm 2024 được kiểm toán số 07/2025/KT-AV3-TC ngày 10/02/2025:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Tổng hợp.

Vấn đề khác: Báo cáo kiểm toán độc lập được dịch sang tiếng Anh từ báo cáo bằng ngôn ngữ tiếng Việt được phát hành tại Việt Nam.

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán An Việt tại Báo cáo tài chính hợp nhất 2024 được kiểm toán số 07/2024/KT-AV3-TC ngày 10/02/2025:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo



cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề khác: Báo cáo kiểm toán độc lập được dịch sang tiếng Anh từ báo cáo bằng ngôn ngữ tiếng Việt được phát hành tại Việt Nam.

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức

4.1. Một số chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức

Bảng số 34: Các chỉ tiêu kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức của Công ty năm 2025

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2025			
	Kế hoạch – Công ty mẹ	Kế hoạch – Tổ hợp Sông Đà 11	% tăng/giảm so với năm trước (Công ty mẹ)	% tăng/giảm so với năm trước (Toàn tổ hợp Sông Đà 11)
Doanh thu thuần	1.776.684	2.069.647	(19,03)	(12,29)
Lợi nhuận trước thuế	72.000	208.048	124,38	14,54
Lợi nhuận sau thuế	66.400	186.243	107	9,46
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần hoặc Thu nhập lãi thuần	3,4%	8,04%	155	24,8
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	8,1	18,27	73,57	(11,03)
Tỷ lệ cổ tức	10%	10%	/	/

(Nguồn: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của SJE)

4.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nêu trên

Kế hoạch kinh doanh trong năm 2025 sắp tới được xây dựng dựa trên các giả định chắc chắn và mang tính thận trọng cao về tình hình kinh tế nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh nói riêng của Công ty.

– Chuẩn bị đầy đủ các nguồn lực: Xe máy, thiết bị, dụng cụ và Công nhân lao động để thi công đáp ứng yêu cầu đóng điện các công trình trong năm 2025.

– Tiếp tục sắp xếp lại mô hình sản xuất từ công ty đến các đơn vị trực thuộc theo hướng tinh, gọn nhằm nâng cao năng lực cán bộ, lực lượng lao động, bám sát tiến độ để thi công đảm bảo chất lượng, an toàn trên các công trình.

– Áp dụng các biện pháp thi công tối ưu, thực hiện triệt để tiết giảm chi phí, hạ giá thành phần đầu các công trình xây lắp đều có hiệu quả.

– Đối với các nhà máy điện: Áp dụng phương án vận hành tối ưu nhất, thực hiện đầy đủ chế độ bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ thiết bị; chuẩn bị đầy đủ vật tư, thiết bị dự phòng đảm bảo nhà máy vận hành an toàn, liên tục và phát huy tối đa công suất lắp đặt của các tổ máy để hoàn thành kế hoạch năm 2025.



- Tập trung thu hồi công nợ, nâng cao năng lực về tài chính, lập kế hoạch thu hồi dứt điểm các công nợ đến hạn thanh toán tại các công trình đơn vị thị công đảm bảo nguồn vốn phục vụ nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

- Tích cực mở rộng quan hệ với các Chủ đầu tư truyền thống và các chủ đầu khác ngoài ngành điện để nâng cao hiệu quả đấu thầu trong năm 2025, đảm bảo đủ việc làm cho CBNV. Phân tích và tìm các giải pháp, lựa chọn các công trình có hiệu quả để đấu thầu và trúng thầu để nâng cao hiệu quả SXKD.

- Nghiên cứu và tìm kiếm phát triển một số dự án Nhà máy thủy điện, điện gió và điện mặt trời; Các dự án Bất động sản Công nghiệp và nhà máy sản xuất cột thép, cáp điện; thiết bị cho ngành điện...

- Để nâng cao đội ngũ công nhân lành nghề, đáp ứng yêu cầu huy động nhân lực tại các công trình trọng điểm. Trong năm 2025, Công ty sẽ tuyển dụng thêm cán bộ khoa học nghiệp vụ và công nhân kỹ thuật để đảm bảo đủ lực lượng thi các công trình trọng điểm.

4.3. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

- Với tư cách là tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán UP đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và hợp lý cần thiết để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Sông Đà 11. Công ty cổ phần Sông Đà 11 đảm bảo và cam kết rằng các thông tin và số liệu cung cấp trong Bản cáo bạch này là minh bạch, đúng sự thật và phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty.

- Trong năm 2025, Công ty tiếp tục với chiến lược mở rộng, gia tăng thị phần, đẩy mạnh các lĩnh vực trọng yếu của Công ty. Vì vậy, Công ty đã đặt ra kế hoạch kinh doanh với doanh thu thuần đạt 1.776 tỷ đồng, tổng lợi nhuận là 72 tỷ đồng. Công ty Cổ phần Chứng khoán UP cho rằng kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 dự kiến trong năm 2025 là phù hợp nếu không có những biến động bất thường và bất khả kháng khác tác động tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Chúng tôi lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có tính chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính, chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Các nhận xét này chỉ mang tính tham khảo, các nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng trước khi ra quyết định đầu tư vào cổ phiếu của Công ty cổ phần Sông Đà 11.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 120 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14:

“Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký



doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông”.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 22 số 0500313811 ngày 10/04/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, được chuyển đổi từ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000212 ngày 21/09/2004 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Do vậy Công ty cổ phần Sông Đà 11 không có cổ đông sáng lập đang trong quá trình hạn chế chuyển nhượng.

2. Thông tin về cổ đông lớn

Tại thời điểm hiện tại Công ty có 02 cổ đông sở hữu từ 5% vốn cổ phần của Công ty thông tin như sau:

- ✦ Tên cổ đông: Công ty TNHH đầu tư Energy Việt Nam
 - Năm thành lập: Ngày 19/05/2022
 - Địa chỉ: NQ05-16, khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside 2, phường Việt Hưng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
 - Vốn điều lệ: 360.000.000.000 đồng
 - Giấy chứng nhận ĐKDN: Số 0110002017 do Sở kế hoạch đầu thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19 tháng 05 năm 2022 và đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 07 tháng 11 năm 2024
 - HKD chính: Đầu tư và sản xuất điện
 - Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Quang Chung
 - Chức vụ: Giám đốc
 - Người đại diện tại SJE (tên, chức vụ): Bùi Quang Chung – Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Sông Đà 11
 - Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và những người có liên quan của họ tại thời điểm trở thành cổ đông lớn, hiện tại và dự kiến sau đợt chào bán:

Cổ đông	Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm trở thành cổ đông lớn	Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết hiện tại	Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết dự kiến sau đợt chào bán
Công ty TNHH đầu tư Energy Việt Nam	11.206.800 cổ phần tương đương 51,01%	12.805.580 cổ phần tương đương 52,98%	22.409.765 cổ phần tương đương 52,98%
Người có liên của Công ty TNHH đầu tư Energy Việt Nam	0 cổ phần tương đương 0%	0 cổ phần tương đương 0%	0 cổ phần tương đương 0%



• Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành đối với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổ chức phát hành và những người có liên quan của họ: Không có

✦ Tên cổ đông: Tổng Công ty Sông Đà - CTCP

• Năm thành lập: Tổng công ty Sông Đà - CT CP được cổ phần hóa từ Tổng công ty Sông Đà (Tổng công ty Nhà nước được thành lập theo quyết định số 996/BXD-TCLĐ15/11/1995 của Bộ xây dựng) bắt đầu hoạt động từ ngày 13/04/2010 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100105870 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp;

• Địa chỉ: Nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

• Vốn điều lệ: 4.495.371.120.000 đồng

• Giấy chứng nhận ĐKDN: Số 0100105870 do Sở kế hoạch đầu thành phố Hà nội cấp lần đầu ngày 13 tháng 04 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 20 tháng 06 năm 2023

• HKKD chính: Tổng thầu xây lắp (Tổng thầu EPC) và thi công các công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, điện, thủy lợi, tổ hợp các công trình ngầm; thi công và xử lý nền móng công trình; xây dựng nhà các loại; kinh doanh điện thương phẩm; sản xuất, kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng; chế tạo và lắp đặt các thiết bị, máy móc công nghiệp; đầu tư phát triển và kinh doanh đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế; cho thuê văn phòng;

• Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Anh Đức;

• Chức vụ: Tổng Giám đốc;

• Người đại diện tại SJE (tên, chức vụ): Ông Nguyễn Văn Hiếu – Thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Sông Đà 11

• Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông lớn và những người có liên quan của họ tại thời điểm trở thành cổ đông lớn, hiện tại và dự kiến sau đợt chào bán:

Cổ đông	Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết tại thời điểm trở thành cổ đông lớn	Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết hiện tại	Số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết dự kiến sau đợt chào bán
Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	1.060.000 cổ phần tương đương: 53%	4.095.960 cổ phần tương đương 16,95 %	7.167.930 cổ phần tương đương 16,95%
Người có liên quan của Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	0 cổ phần tương đương 0%	0 cổ phần tương đương 0%	0 cổ phần tương đương 0%

• Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành đối với cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở



hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổ chức phát hành và những người có liên quan của họ: Không có

(*) Giả sử tất cả các cổ đông hiện hữu tại ngày chốt danh sách cổ đông của Công ty đều thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm theo tỷ lệ 4:3, dự kiến tổng số lượng cổ phiếu của Công ty sau phát hành là 42.295.244 cổ phiếu.

- Thông tin về số lượng, tỷ lệ cổ phần nắm giữ, cổ phần có quyền biểu quyết của những người có liên quan của cổ đông lớn: Không có.
- Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với cổ đông lớn là cá nhân và người có liên quan: Không có
- Trường hợp cổ đông lớn có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của SJE: Công ty Cổ phần Sông Đà 5, Công ty Cổ phần Sông Đà 6, Công ty Cổ phần Sông Đà 9, Công ty Cổ phần Sông Đà 10.

STT	Tên doanh nghiệp	Sản phẩm/dịch vụ	Phân khúc khách hàng	Địa bàn hoạt động	Có xung đột lợi ích với SJE không
1	Công ty Cổ phần Sông Đà 5	Xây lắp đường dây	EVN	Cả nước	Không
2	Công ty Cổ phần Sông Đà 6	Không	Không	Không	Không
3	Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Không	Không	Không	Không
4	Công ty Cổ phần Sông Đà 10	Không	Không	Không	Không

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

3.1. Danh sách và sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng quản trị

Họ tên	Chức danh	Ghi chú
Ông Nguyễn Quang Luân	Chủ tịch HĐQT	
Ông Đào Việt Hùng	Phó chủ tịch HĐQT	TV độc lập HĐQT
Ông Vũ Trọng Vinh	Thành viên HĐQT	TV độc lập HĐQT
Ông Lê Anh Trình	Thành viên HĐQT	Kiểm TGD
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Thành viên HĐQT	

(Nguồn: SJE)

a) Ông Nguyễn Quang Luân – Chủ tịch HĐQT



- Họ và tên: **Nguyễn Quang Luân**
- Giới tính: Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 04/06/1983
- Quê quán: Số 55 Ngõ 6 Bà Triệu, phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CCCD: 014083000141 ngày cấp 18/09/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số 55 Ngõ 6 Bà Triệu, phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cầu đường
- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức phát hành: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP đầu tư điện Mặt Trời; Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty TNHH Năng lượng SJE;
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Tháng 2/2008 - 2/2014	Trung tâm tư vấn KHKT Cầu đường Hà Nội	Cán bộ kỹ thuật, Kỹ sư thiết kế
Tháng 2/2014 – 08/2014	Công ty CP Thủy điện Nậm Lừm;	Trưởng phòng Kế hoạch
Tháng 08/2014 – 10/2017	Công ty CP Thủy điện Nậm Lừm;	Giám đốc
Tháng 11/2017 – 08/2018	Công ty CP Thủy điện Nậm Ban 2	Phó Giám đốc
Tháng 09/2018 – 12/2018	Công ty CP Thủy điện Sừ Pán 2	Phó Tổng Giám đốc
Tháng 9/2020 – 9/2022	Công ty cổ phần năng lượng An Xuân	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc
Tháng 12/2018 – 12/2023	Công ty CP thủy điện Phúc Long	Thành viên HĐQT Giám đốc
Tháng 6/2023 – 6/2024	Công ty CP đầu tư Điện mặt trời	Chủ tịch HĐQT
Tháng 6/2024 – Nay	Công ty CP đầu tư Điện mặt trời	Chủ tịch HĐQT Giám đốc



Tháng 11/2023 – 5/2024	Công ty TNHH năng lượng SJE	Giám đốc
Tháng 6/2024 – Nay	Công ty TNHH năng lượng SJE	Chủ tịch HĐQT Giám đốc
Từ 03/2025 -:- Nay	Công ty Cổ phần Sông Đà 11	Chủ tịch HĐQT

– Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan:

- + Sở hữu cá nhân 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ
- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ
- + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ

– Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tổ chức phát hành: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với Ông Nguyễn Quang Luân và những người có liên quan của Ông Luân: Không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu thưởng, ...) trong 02 năm liên tục và đến thời điểm hiện tại:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022 (đồng)	Năm 2023 (đồng)	31/12/2024 (đồng)
1	Thù lao, tiền lương	0	0	0
2	Các lợi ích khác	0	0	0

– Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không

– Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không

b) Ông Đào Việt Hùng – Phó Chủ tịch HĐQT

- Họ và tên: **Đào Việt Hùng**
- Giới tính: Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 14/06/1968
- Quê quán: Tùng Châu, Đức Thọ, Hà Tĩnh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND/CCCD/Hộ chiếu: 014068001476
- Dân tộc: Kinh



- Địa chỉ thường trú: Phòng 2001 tòa A chung cư Hoàng Huy, 275 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân luật, Cử nhân Tài chính kế toán

- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức phát hành: Phó Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty CPĐT và KDXNK Vạn Thuận.

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1986 -:- 1992	Công ty XNK Tổng hợp tỉnh Sơn La	Nhân viên
Từ 1992 -:- 1997	Chi nhánh Công ty XNK tổng hợp tỉnh Sơn La tại Hà Nội	Nhân viên
Từ 1997 -:- 1999	Chi nhánh Công ty XNK tổng hợp tỉnh Sơn La tại Hà Nội	Phó Giám đốc
Từ 1999 -:- 2002	Công ty XNK Tổng hợp tỉnh Sơn La	Trưởng phòng Kế hoạch
Từ 2003 -:- 2006	Công ty XNK Tổng hợp tỉnh Sơn La	Giám đốc Chi nhánh Hà Nội
Từ 2007 -:- Nay	Công ty CPĐT và KDXNK Vạn Thuận	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Từ 12/2023 -:- 03/2024	Công ty CP Sông Đà 11	Thành viên HĐQT
Từ 03/2024 -:- Nay	Công ty Cổ phần Sông Đà 11	Phó Chủ tịch HĐQT

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan:

+ Sở hữu cá nhân 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ

+ Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ

+ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ

- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với Tổ chức phát hành: Không

- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với Ông Đào Việt Hùng và những người có liên quan của Ông Hùng: Không

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu thưởng ...) trong 02 năm liên tục và đến thời điểm hiện tại:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022 (đồng)	Năm 2023 (đồng)	31/12/2024 (đồng)
-----	----------	--------------------	-----------------	----------------------



1	Thù lao, tiền lương	0	96.000.000	32.000.000
2	Các lợi ích khác	0	0	20.000.000

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không

- Lợi ích cố liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không.

c) Ông Vũ Trọng Vinh – Thành viên HĐQT

- Họ và tên: **Vũ Trọng Vinh**

- Giới tính: Nam

- Ngày, tháng, năm sinh: 01/04/1960

- Quê quán: Đông Phong – Đông Hưng – Thái Bình

- Quốc tịch: Việt Nam

- Số CCCD: 034060002397 ngày cấp 14/04/2022 Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: P709 Tòa HUD3 - Nguyễn Trãi - Hà Đông - Hà Nội

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán

- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức phát hành: Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 1982 -:- 1988	Công ty CP Sông Đà 11, Công ty Sông Đà 3, Công ty tư vấn thiết kế Sông Đà, Công ty Sông Đà 15	Kế toán viên Phó Kế toán trưởng
Từ 1999 -:- 2001	Phòng kiểm toán nội bộ - TCT Sông Đà	Phó phòng kiểm toán
Từ 2001-:- 2003	Công ty BOT thủy điện Cần Đơn	Phó Tổng Giám đốc
Từ 2004 -:- 2006	Ban điều hành dự án thủy điện Sơn La	Kế toán trưởng
Từ 2007 -:- 2009	Công ty CP thủy điện Nậm Chiến	Phó Tổng Giám đốc
Từ 2010 -:- 2011	Công ty CP Đầu tư và phát triển điện Tây Bắc	Phó Tổng Giám đốc
Từ 2012 -:- 2016	Công ty CP đầu tư và phát triển điện Tây Bắc	Tổng Giám đốc
Từ 2017 -:- 2018	Ban quản lý dự án BOT hầm Phước Tượng Phú Gia	Trưởng Ban QLDA
Từ 2019 -:- 2020	Ban quản lý dự án thủy điện Nậm Lúc huyện Bắc Hà tỉnh Lào Cai	Trưởng Ban QLDA



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2020 -:- 2022	Công ty Cổ phần Năng lượng An Xuân	Phó Tổng Giám đốc
Từ 10/2022 -:- 09/2023	Công ty CP thủy điện SIMACAI tỉnh Lào Cai;	Chủ tịch HĐQT CTCP Simacai;
Từ 10/2023 -:- 03/2024	Công ty Cổ phần Sông Đà 11	Tổng Giám đốc
Từ 03/2024 -:- 03/2025	Công ty Cổ phần Sông Đà 11	Chủ tịch HĐQT
Từ 03/2025 -:- nay	Công ty Cổ phần Sông Đà 11	Thành viên HĐQT

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan:

- + Sở hữu cá nhân 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ
- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ
- + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ

- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: Không có

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tổ chức phát hành: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với Ông Vũ Trọng Vinh và những người có liên quan của Ông Vinh: Không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu thưởng, ...) trong 02 năm liên tục và đến thời điểm hiện tại:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022 (đồng)	Năm 2023 (đồng)	31/12/2024 (đồng)
1	Thù lao, tiền lương	0	135.000.000	612.619.048
2	Các lợi ích khác	0	0	30.000.000

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không

- Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không

d) Ông Nguyễn Văn Hiếu - Thành viên HĐQT

- Họ và tên: Nguyễn Văn Hiếu
- Giới tính: Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 01/07/1977
- Quê quán: Xã Tân Phúc, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên
- Quốc tịch: Việt Nam



- Số CCCD: 033077004253
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: P2412 T2A Chung cư TSQ Euroland, Nguyễn Văn Lộc phường Mộ Lao, quận Hà Đông, TP Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế xây dựng
- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Phó Giám đốc Ban chiến lược Đầu tư
- Tổng Công ty Sông Đà CTCP.
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 8/1999 -:- 12/1999	Công ty XD Sông Đà 14	Nhân viên
Từ 1/2000 -:- 5/2001	Xí nghiệp XL&TCCG Sông Đà 2.03 - Công ty XD Sông Đà 2.	Nhân viên
Từ 6/2001 -:- 9/2002	Tổng Công ty Sông Đà tại Sơn La.	Chuyên viên
Từ 10/2002 -:- 4/2010	Tổng Công ty Sông Đà	Chuyên viên
Từ 5/2010 -:- 11/2011	Tập đoàn Sông Đà	Phó Giám đốc Ban Kế hoạch Phát triển
Từ 5/2011 -:- 5/2013	Công ty CP xi măng Sông Đà - Yaly	Thành viên HĐQT
Từ 4/2017 -:- 11/2017	Công ty CP thủy điện Hương Sơn	Thành viên HĐQT
Từ 11/2011 -:- Nay	Tổng công ty Sông Đà	Phó Giám đốc Ban Chiến lược Đầu tư
Từ 3/2023 -:- Nay	Công ty cổ phần Sông Đà 11	Thành viên HĐQT

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan:

- + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ
- + Sở hữu đại diện: 4.095.960 cổ phiếu, chiếm 16,95 % vốn điều lệ
- + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ

- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành:

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Tổ chức phát hành: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổ chức phát hành:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ chức phát hành với Ông Nguyễn Văn Hiếu và những người có liên quan của Ông Hiếu: Không.

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu thưởng,...) trong 02 năm liên tục và đến thời điểm hiện tại:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	31/12/2024
------------	-----------------	-----------------	-----------------	-------------------



		(đồng)	(đồng)	(đồng)
1	Thù lao, tiền lương	0	72.000.000	32.000.000
2	Các lợi ích khác	0	0	20.000.000

- Các khoản nợ đối với Tổ chức phát hành: Không
 - Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ chức phát hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ chức phát hành: Không.

e) Ông Lê Anh Trình - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Họ và tên: **Lê Anh Trình**
- Giới tính: Nam
- Ngày, tháng, năm sinh: 01/07/1977
- Quê quán: Tân Học, Thái Thụy, Thái Bình
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CCCD/Hộ chiếu: 019077000093
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: P 1110, D2, Giảng Võ, Ba Đình, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế xây dựng
- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 2001-:-2007	Công ty Cổ phần đầu tư và Xây lắp Tây Hồ	Phó Tổng Giám đốc
Từ 2007 -:- 2019	Công ty 207 Bộ Tổng tham mưu - BQP	Đội trưởng
Từ 2020 -:- 2023	Công ty Cổ phần Onsen Fati	Giám đốc các BQL
Từ 2023 -:- 1/2024	Công ty Cổ phần Đầu tư khu công nghiệp Việt Nam	Phó Giám đốc
Từ 01/2024 -:- 03/2024	Công ty Cổ phần Sông Đà 11	Phó Tổng Giám đốc
Từ 03/2024 -:- Nay	Công ty Cổ phần Sông Đà 11	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại Tổ chức phát hành của cá nhân, người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan:

- + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ
- + Sở hữu đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ
- + Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ

- Thông tin về những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của Tổ chức phát hành: